

ThS. NGUYỄN THỊ KIM LOAN

XỬ LÝ NỘI DUNG TÀI LIỆU

CHÚ GIẢI, TÓM TẮT, TỔNG QUAN

(Giáo trình dành cho sinh viên Ngành Thông tin - Thư viện)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - 2011

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời đại bùng nổ thông tin ngày nay, với khối lượng tài liệu khổng lồ người dùng tin luôn gặp khó khăn trong việc chọn lựa những tài liệu phù hợp nhất với nhu cầu thông tin của mình. Mặt khác, sự bận rộn, khan hiếm thời gian của cuộc sống công nghiệp hiện đại, khiến việc khai thác thông tin cần phải có sự hỗ trợ đắc lực của những công cụ, thiết bị và cách lưu trữ, xử lý thông tin hiệu quả hơn và sâu sắc hơn. Vì thế bên cạnh những yếu tố mô tả thư mục phản ánh những đặc điểm về hình thức của tài liệu cần phải có những hình thức mô tả nội dung tài liệu một cách hữu dụng nhất. Vai trò quan trọng và công dụng của việc mô tả nội dung tài liệu trong thực tế hoạt động thông tin thư viện những năm gần đây ngày càng được khẳng định. Cho đến nay trong công tác thông tin thư viện đã sử dụng nhiều hình thức mô tả nội dung tài liệu khác nhau như: Mô tả bằng ký hiệu phân loại, bằng từ khóa, chủ đề... Một trong những hình thức phổ biến và có tác dụng mạnh mẽ là mô tả tài liệu bằng bài tóm tắt, bài chú giải, cao hơn nữa là việc xử lý nội dung tài liệu bằng bài tổng quan. Những sản phẩm này là kết quả của một công đoạn xử lý nội dung tài liệu trong quy trình thông tin tư liệu. Nó đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu ngày càng cao đối với các cơ quan thông tin thư viện là không những kiểm soát và xử lý có hiệu quả khối tài liệu khổng lồ trong thời đại bùng nổ thông tin mà còn đưa thông tin kịp thời, chính xác, hiệu quả đến người dùng tin. Chính nhờ những bản tóm tắt, chú giải ngắn gọn mà bạn đọc có thể dễ dàng định hướng, chọn lựa những tài liệu phù hợp nhất với nhu cầu thông tin của mình trong số rất nhiều các tài liệu có liên quan đến vấn đề mà họ quan tâm, tiết kiệm đáng kể thời gian tìm kiếm và chọn lựa những tài liệu phù hợp với nhu cầu thông tin của bạn đọc.

Khác với việc mô tả nội dung tài liệu bằng ngôn ngữ ít nhiều mang tính quy ước như phân loại, chủ đề, từ khóa, xử lý nội dung tài liệu bằng bài tóm tắt, chú giải, tổng quan là một công đoạn mô tả, đánh giá nội dung tài liệu bằng ngôn ngữ tự nhiên, gần gũi và thông dụng đối với mọi bạn đọc, giúp bạn đọc và người dùng tin dễ dàng tiếp cận, sử dụng; Mô tả nội dung tài liệu bằng các hình thức như bài chú giải, tóm tắt, tổng quan thường phản ánh nội dung của tài liệu sâu sắc hơn so với các hình thức khác như ký hiệu phân loại, chủ đề, từ khoá. Các hình thức mô tả này thường rất cô đọng dưới dạng các ký hiệu mã hoá hoàn toàn mang tính quy ước (Ký hiệu phân loại), hoặc chỉ là các khái niệm rời rạc, đơn lẻ (như chủ đề, từ khoá). Trong khi đó bài tóm tắt, chú giải là những bản tin ngắn gọn và xúc tích, phản ánh những thông tin cơ bản nhất của tài liệu, giải thích rõ ràng và ngắn gọn những thông tin liên quan đến các đặc điểm hình thức mà bản mô tả thư mục thông thường chưa thể giúp bạn

đọc hình dung rõ nét, còn bài tổng quan thì là một dạng sản phẩm thông tin không chỉ phản ánh còn đánh giá toàn diện và đầy đủ, chính xác những thông tin trong tài liệu. Vì thế các hình thức mô tả nội dung tài liệu này là một trong những phương tiện hữu ích giúp các dịch vụ và sản phẩm thông tin phát huy được cao nhất tính hiệu quả trong vai trò là cầu nối, là người môi giới giữa bạn đọc, người dùng tin với thông tin chứa trong khối tư liệu to lớn của nhân loại.

Tuy nhiên, khác với các hình thức mô tả nội dung tài liệu nêu trên, những hình thức này lại hầu như chưa có những chuẩn mực chặt chẽ, các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về các vấn đề này cũng mới chỉ quy định các quy trình thực hiện về mặt hình thức, cấu trúc sản phẩm của công đoạn xử lý nội dung này. Ở Việt Nam, nhiều trường dạy thông tin thư viện đã đưa môn học này vào chương trình giảng dạy chính thức, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có trường nào biên soạn giáo trình, vì vậy, việc giảng dạy môn học này nhìn chung vẫn còn mang tính tùy tiện, thiếu sự thống nhất.

Bên cạnh đó, ở nhiều cơ quan thông tin thư viện khác nhau của Việt Nam cũng tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về ý nghĩa, mục đích, vai trò và bản chất của việc mô tả nội dung bằng bài tóm tắt, chú giải, đặc biệt là tổng quan.

Giáo trình Chú giải, tóm tắt, tổng quan tài liệu được biên soạn với mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bài tóm tắt, chú giải, tổng quan để học sinh có thể nhận dạng từng loại hình thức mô tả nội dung tài liệu này, đồng thời trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành chủ yếu để biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan cho các loại hình tài liệu khác nhau phù hợp với yêu cầu của sản phẩm thông tin. Ở một mức độ nhất định, giáo trình có thể dùng tài liệu tham khảo cho các cán bộ thông tin thư viện trong việc mô tả nội dung tài liệu bằng bài chú giải, tóm tắt và tổng quan.

Giáo trình gồm 3 chương và phụ lục

Chương I: Những vấn đề chung về chú giải, tóm tắt, tổng quan.

Chương này trình bày những vấn đề lý luận chung nhất đối với việc mô tả nội dung tài liệu bằng bài chú giải tóm tắt, tổng quan như: khái niệm, quá trình hình thành của mỗi hình thức mô tả nội dung bằng ngôn ngữ tự nhiên nêu trên và quy trình nghiên cứu tài liệu gốc, yêu cầu đối với người biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan.

Chương II: Chú giải

Trong chương này sẽ trình bày khái niệm, các tiêu chí phân loại bài chú giải, đặc điểm cơ bản của từng loại chú giải, phạm vi ứng dụng và quy trình biên soạn bài chú giải.

Chương III: Tóm tắt

Trong chương này sẽ trình bày khái niệm, các tiêu chí phân loại bài tóm tắt, đặc điểm cơ bản của từng loại tóm tắt, phạm vi ứng dụng và quy trình biên soạn bài tóm tắt.

Chương IV: Phương pháp xử lý nội dung tài liệu cho các CSDL, các bản thư mục có nội dung tổng hợp

Chương này đưa ra các chỉ dẫn có tính thực hành về phương pháp xử lý tài liệu bằng bài chú giải và bài tóm tắt cho các bản thư mục, các cơ sở dữ liệu có nội dung tổng hợp.

Chương VI: Tổng quan

Chương này sẽ trình bày các tiêu chí phân loại bài tổng quan, đặc điểm cơ bản của từng loại tổng quan, phạm vi ứng dụng và quy trình biên soạn bài tổng quan. Phương pháp biên soạn bài tổng quan cho một số dạng tài liệu cụ thể.

Lần đầu tiên biên soạn và xuất bản, chắc chắn giáo trình không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được sự đóng góp ý kiến của các đồng nghiệp để lần xuất bản sau giáo trình sẽ hoàn thiện hơn.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
MỤC LỤC	4
Chương I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHÚ GIẢI, TÓM TẮT VÀ TỔNG QUAN	8
1. KHÁI NIỆM	8
1.1 Chú giải và tóm tắt.....	8
1.2 Tổng quan	12
2. QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU XỬ LÝ NGUỒN TIN KHI BIÊN SOẠN CHÚ GIẢI, TÓM TẮT, TỔNG QUAN.	15
2.1. Các nguồn thông tin để biên soạn bản tóm tắt, chú giải, tổng quan.....	15
2.2 Kỹ năng đọc và phân tích thông tin.....	23
3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI BIÊN SOẠN TÓM TẮT, CHÚ GIẢI, TỔNG QUAN	27
3.1 Yêu cầu chung	27
3.2 Yêu cầu về nghiệp vụ	29
Chương II CHÚ GIẢI	30
1. ĐỊNH NGHĨA	30
2 PHẠM VI SỬ DỤNG BÀI CHÚ GIẢI.....	30
2.1 Các bản thư mục	30
2.2 Các mục lục thư viện	30
2.3 Các cơ sở dữ liệu thư mục	31
2.4 Các bản tin quảng cáo sách mới	31
3. PHÂN LOẠI BÀI CHÚ GIẢI	31
3.1 Phân loại theo đối tượng xử lý hay phân loại theo tài liệu gốc .	31
3.2 Phân loại theo đặc điểm nội dung của bài chú giải.....	34
3.3 Phân loại theo sự kết hợp của hai tiêu chí: đối tượng xử lý và đặc điểm nội dung của bài chú giải.	40
4. QUY TRÌNH BIÊN SOẠN BÀI CHÚ GIẢI	48
4.1 Nghiên cứu phân tích tài liệu gốc	48
4.2 Rút những thông tin, dữ liệu cần thiết cho nội dung bài chú giải.	49
4.3 Biên soạn bài chú giải theo yêu cầu.....	50
1.5 Yêu cầu đối với bài chú giải	51
5.2 Yêu cầu về cấu trúc và hình thức của bài chú giải	56
Chương III TÓM TẮT	58
1. ĐỊNH NGHĨA	58
2. PHẠM VI SỬ DỤNG BÀI TÓM TẮT	58
2.1 Các bản thư mục	58
2.2 Các mục lục	58

2.3 Các cơ sở dữ liệu thư mục	58
2.4 Các bản tin quảng cáo sách mới	59
2.5 Các tạp chí tóm tắt	59
2.6 Trong các tạp chí nghiên cứu khoa học	59
2.7 Trong các tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học của các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu	60
3. PHÂN LOẠI BÀI TÓM TẮT	61
3.1 Phân loại các bài tóm tắt theo đặc điểm nội dung	61
3.2 Phân loại các bài tóm tắt theo đối tượng xử lý	69
4. QUY TRÌNH BIÊN SOẠN BÀI TÓM TẮT	71
4.1 Nghiên cứu phân tích tài liệu gốc	71
4.2 Rút những thông tin, dữ liệu cần thiết cho nội dung bài tóm tắt	73
4.3 Biên soạn bài tóm tắt theo yêu cầu	79
5. YÊU CẦU CHÍNH CỦA BẢN TÓM TẮT	79
5.1 Yêu cầu về nội dung	79
5.2 Yêu cầu về văn phong	81
5.3 Yêu cầu về hình thức trình bày	83
Chương IV MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ LÝ NỘI DUNG TÀI LIỆU DẠNG CHÚ GIẢI, TÓM TẮT CHO CÁC CSDL THƯ MỤC CÓ NỘI DUNG TỔNG HỢP	84
1 NHÓM SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH THAM KHẢO CHO NHÀ TRƯỜNG	85
1.1 Các sách giáo khoa chính thống dùng trong nhà trường	85
1.2 Các sách dùng cho giáo viên dạy chương trình chính thống của phổ thông (Kể cả BTVH)	85
1.3 Các loại sách đọc thêm	85
1.4 Các loại sách luyện thi phổ thông	86
1.5 Các loại sách viết về phương pháp giảng dạy các môn học ở phổ thông	86
2. SÁCH DÙNG CHO CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP, ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC	87
2.1 Các giáo trình trung học chuyên nghiệp, đại học, sau đại học ..	87
2.2 Các dạng sách bài tập, thực hành của trung học chuyên nghiệp, đại học, cao học ..	88
3 NHÓM SÁCH VĂN HỌC	88
3.1 Các tác phẩm văn học đơn lẻ	89
3.2 Các tuyển tập các tác phẩm của một hay nhiều tác giả	89
3.3 Các kịch bản sân khấu, điện ảnh đơn lẻ	89
3.4 Các tuyển tập kịch bản của một tác giả hoặc nhiều tác giả	89
3.5 Các tuyển tập gồm nhiều thể loại văn học khác nhau	90
3.6 Các hồi ký, bút ký, phóng sự, tùy bút	90

3.7 Các tác phẩm văn học dân gian	91
3.8 Các sách nghiên cứu văn học.....	92
4 NHÓM SÁCH THIẾU NHI	93
4.1 Tác phẩm văn học thiếu nhi.....	93
4.2 Các tác phẩm thiếu nhi dạng hồi ký, bút ký, truyện kí	93
4.3 Các sách khoa học thường thức dành cho thiếu nhi	94
5. NHÓM SÁCH VỀ ĐỊA DANH	94
6. NHÓM SÁCH VỀ CÁC NHÂN VẬT, TÁC GIẢ.....	95
6.1 Các sách về tiểu sử và sự nghiệp của nhân vật hay tác giả.....	95
6.2 Tài liệu giới thiệu về nhiều nhân vật, tác giả.....	96
7. NHÓM SÁCH TRA CỨU, TỪ ĐIỂN.....	96
7.1 Các từ điển ngôn ngữ song ngữ	96
7.2 Các từ điển thuật ngữ chuyên ngành đơn ngữ hay đa ngữ	97
7.3 Các sách tra cứu dạng cầm nang, sổ tay	97
7.4 Các loại từ điển bách khoa, bách khoa thư	98
8. NHÓM SÁCH TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT.....	99
8.1 Các tiêu chuẩn đơn lẻ.....	99
8.2 Các tập tiêu chuẩn.....	99
9. CÁC SÁCH DẠNG TUYỂN TẬP HOẶC SUU TẬP.....	100
9.1 Tuyển tập các bài báo, các báo cáo khoa học	100
9.2 Các tuyển tập có cùng chủ đề	100
9.3 Các tuyển tập có nhiều chủ đề.	101
10. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT, PHÁP QUY CỦA CÁC NƯỚC.....	101
10.1 Các Bộ luật	101
10.2 Các pháp lệnh	101
11. CÁC SÁCH VỀ ÂM NHẠC	102
11.1 Các tác phẩm âm nhạc	102
11.2 Các sách hướng dẫn học các nhạc cụ	103
11.3 Các sách nghiên cứu về âm nhạc.....	103
12 CÁC LOẠI SÁCH TRANH, ALBUM.....	104
12.1 Các loại tác phẩm nghệ thuật.....	104
12.2 Các sách nghiên cứu về nghệ thuật.....	104
13 CÁC SÁCH VỀ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI, CÁC CƠ QUAN, XÍ NGHIỆP	105
Chương V TỔNG QUAN.....	106
1. ĐỊNH NGHĨA	106
2. PHẠM VI SỬ DỤNG.....	108
2.1 Xuất bản như một bản tin độc lập.....	108
2.2 Tổng quan được công bố dưới dạng các tạp chí.....	108
2.3 Tổng quan được công bố như một bài viết, bài nghiên cứu độc lập đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học chuyên ngành.....	109

2.4 Tổng quan như một phần của công trình nghiên cứu khoa học	110
2.5 Tổng quan dưới dạng các báo cáo tổng kết	110
2.6 Tổng quan dưới dạng báo cáo tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học.....	110
2.7 Tổng quan dưới dạng phản biện công trình nghiên cứu khoa học	111
3. PHÂN LOẠI BÀI TỔNG QUAN	111
3.1 Phân loại theo đối tượng xử lý.....	111
3.2 Phân loại theo đặc điểm nội dung của bài tổng quan	112
4. QUY TRÌNH BIÊN SOẠN BÀI TỔNG QUAN.....	116
4.1 Lựa chọn đối tượng cho bài tổng quan	117
4.2 Xây dựng đề cương cho bài tổng quan	118
4.3 Biên soạn bài tổng quan.....	128
5. BIÊN TẬP BÀI TỔNG QUAN	135
6. CÔNG BỐ, XUẤT BẢN BÀI TỔNG QUAN	135
7. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI TỔNG QUAN	136
7.1 Yêu cầu về nội dung	136
7.2 Yêu cầu về văn phong.....	137
Phụ lục I TÓM TẮT TÀI LIỆU BẰNG MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ ...	138
Phụ lục II BÀI TỔNG THUẬT	142
Phụ lục III KỊCH BẢN GIỚI THIỆU SÁCH – MỘT HÌNH THỨC ỨNG DỤNG CÁCH VIẾT TỔNG QUAN THÔNG THƯỜNG	145
Phụ lục IV MỘT SỐ BÀI TÓM TẮT	152
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	154

Chương I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHÚ GIẢI, TÓM TẮT VÀ TỔNG QUAN

1. KHÁI NIỆM

1.1 Chú giải và tóm tắt

Chú giải, tóm tắt, tổng quan là các phương cách khác nhau để mô tả nội dung tài liệu bằng ngôn ngữ tự nhiên. Chúng khác với các dạng ngôn ngữ nhân tạo hoặc ngôn ngữ tư liệu ở chỗ hoàn toàn không mang tính quy ước. Xét ở mức độ nào đó thì cả ba dạng thức mô tả nội dung tài liệu bằng ngôn ngữ tự nhiên này đều có thể gọi chung là các bản tin. Ngày nay ba loại hình bản tin này tồn tại độc lập với nhau và giữa chúng có nhiều đặc điểm khác biệt rõ ràng để có thể phân biệt. Tuy nhiên nếu nghiên cứu kỹ và đầy đủ các các đặc điểm nội dung và các dạng khác nhau của cả ba loại bản tin này cùng quá trình sử dụng chúng trong lịch sử thông tin thư mục, ta có thể dễ dàng nhận thấy giữa chúng có mối liên hệ với nhau về mặt lịch sử.

Xét theo quy luật logic là mọi cái đều phát triển từ từ đơn giản đến phức tạp thì chú giải là dạng bản tin bổ trợ cho bản mô tả thư mục và ra đời sớm nhất trong ba loại bản tin.

Khái niệm về bài chú giải được hình thành cùng với quá trình lịch sử công tác xử lý tài liệu, đặc biệt là với lịch sử của công tác thư mục - thư viện. Một bản chú giải thường được ghi ngay dưới bản mô tả thư mục của tài liệu, với một dòng mới. Đôi khi bản chú giải cũng gồm một vài dòng do người biên soạn thư mục thêm vào trong ngoặc vuông và được ghi ngay sau nhan đề hoặc phụ đề của tài liệu để giải thích thêm cho các yếu tố mô tả này. Ví dụ: [*đây là một chương trong tiểu thuyết “Ngôi nhà nhỏ trên sông Vônga”*] hoặc [*Bút ký về hoạt động của nông trường “Con đường Lênin”*] hoặc [*Viết về cuộc đời hoạt động của nghệ sĩ điện ảnh Trà Giang*]

Bản chú giải dù ghi riêng sau bản mô tả thư mục hay chèn vào giữa bản mô tả thư mục đều phục vụ cho một mục đích: cung cấp cho người đọc nhiều thông tin hơn, mở rộng những hiểu biết, nhận biết của người đọc đối với tài liệu và giúp người đọc dễ dàng chọn lựa tài liệu hơn.

Trong số các nhà nghiên cứu thư mục thư viện trên thế giới đã có nhiều quan niệm khác nhau về bài chú giải. Một số tác giả chỉ quan niệm rằng: Bài chú giải chỉ là sự mở rộng thêm của phần phụ chú trong bản mô tả thư mục của tài liệu, đại diện cho khuynh hướng này có I.P. Giuk, M.E. Mintrina, H. B. Zlovnov..., một số tác giả khác lại cho rằng chú

giải chỉ dùng giải thích rõ thêm cho nhan đề của tài liệu mà thôi hay nói một cách khác thì chú giải là những thông tin mở rộng của phụ đề tài liệu.[xem 6, 11; cũng xem 17; tr.3-5]

Bài chú giải được sử dụng rất lâu đời trong công tác thư mục – thư viện. Ngay từ đầu thế kỷ 18, nhiều bản thư mục của các thư viện tại các nước châu Âu như Nga, Anh, Pháp đã có các bản chú giải được biên soạn kèm theo các bản mô tả tài liệu. Trong bản thư mục “Thư viện nước Nga” do D.E. Semehov-Rudnev biên soạn đã rất phổ biến các bài chú giải như:

“Trong thư viện Viện hàn lâm chỉ có một phần trong năm cuốn sách của Moisevui, ở cuối phần đó có ghi: Cầu chúa ban cho sự tin tưởng của nhà bác học đối với kiến thức y học của bác sĩ Phranisca Skorina từ Balan tới”.

“Cả ba cuốn sách đều rất đáng nhớ, đặc biệt là cuối số 2 và số 3”

“Đây là một cuốn sách hết sức quý hiếm...”

Những bản chú thích, dẫn giải như vậy khá phổ biến trong các bản thư mục của nhiều nhà thư mục học châu Âu thế kỷ 18.

Muộn hơn một chút, vào giữa thế kỷ 19, các bản thư mục đã biên soạn kèm theo nhiều bản chú giải phức tạp và đa dạng hơn, ví dụ V.I Spikov đã đưa vào bản chú giải việc giải thích biệt danh của tác giả, giải thích thêm về người dịch, người xuất bản, khôi phục lại tên của tài liệu ở các lần xuất bản trước, số lượng bản in của tác phẩm, quá trình xuất bản, loại vật liệu, đặc trưng minh họa, đánh giá, nhận xét về giá trị của tác phẩm v.v...

Vào những năm đầu của thế kỷ 19 bài chú giải được biên soạn phổ biến hơn trong hầu hết các bản thư mục lớn của Nga và Anh, trong đó đặc biệt phải kể đến những bài chú giải đánh giá, nhận xét các tài liệu của nước Nga và nước ngoài trong bản thư mục “Người con của Tổ quốc” của Nga.

Cuối thế kỷ XIX, các bản chú giải đã ngày càng đa dạng và phong phú, ngoài việc nó được sử dụng ở các bản thư mục, chú giải còn ghi ngay cả trên các tờ phiếu mục lục. Chúng gợi mở các chủ đề của các bài báo, đôi khi bao gồm cả các thông tin về lịch sử của vấn đề, các sự kiện chính trong nội dung của bài báo. Kể từ những năm 60 của thế kỷ XIX ở nước Nga loại thư mục giới thiệu phát triển rất rộng rãi, kèm theo chúng là loại chú giải mang đặc tính chỉ dẫn, phê phán cũng phát triển theo. Ví dụ trong bản thư mục “Tổng quan về tài liệu học tập Nga” do tập thể tác giả biên soạn và xuất bản tại Peterbua năm 1878, các bài chú giải mang

rõ tính chất chỉ dẫn., còn trong bản thư mục “Nhân dân cần đọc gì” của tác giả Kh. D. Altrevka thì bên cạnh các bài chú giải chỉ dẫn còn kèm thêm những lời nhận xét của bạn đọc đối với tài liệu và các câu hỏi để kiểm tra xem người đọc hiểu cuốn tài liệu đó như thế nào.[xem 17 ; tr.5-6]

Trong các bản thư mục phục vụ cho các nhà nghiên cứu khoa học thì các bản chú giải lại cung cấp những thông tin rất cụ thể về hình thức, lịch sử của tài liệu và chủ đề mà tài liệu phản ánh.

Sang thế kỷ XX, đặc biệt là nửa sau thế kỷ XX cho đến ngày nay, chú giải là một trong những phương tiện mô tả các đặc điểm hình thức và nội dung tài liệu được sử dụng hết sức rộng rãi: trong hầu hết các bản thư mục lớn của các thư viện quốc gia và thư viện lớn trên thế giới, trong cả các bản mô tả tài liệu xếp trong mục lục và trong các cơ sở dữ liệu thư mục. Bên cạnh đó, nhiều công trình nghiên cứu về đặc trưng, loại hình và phương pháp biên soạn bài chú giải cũng xuất hiện ở nhiều nước có sự nghiệp thư viện phát triển, như Nga, Pháp, Đức, Anh, Mỹ.

Vào giữa thế kỷ 20, phổ biến quan niệm sau đây về chú giải:

“Chú giải là một bản nhận xét ngắn gọn khắc hoạ những nét đặc trưng của ấn phẩm từ các khía cạnh nội dung, khuynh hướng nghệ thuật, giá trị, ý nghĩa, lịch sử tư liệu- thư mục, hình thức vv.. những đặc điểm này do người biên soạn thư mục soạn ra dựa vào chính văn của ấn phẩm hoặc các nguồn thông tin khác, với mục đích làm sâu sắc thêm những thông tin về tài liệu giúp bạn đọc lựa chọn tài liệu phù hợp với yêu cầu” [17, tr.5]

Cùng với quan niệm mở rộng trên đây về bài chú giải, thời kỳ này các tác giả còn đưa ra một hệ thống phân loại các bài chú giải với một số tiêu chí khác nhau như: phân loại theo đối tượng của bài chú giải, theo đặc điểm nội dung của bài chú giải, theo mức độ bao quát của thông tin trong bài chú giải... Trong đó theo đặc điểm nội dung bài chú giải được phân thành hai nhóm chính: Chú giải mô tả và chú giải giới thiệu. *Chú giải mô tả* là loại chú giải thiên về mô tả đặc điểm nội dung và hình thức của tài liệu; *Chú giải giới thiệu* là loại chú giải thiên về đánh giá nhận xét các giá trị của tài liệu.. Trong loại thứ nhất có phân thành một số tiểu loại như: Chú giải hình thức, chú giải lịch sử thư mục, chú giải về đề tài và chú giải tóm tắt. [xem 17, tr.32-36].

Khi nghiên cứu phương pháp biên soạn và đặc điểm của hai loại *chú giải về đề tài* và *chú giải tóm tắt* trong hệ thống phân loại này [17, tr.32-36] ta thấy chúng có những đặc điểm của chính loại bản tin mà ngày nay chúng ta gọi là *tóm tắt mô tả* và *tóm tắt thông tin*.

Như trên phân tích ta thấy bắt đầu từ loại chú giải chỉ thiên về hình thức của tài liệu suốt mấy thế kỷ từ thế kỷ 18 đến thế kỷ 20 nội dung của bài chú giải ngày càng mở rộng và do đó hình thành nhiều dạng chú giải khác nhau. Việc xuất hiện loại *chú giải về đề tài* và *chú giải tóm tắt* trong hệ thống phân loại bài chú giải vào những năm 30 của thế kỷ 20 với các đặc trưng là mô tả lại không chỉ chủ đề, đề tài chính mà còn cả cấu trúc nội dung, những quá trình nghiên cứu, số liệu và kết luận cụ thể cho thấy trong lòng hệ thống chú giải đã hình thành một loại đặc biệt, loại này chỉ sau khoảng 2 thập kỷ – vào thập kỷ 50 của thế kỷ 20 nó đã tách ra thành một loại bản tin mới – *Bài tóm tắt*.

Như vậy *bài tóm tắt*, về nguồn gốc, là một loại chú giải đặc biệt. Nó bắt đầu được coi như một loại bản tin độc lập với bài chú giải vào thập kỷ 50 của thế kỷ 20 với sự ra đời của một loạt các tạp chí tóm tắt, mà ban đầu là các tạp chí tóm tắt các tài liệu khoa học tự nhiên và kỹ thuật như “Tạp chí tóm tắt hoá học”, “Tạp chí tóm tắt toán học”... Kể từ khi bài tóm tắt tách ra khỏi bài chú giải, nó cũng phát triển theo quỹ đạo riêng của nó, dần dần mỗi ngày một trở nên đa dạng và phong phú và cũng hình thành một hệ thống riêng bao gồm một số loại bài tóm tắt với những đặc trưng riêng.

Tóm lại, cho đến ngày nay, đã có hai khái niệm khác nhau về hai loại bản tin hoàn toàn độc lập đó là chú giải và tóm tắt. Cụ thể:

***Chú giải** là một bản chú thích, dẫn giải ngắn gọn về các dữ liệu hình thức và nội dung tài liệu nhằm giải thích rõ hơn cho các yếu tố mô tả thư mục, cấu trúc và giá trị nội dung của tài liệu gốc, giúp người dùng tin có cơ sở cần thiết để lựa chọn tài liệu.*

Và:

***Tóm tắt** là một bản tin ngắn gọn phản ánh đầy đủ chủ đề, cấu trúc nội dung của tài liệu, phương pháp tiếp cận, kết quả nghiên cứu, và kết luận cơ bản mà tài liệu bao hàm và phạm vi sử dụng của tài liệu đó.*

Như vậy so với quan niệm về bài chú giải khoảng nửa đầu thế kỷ 20 ta thấy rõ ràng là từ một loại hình ban đầu đã tách ra thành hai loại riêng biệt. Một loại thiên về chú thích, giải thích các đặc điểm về hình thức và chủ đề nội dung chính, giá trị của tài liệu, loại kia thiên về cung cấp những đặc điểm cụ thể về nội dung của tài liệu.

Kể từ những năm 50 của thế kỷ 20 đến nay, biên soạn bài chú giải và tóm tắt luôn luôn là một mắt xích quan trọng trong dây chuyền xử lý thông tin. Với việc ứng dụng máy tính trong công tác thông tin thư viện thì ngoài các tạp chí tóm tắt, các bản thư mục có kèm các bài chú giải, tóm tắt, các CSDL thư mục cũng là sản phẩm thông tin quan trọng có

ứng dụng các bản tin ngắn gọn này. Ngày nay trong hầu hết các bản thư mục, các CSDL thư mục, tùy từng loại tài liệu mà bên cạnh bản mô tả thư mục, các chỉ số phân loại, chủ đề hay từ khoá luôn kèm theo hoặc là bản chú giải, hoặc là bản tóm tắt giúp bạn đọc sử dụng các sản phẩm thông tin này hiệu quả hơn.

1.2 Tổng quan

Trong “Đại từ điển tiếng Việt” do Nguyễn Như Ý chủ biên có giải thích tổng quan là từ dùng để chỉ một cái nhìn tổng quát đối với một đối tượng nào đó.

Trong công tác thông tin, nghiên cứu Tổng quan là một bản tin, một bài nghiên cứu độc lập đánh giá đầy đủ, khái quát, toàn diện đặc điểm hình thức, nội dung, nghệ thuật, những ưu, nhược điểm chính, những thành tựu hay hạn chế của một tài liệu hay một nhóm tài liệu liên quan đến một đề tài nhất định.

Không có nhiều tài liệu nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của hình thức mô tả nội dung tài liệu bằng bài tổng quan, nhưng khi nghiên cứu đặc điểm nội dung của những bài tổng quan mà hiện nay khá phổ biến trong công tác thông tin khoa học, kết hợp với bối cảnh lịch sử chung của công tác thông tin thư mục và công tác nghiên cứu khoa học, ta có thể chắc chắn rằng bài tổng quan xuất hiện trong công tác thông tin thư viện muộn hơn nhiều so với bài chú giải. Những nhân tố đầu tiên của bài tổng quan xuất hiện, có lẽ, cùng với các công trình nghiên cứu khoa học. Trong các công trình nghiên cứu khoa học, đặc biệt là vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, hầu hết đều có phần lịch sử vấn đề, trong đó đánh giá khái quát những thành tựu, và thiếu sót của các công trình của các tác giả trước đó có liên quan đến đề tài để khẳng định sự mới mẻ, không trùng lặp với các tác giả đi trước của công trình nghiên cứu. Tuy nhiên đây chỉ là một phần của công trình nghiên cứu khoa học và chủ yếu chỉ quan tâm đến nội dung của tài liệu mà thôi, các đặc điểm khác của tài liệu như đặc điểm hình thức, đặc điểm về kỹ năng và nghệ thuật thể hiện của tác giả tài liệu hầu như chưa được quan tâm đáng kể.

Thời kỳ này, như trên đã phân tích, chính là thời kỳ mà trong công tác thông tin thư mục loại hình mô tả đặc điểm hình thức và nội dung của tài liệu bằng ngôn ngữ tự nhiên là bài chú giải đang rất phổ biến. Nội dung của loại bản tin đơn giản này mỗi ngày một mở rộng đa dạng và phong phú hơn lên. Đặc biệt loại chú giải giới thiệu với thiên hướng giới thiệu các giá trị nội dung và nghệ thuật của tài liệu nhằm lôi cuốn bạn đọc đến với các tài liệu hay nhất, có giá trị nhất. Với mục đích quảng bá và định hướng cho bạn đọc loại chú giải giới thiệu này ngày càng phổ

biến hơn không chỉ trong các bản thư mục mà còn trong cả các bản tin quảng cáo sách mới của các cơ quan thông tin thư viện và các nhà xuất bản. Đặc biệt chúng còn được biên soạn với nội dung ngày càng mở rộng hơn, sâu sắc hơn trong các bản thuyết minh triển lãm sách.

Chính nhu cầu thông tin ngày một cao này của xã hội đã dẫn đến sự hội nhập của hai khuynh hướng mô tả nội dung tài liệu bằng ngôn ngữ tự nhiên: Mô tả nội dung cụ thể trong lịch sử vấn đề của các công trình nghiên cứu khoa học và mô tả đặc điểm hình thức, nội dung và đánh giá các giá trị của các tài liệu trong bản chú giải. Kết quả của sự hội nhập này làm ra đời một hình thức mô tả nội dung tài liệu bằng ngôn ngữ tự nhiên mới, đó là bài tổng quan. Bài tổng quan, về mặt nội dung mang đặc tính và phong cách của cả hai hình thức mô tả nội dung tài liệu tiền thân của nó: nó vừa có những đánh giá khách quan về tài liệu thông qua sự phân tích các phương pháp tiếp cận, luận điểm, số liệu, kết luận của tài liệu gốc, vừa có những thông tin về hình thức của tài liệu và những đánh giá, nhận xét mang tính biểu cảm, cảm xúc thông qua nhận thức của người biên soạn nhằm mục đích truyền cảm hứng và lôi cuốn bạn đọc đến với tài liệu. Tuy nhiên, khác với cả hai hình thức xử lý thông tin tiền thân của nó, nó là một bản tin độc lập không mang tính bổ trợ và phụ thuộc vào bất kể một dạng thông tin nào khác.

Thời điểm sớm nhất mà tổng quan xuất hiện như một bản tin độc lập là vào đầu thế kỷ 20, ban đầu chỉ là các bài tổng quan giới thiệu sách mới, sau đó là các bản tổng luận phân tích tổng hợp về tình nghiên cứu của một đề tài có ý nghĩa cấp thiết nào đó trong tư liệu hiện hành.

Bảng so sánh, nhận dạng dưới đây cho ta thấy sự giống và khác biệt của ba loại hình thức mô tả nội dung tài liệu đang phổ biến ngày nay là chú giải, tóm tắt, tổng quan và cho thấy rõ mối liên hệ lịch sử giữa chúng.

**SO SÁNH, NHẬN DẠNG
BÀI CHÚ GIẢI, TÓM TẮT, TỔNG QUAN**

	Chú giải	Tóm tắt	Tổng quan
1.Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm về hình thức và nội dung của tài liệu. - Không cung cấp các thông tin sâu sắc về nội dung tài liệu như các số liệu cụ thể, các quá trình nghiên cứu, các kết luận. -Kèm theo những nhận xét đánh giá khách quan và biểu cảm về giá trị của tài liệu. - Không đưa ra những gợi ý cho việc tiếp tục nghiên cứu đề tài của tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ có đặc điểm nội dung của tài liệu. - Cung cấp các thông tin sâu sắc về nội dung tài liệu như các số liệu cụ thể, các quá trình nghiên cứu, các kết luận. -Chủ yếu không có lời nhận xét đánh giá của người biên soạn bản tin, hoặc chỉ có đánh giá khách quan. - Không đưa ra những gợi ý cho việc tiếp tục nghiên cứu đề tài của tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức và nội dung của tài liệu. -Cung cấp các thông tin sâu sắc về nội dung tài liệu như các số liệu cụ thể, các quá trình nghiên cứu, các kết luận. -Đánh giá nhận xét khách quan và biểu cảm về thành tựu và thiếu sót, giá trị của tài liệu, có phân tích so sánh với các tài liệu khác cùng chủ đề. - Rút ra những khoảng trống trong đề tài mà các tài liệu chưa đề cập tới, hoặc đưa ra những gợi ý mới cho việc tiếp tục nghiên cứu đề tài.
2. Cấu trúc	Là một đoạn văn liền, không hình thành cấu trúc	Là một đoạn văn liền, không hình thành cấu trúc	Hình thành cấu trúc rõ ràng, gồm: mở bài, thân bài, kết luận
3.Văn phong	Văn phong khoa học. Có thể sử dụng cả dạng văn phong khách quan và biểu cảm	Văn phong khoa học. Chỉ sử dụng dạng văn phong khách quan không dùng lối nói biểu cảm	Văn phong khoa học. Có thể sử dụng cả dạng văn phong khách quan và biểu cảm

		cảm	
4. Độ lớn	Ngắn gọn. chỉ khoảng dưới 300 từ	Ngắn gọn. Khoảng dưới 500 từ	Có thể dài tới vài ngàn từ. Tối thiểu là 500 từ.
5. Nguồn tin	Tham khảo cả nguồn tin có trên tài liệu và các nguồn phụ trợ khác	Chỉ tham khảo các nguồn tin có trên tài liệu. Không tham khảo các nguồn phụ trợ (trừ các từ điển, các sách tra cứu)	Tham khảo cả nguồn tin có trên tài liệu và các nguồn phụ trợ khác
6. Sử dụng	Không phải là bản tin độc lập, luôn đi kèm với và bổ trợ cho bản mô tả thư mục	Không phải là bản tin độc lập, luôn đi kèm với và bổ trợ cho bản mô tả thư mục.	Là bản tin hoàn toàn độc lập

Tổng quan trong quá trình phát triển cũng đa dạng và phong phú lên và dần hình thành một số loại riêng biệt. Cho đến nay đã loại bản tin này cũng có cả một hệ thống phân loại riêng biệt.

2. QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU XỬ LÝ NGUỒN TIN KHI BIÊN SOẠN CHÚ GIẢI, TÓM TẮT, TỔNG QUAN.

2.1. Các nguồn thông tin để biên soạn bản tóm tắt, chú giải, tổng quan

Mỗi dạng bài tóm tắt, chú giải, tổng quan đều có những yêu cầu khác nhau về nội dung, văn phong. Nhưng một trong những điểm chung nhất của cả ba loại bản tin này là đều phải xử lý, nghiên cứu tài liệu gốc để có những căn cứ chính xác và cần thiết để biên soạn các bản tin đó. Khi nghiên cứu tài liệu gốc, thông thường ta phải quan tâm đến những nguồn tin sau đây:

2.1.1 Nguồn lấy thông tin chính

Là nguồn tin được trình bày trên chính tài liệu gốc, bao gồm:

a. Nhan đề tài liệu

Nhan đề tài liệu là một nguồn tin quan trọng trong việc xác định chính xác hướng nghiên cứu tiếp tục tài liệu gốc. Thông thường nhan đề tài liệu thường cung cấp một cách cô đọng và ngắn gọn, chính xác về chủ đề chính của tài liệu. Do đó nó giúp ta định hướng ngay từ đầu khi chuẩn bị biên soạn các bản tin.

Ví dụ: *Tổng quan kinh tế xã hội Việt Nam năm 2006*

Luật bóng chuyên

Khảo sát hiện trạng lễ hội cổ truyền trong thời đổi mới.

Kỹ thuật trồng nhãn, mít, vải.

Tuy nhiên, nhan đề chỉ cho ta những thông tin quá ngắn gọn, chưa đủ để phân biệt rõ tài liệu này với tài liệu khác cùng chung một chủ đề. Bên cạnh đó trong nhiều trường hợp nhan đề chính của tài liệu lại không thể hiện rõ được nội dung chính và cụ thể của tài liệu vì chúng quá khái quát, hoặc được chọn theo lối nói bóng bẩy và biểu cảm.

Ví dụ:

Kỹ thuật trồng cây ăn quả

Nhan đề tài liệu này không cung cấp thông tin cụ thể như nhan đề có chủ đề tương tự trên đây, nó không thể hiện rõ nội dung của tài liệu là về kỹ thuật trồng loại cây ăn quả nào? bao nhiêu cây?

Ví dụ:

Cuộc đối thoại cách không.

Nhan đề tài liệu này không thể cho ta thấy một thông tin cụ thể nào về nội dung của tài liệu. Ta không biết tài liệu nói về chuyên ngành nào, cuộc đối thoại này là của ai, đối thoại về vấn đề gì.

Chính vì lẽ đó mà nhan đề tài liệu chưa đủ thông tin để người dùng tin hay bạn đọc lựa chọn tài liệu và cũng chưa đủ căn cứ, mặc dù rất quan trọng cho người xử lý thông tin biên soạn bài chú giải, tóm tắt và tổng quan. Để làm được điều này người biên soạn các loại sản phẩm thông tin nêu trên cần tiếp tục tham khảo thêm các nguồn thông tin khác.

b. Thông tin liên quan đến nhan đề

Thông tin liên quan đến nhan đề còn gọi là phụ đề, đây cũng là một trong các yếu tố quan trọng thể hiện đặc điểm nội dung và hình thức của tài liệu. Phụ đề thường bổ sung thông tin về nhiều khía cạnh khác nhau cho nhan đề của tài liệu. Thông thường phụ đề thường giải thích rõ hơn, cụ thể hơn thông tin về chủ đề nội dung của tài liệu được cung cấp ở nhan đề.

Ví dụ:

Toán : Đại số cao cấp

Phụ đề đã chính xác hoá và cụ thể hoá thêm chủ đề nội dung của tài liệu mà nhan đề đã cung cấp

Phụ đề thường thông báo rõ hướng tiếp cận của tài liệu, chi tiết và cụ thể hoá thêm cho đề tài được thông báo ở nhan đề.

Ví dụ:

Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam : Cái nhìn loại hình – hệ thống

Ví dụ trên cho thấy, hướng tiếp cận cụ thể của tác giả tài liệu đối với vấn đề bản sắc văn hoá Việt Nam là theo phương pháp hệ thống, tiếp cận văn hoá theo đặc trưng loại hình văn hoá gốc chứ không theo một số các khuynh hướng khác như mô tả, khảo sát thực địa, hoặc nghiên cứu xã hội học v.v...

Phụ đề cũng cung cấp những thông tin về phạm vi, đối tượng sử dụng tài liệu, và hình thức của tài liệu, đây cũng là một gợi ý quan trọng để người biên soạn bài chú giải, tóm tắt hoặc tổng quan tham khảo, nghiên cứu.

Ví dụ:

Nhập môn khoa học thông tin thư viện : Giáo trình : dùng cho sinh viên cao đẳng và đại học chuyên ngành thông tin thư viện.

Cơ sở văn hoá Việt Nam : Giáo trình : dùng cho sinh viên các trường khối khoa học xã hội và nhân văn.

Tóm lại phụ đề là một trong các nguồn thông tin giúp bạn đọc xác định rõ thêm đặc trưng của tài liệu. Tuy nhiên nó chưa đủ để cung cấp đầy đủ và khái quát nội dung cụ thể triển khai trong tài liệu đó. Nên ta phải tham khảo thêm các nguồn thông tin khác.

c. Lời nói đầu, lời giới thiệu, lời nhà xuất bản;

Lời giới thiệu, lời nói đầu, lời nhà xuất bản thường cung cấp nhiều thông tin quan trọng để biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan. Các nguồn thông tin này thường giải thích rõ tính cấp thiết của đề tài, mục đích, ý nghĩa của đề tài, phương pháp tiếp cận đối với đề tài trong nội dung của tài liệu, đặc điểm quan trọng của tài liệu khi triển khai nghiên cứu đề tài so với các tài liệu có chung đề tài khác đã công bố trước đó, giá trị nội dung và nghệ thuật của tài liệu và cả cấu trúc chính của tài liệu đó nữa. Đôi khi các nguồn tin này còn phân tích, đánh giá nội dung và giá trị của từng phần, từng chương của tài liệu, do đó rất hữu ích cho việc gợi ý, nghiên cứu tiếp tục các giá trị nội dung và nghệ thuật của tài liệu. Chính vì vậy mà nguồn thông tin này đặc biệt quan trọng đối với việc biên soạn bài chú giải giới thiệu và bài tổng quan.

Ví dụ:

Cuốn sách "Từ điển lễ tục" của các tác giả Bùi Xuân Mỹ, Phạm Minh Thảo, xuất bản 2009 có lời nói đầu ngắn gọn sau đây:

"Nghĩ lễ và phong tục là các giá trị cơ bản cần thiết khi nghiên cứu về về bản sắc của các nền văn hoá. Theo các nhà nghiên cứu, lễ xuất hiện từ rất sớm, gắn với việc con người còn lệ thuộc, sùng bái tự nhiên. Lễ là hành vi thể hiện lòng tin, sự tôn kính của một tập thể cộng đồng người đối với lực lượng siêu nhiên, dần hình thành một hệ thống các nghi thức, hành vi, động tác có tính quy ước, quy cách chặt chẽ, được lưu truyền từ đời này sang đời khác trong đời sống văn hoá của nhân dân. Gắn với lễ có vật thờ, vật dâng cúng và nghi thức. Bên cạnh nghĩ lễ là phong tục, thói quen, tập tục, lễ lối, hình thức phổ biến, những quy định về lối sống mà một cộng đồng người chấp nhận và tích lũy, truyền lại qua thời gian. Nghĩ lễ và phong tục của một cộng đồng người cho thấy sự tồn tại, đặc trưng, bản chất của nền văn hoá truyền thống cũng như tác động và ảnh hưởng qua lại của các nền văn hoá khác đối với nó trong giao lưu.

Phong tục và nghĩ lễ xưa, bảo lưu cho đến ngày nay cho thấy giá trị bền vững của văn hoá Việt Nam. Trong quá trình phát triển, nhiều nghĩ lễ, tập tục đã bị biến cải sao cho thích hợp với đời sống hiện đại, tuy nhiên sự biến đổi này đôi khi lại bộc lộ sự bất cập và không phải bao giờ cũng thích hợp với truyền thống. Do đó, trong bối cảnh hội nhập ngày nay, việc bảo vệ và phát huy truyền thống văn hoá trong hoàn cảnh hiện đại là một điều vô cùng cần thiết.

Cuốn từ điển này là tập hợp các mục từ thể hiện các nghĩ lễ, tập tục liên quan đến các tín ngưỡng dân gian, đời sống tâm linh, các lễ tiết, nghi thức vòng đời người... nhằm cung cấp một bộ sưu tập kiến thức tương đối khái quát về văn hoá của các tộc người sống trên đất Việt Nam, giúp cho những ai muốn tìm hiểu về đất nước và con người Việt Nam một bức tranh khái quát về cuộc sống và một đất nước nằm ở điểm nút giao thoa của nhiều nền văn hoá và văn minh trên thế giới. Hy vọng sách sẽ đáp ứng được nhu cầu tìm về cội nguồn của bạn đọc gần xa."

Trong lời nói đầu ngắn gọn trên đây ta thấy rõ tính cấp thiết của đề tài, giá trị quan trọng của tài liệu. Đồng thời cũng thấy rõ phạm vi, nội dung cơ bản của cuốn từ điển bao gồm những gì. Đây là những thông tin cần thiết để biên soạn các bản tin như chú giải, tóm tắt và tổng quan.

d. Mục lục (nội dung)

Mục lục của mỗi tài liệu là một nguồn thông tin quan trọng để người biên soạn bài chú giải, tóm tắt và tổng quan tham khảo, nghiên cứu. Mục lục cung cấp thông tin cụ thể về cấu trúc nội dung của tài liệu,

qua đó ta thấy rõ hướng triển khai nghiên cứu đề tài của tác giả trong tài liệu và các chủ đề nội dung chính. Tuyệt đại đa số các mục lục của sách chuyên khảo đều là các nguồn thông tin quan trọng và hữu ích cho việc biên soạn bài chú giải, tóm tắt và tổng quan. Ví dụ:

Trong cuốn: *Kỹ thuật trồng lạc*. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2006, có mục lục sau đây:

Mở đầu

Chương I: Đặc điểm sinh lý và điều kiện tự nhiên của cây lạc

Chương II: Kỹ thuật trồng lạc

1. Thời vụ
2. Gieo trồng
3. Chăm sóc
4. Thu hoạch

Chương III: Giá trị kinh tế của cây lạc và một số giống lạc tiêu biểu.

Với việc biên soạn bài chú giải chỉ dẫn và tóm tắt mô tả thì mục lục của cuốn sách trên đây đã cung cấp đủ thông tin cần thiết. Tuy nhiên đối với loại chú giải giới thiệu, tóm tắt thông tin hay phê phán và bài tổng quan thì nó cũng là nguồn thông tin hữu ích.

Mục lục của các loại tuyển tập thì cung cấp được ít thông tin để sử dụng trực tiếp hơn. Nhưng cũng gợi ý nhiều thông tin cho người biên soạn bài chú giải, tóm tắt và tổng quan như cách phân nhóm các bài viết theo chủ đề nội dung, đối tượng sử dụng hoặc hình thức thể hiện.

e. Phần quảng cáo tài liệu in trên trang bìa sau và trên vỏ bọc của tài liệu

Đây là nguồn thông tin quan trọng cho việc biên soạn bài chú giải giới thiệu và bài tổng quan, bởi nguồn thông tin này cung cấp những nhận xét, đánh giá về giá trị của tài liệu, những cảm nhận của người đọc và phản ứng của người đọc đối với tài liệu, những thông tin về tác giả như tiểu sử, sự nghiệp và đóng góp chính của tác giả đối với lĩnh vực nghiên cứu mà tài liệu đề cập tới.

Ví dụ: Bìa sau của cuốn: "Tuyển tập V.IA. Propp" có phần giới thiệu sau về tác giả: "*Vladimir Ia Propp (1895-1970) là giáo sư ngữ văn của trường Đại học tổng hợp Peterburg. Ông là một chuyên gia nghiên cứu về folklore.*"

Phương pháp phân tích cấu trúc văn bản hay phương pháp nghiên cứu cấu trúc - loại hình do V.Ia Propp mở đầu không chỉ được các nhà khoa học nhiều thế hệ kế tiếp nhau vận dụng trong chuyện cổ tích thần kỳ nói riêng và trong folklore nói chung. Nó còn được mở rộng sang việc phân tích các văn bản nghệ thuật khác, cả lĩnh vực văn hoá".

Hoặc, bìa sau của cuốn: "*Tam diện tùy bút*" của tác giả Trần Thanh Hà có giới thiệu như sau về đóng góp của cuốn sách (tác giả) cho đề tài được nghiên cứu: "*Tùy bút là một thể loại linh hoạt và chưa định hình. Nhưng ngay cả sự linh hoạt và chưa định hình ấy một khi đã được thừa nhận như một đặc điểm thể loại thì dường như cũng cố định cái nhìn của ta.*

Bằng sự phân biệt thể loại và lối viết, hay thể loại và phong cách, Trần Thanh Hà đã nói rộng đường biên của thể loại, chỉ ra ba bình diện, hoặc ba khuôn diện của tùy bút"

f. Chính văn

Chính văn như một nguồn thông tin có vai trò khác nhau đối với việc biên soạn các loại bài chú giải, tóm tắt, tổng quan.

Đối với bài chú giải chỉ dẫn và tóm tắt mô tả thì chính văn là nguồn thông tin chỉ được tham khảo khi những nguồn thông tin nêu từ mục a đến mục e trên đây chưa đủ cung cấp những căn cứ cần thiết. Khi đó chính văn sẽ được tham khảo, nghiên cứu thêm. Tuy nhiên, khi nghiên cứu chính văn để biên soạn các loại sản phẩm thông tin này chỉ cần đọc lướt chứ không nghiên cứu kỹ. Khi đọc chính văn để biên soạn bài chú giải chỉ dẫn và tóm tắt mô tả chỉ cần quan tâm đến các đề mục, các phần tiểu kết, kết luận, các phần chế bản đặc biệt như in nghiêng, in đậm, gạch chân, các hình vẽ minh họa và sơ đồ, bảng biểu, công thức. Việc đọc lướt qua như vậy kết hợp với các nguồn tin khác nêu trên đây ta đã có thể rút ra được những thông tin cần thiết biên soạn được các bài chú giải chỉ dẫn và tóm tắt mô tả.

Khi biên soạn các bài chú giải giới thiệu ta phải nghiên cứu chính văn tài liệu kỹ lưỡng hơn nếu các nguồn tin nêu trên, đặc biệt là khi nguồn tin trình bày ở mục a và f trên đây chưa cung cấp đầy đủ thông tin. Vì chỉ có thể đọc kỹ tài liệu ta mới thấy rõ được các giá trị nội dung và nghệ thuật của nó, thông tin mà bài chú giải giới thiệu quan tâm nhiều nhất.

Đối với loại tóm tắt thông tin, tóm tắt phê phán thì ta cũng phải nghiên cứu chính văn tài liệu gốc kỹ lưỡng, bởi vì các loại sản phẩm thông tin này yêu cầu phải rút ra được các số liệu, kết luận cụ thể và đánh giá được giá trị nội dung, tư tưởng, nghệ thuật của tài liệu. Đối với các

loại sản phẩm thông tin này, nghiên cứu chính vẫn là bắt buộc. Vì tất cả các nguồn thông tin nêu trên không thể cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết.

Nghiên cứu kỹ chính văn tài liệu gốc cũng là một yêu cầu bắt buộc khi biên soạn bài tổng quan. Mặc dù trong một số trường hợp lời giới thiệu, lời nhà xuất bản, lời nói đầu cũng cung cấp được nhiều thông tin về nội dung, giá trị, đặc trưng của tài liệu. Tuy vậy bài tổng quan vừa yêu cầu những thông tin khái quát, toàn diện về nội dung, cấu trúc, hình thức thể hiện, nghệ thuật của tài liệu, vừa yêu cầu có những minh chứng cụ thể rút ra từ chính tài liệu. Do đó nghiên cứu chính vẫn là bắt buộc và phải nghiên cứu kỹ lưỡng, tỉ mỉ, cụ thể toàn bộ văn bản, trong đó có quan tâm sâu sắc đến các tiêu kết, kết luận và cách thức tiếp cận, triển khai vấn đề trong nội dung.

Tóm lại, những nguồn thông tin chính trên đây ở chừng mực nhất định và đối với từng loại sản phẩm thông tin cụ thể mà chúng đóng vai trò khác nhau, nhưng nhìn chung chúng rất quan trọng và cung cấp những căn cứ cơ bản để biên soạn chú giải, tóm tắt, tổng quan. Tuy nhiên đôi khi những nguồn thông tin chính này vẫn không cung cấp đủ những thông tin cần thiết mà người biên soạn bài chú giải và bài tổng quan muốn đưa vào. Do đó cần phải nghiên cứu nguồn tin bổ trợ khác.

2.1.2 Nguồn lấy thông tin bổ trợ

Là nguồn thông tin không nằm trên tài liệu, bao gồm:

a. Các từ điển thuật ngữ chuyên ngành, bách khoa thư,...

Các từ điển chuyên ngành cung cấp những giải thích nội dung cụ thể của các thuật ngữ chuyên ngành mà trong tài liệu gốc sử dụng, giúp người biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan dễ dàng nắm bắt chính xác nội dung chính của tài liệu hơn, đặc biệt là đối với các chuyên ngành sâu mà người biên soạn bài chú giải, tóm tắt chưa thực sự am hiểu.

Các bách khoa thư có thể cung cấp những thông tin ngắn gọn về những vấn đề liên quan đến các tác giả nổi tiếng, các trường phái sáng tác trong văn học nghệ thuật và trường phái nghiên cứu trong khoa học có liên quan đến nội dung tài liệu gốc, giúp người biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan có được cái nhìn chính xác hơn khi mô tả và đánh giá đặc điểm nội dung.

b. Các tài liệu liên quan đến tiểu sử và sự nghiệp của các tác giả và nhân vật lịch sử

Các nguồn thông tin này cung cấp các thông tin cần thiết về tác giả tài liệu cũng như các nhân vật lịch sử, các nhà khoa học nổi tiếng được

đề cập đến trong tài liệu như: năm sinh, năm mất, lĩnh vực hoạt động chính, quốc tịch, công lao và thành tựu để có thể bổ sung vào các bài chú giải và tóm tắt.

Trong yêu cầu của các bài tóm tắt các tài liệu mà chủ đề chính có liên quan đến một nhân vật nào đó, phải ghi những thông tin mang tính chất ghi nhớ về tác giả, nhân vật đó để độc giả dễ dàng xác định được chính xác nhân vật, không nhầm lẫn với các nhân vật khác cùng tên, cùng lĩnh vực hoạt động hay có những dấu hiệu có thể gây nhầm lẫn khác. (Xem thêm ví dụ ở các mục phân loại bài chú giải)

Trong yêu cầu của bài chú giải thì thông tin về tác giả là một trong những thông tin quan trọng mà bài chú giải có nhiệm vụ cung cấp cho độc giả, đặc biệt là đối với các tác giả nổi tiếng. Bên cạnh đó bài chú giải giới thiệu khi muốn nhấn mạnh giá trị của tài liệu gốc đôi khi cũng thông qua việc cung cấp những thông tin về tác giả như một minh chứng nhằm khẳng định tác giả là một trong những tác giả nổi tiếng trong lĩnh vực mà ông nghiên cứu đối với các tài liệu khoa học và nhấn mạnh giá trị của tài liệu khi thông qua giới thiệu khuynh hướng nghệ thuật của tác giả đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật. (Xem thêm ví dụ tại mục phân loại bài chú giải)

Đối với bài tổng quan thì các thông tin bổ sung về tác giả và nhân vật từ các nguồn thông tin này cũng đóng vai trò quan trọng, chúng giúp cho người biên soạn bài tổng quan có căn cứ để đưa ra những nhận định, đánh giá giá trị của tài liệu gốc đặc biệt là khi so sánh chúng với những tài liệu khác có chung một chủ đề hoặc các tác phẩm khác của chính tác giả đó.

c. Các tài liệu nghiên cứu, phê bình, giới thiệu tài liệu gốc (nếu có)

Những tài liệu dạng này là một nguồn thông tin quan trọng và hữu ích cho việc biên soạn bài chú giải giới thiệu và bài tổng quan. Những nhận định, đánh giá của các tác giả nghiên cứu phê bình này, một mặt vừa có thể sử dụng trực tiếp đặc biệt là đối với bài chú giải giới thiệu, mặt khác có thể tham khảo như những gợi ý, những dữ liệu để so sánh, phân tích khi biên soạn bài tổng quan.

d. Các bản tin đã xử lý trước đó của tài liệu gốc, nếu có.

Ngày nay, để tiết kiệm thời gian và công sức xử lý tài liệu thì việc chia sẻ các nguồn lực thông tin đã và ngày càng chiếm vị trí quan trọng. Một tài liệu có thể đã được xử lý trước đó tại một cơ quan thông tin, thư viện nào đó, hoặc trong một sản phẩm thông tin nào đó đã được biên soạn và công bố vì vậy trước khi xử lý tài liệu ta có thể tra cứu trong các

CSDL hoặc các bản thư mục có chủ đề liên quan để xem tài liệu này đã được xử lý ở mức độ nào hay chưa và nếu có thì đây là một nguồn thông tin quan trọng để người biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan tham khảo ở mức độ nhất định. Nguồn để có thể tham khảo được các bản tin này thường là các tạp chí tóm tắt, các bản tổng quan, tổng luận đã công bố, các CSDL và các bản thư mục.

e. Các tác phẩm khác của chính tác giả tài liệu gốc.

Các tác phẩm khác của tác giả đóng vai trò quan trọng trong việc biên soạn các bài chú giải giới thiệu, tóm tắt phê phán và bài tổng quan. Chúng là nguồn tin cần thiết để tác giả bài tổng quan hay bài chú giải giới thiệu tham khảo nhằm đưa ra những nhận định, đánh giá về tài liệu gốc trên cơ sở so sánh và phân tích những kế thừa và phát triển, sự thay đổi hay duy trì phong cách của tác giả trong các công trình và tác phẩm khác nhau. Điều đó cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn toàn diện hơn, sâu sắc hơn đối với tài liệu mà tác giả bài tổng quan hay bài chú giải muốn giới thiệu.

f. Các tác phẩm của các tác giả khác có chung đề tài với tài liệu gốc.

Cũng có thể tham khảo trong những chùng mục nhất định những tài liệu của các tác giả khác là các công trình, tác phẩm có cùng một chủ đề với chủ đề của tài liệu gốc mà ta biên soạn bài chú giải giới thiệu, tóm tắt phê phán hay bài tổng quan. Các nguồn tin này sẽ giúp cho tác giả so sánh, phân tích để đánh giá, nhận xét về tài liệu gốc, xác định những thành tựu và đóng góp của tài liệu gốc trong mối quan hệ với tình hình nghiên cứu đề tài nói chung. Nó giúp cho người dùng tin có thể xác định được vị trí của tài liệu trong khối tài liệu chung có cùng một đề tài nghiên cứu.

Tóm lại, các nguồn tin phục vụ cho việc biên soạn chú giải, tóm tắt và tổng quan khá đa dạng. Quan trọng hơn cả là các nguồn tin có trên tài liệu, nguồn chính. Các nguồn phụ trợ thì đối với từng loại bản tin mà vai trò của chúng khác nhau. Nhưng nhìn chung, chúng quan trọng nhất đối với các dạng bản tin có sự nhận định, đánh giá chủ quan của người biên soạn như chú giải giới thiệu, tổng quan.

2.2 Kỹ năng đọc và phân tích thông tin

Theo lý thuyết truyền tin thì một tài liệu dưới dạng văn bản chính là một thông điệp mà tác giả của nó - người truyền tin muốn truyền tải đến người đọc. Quá trình truyền tin này được thực hiện như sau:

Người truyền tin – Thông điệp (được mã hoá dưới dạng nào đó) – **Kênh liên lạc** (dưới hình thức là một dạng tài liệu nào đó) - **Người nhận** (giải mã thông điệp - hiểu ý của người truyền tin – tác giả của thông điệp). [dẫn theo 12]

Trong quy trình nghiên cứu tài liệu để biên soạn các bài chú giải, tóm tắt, tổng quan thì các các bước trong quá trình này là:

- Người truyền tin chính là tác giả của các tài liệu,
- Thông điệp là ý tưởng của tác giả đã được mã hoá dưới dạng nào đó, đó chính là nội dung của tài liệu;
- Kênh liên lạc chính là tài liệu, là một vật mang tin hay hình thức chứa tin nhất định như sách, báo, tạp chí, băng, đĩa chương trình truyền hình...
- Người nhận tin chính là người đọc, người nghe hay người xem, ở đây chính là người biên soạn bài chú giải, tóm tắt hay tổng quan. Để hiểu đúng thông điệp mà tác giả của tài liệu hay người truyền tin muốn gửi đến, người nhận buộc phải giải mã những ý tưởng, nội dung được truyền tải dưới dạng mã hoá nào đó.

Kết quả của quá trình truyền tin được đánh giá thông qua sự trùng khớp giữa ý tưởng của người gửi và sự hiểu rõ ý tưởng đó của người nhận; Quá trình này chỉ được thực hiện hoàn hảo nếu như tất cả các mắt xích trong dây truyền truyền tin này đều hoàn hảo;

Quá trình nghiên cứu tài liệu gốc để phục vụ cho việc biên soạn bài chú giải, tóm tắt hay tổng quan chính là một quá trình truyền tin. Trong đó cán bộ biên soạn các bản tin nêu trên đóng vai trò là người nhận thông tin; Muốn đọc được các tài liệu một cách chính xác và nhanh chóng thì việc giải mã thông tin để hiểu được thông điệp của tác giả tài liệu là kỹ năng cơ bản nhất và quan trọng nhất. Để có thể hiểu rõ ý tưởng của người viết thì người đọc phải hiểu rõ được bộ mã mà người viết đã sử dụng và dùng chính bộ mã đó để giải mã, nhận biết thông điệp mà họ gửi trong tài liệu.

Trong các dạng văn bản khác nhau người ta đều sử dụng các bộ mã cụ thể khác nhau. Nhưng nhìn chung một văn bản thường có ba lớp mã, các lớp mã này luôn phối hợp với nhau ở những mức độ nhất định tùy thuộc vào dạng văn bản, đối tượng hướng đến của văn bản cụ thể. Ba lớp mã đó là:

a. Lớp mã tư duy

Lớp mã này thường nằm ở tầng sâu nhất của một văn bản, nó chế ngự và điều chỉnh các lớp mã khác một cách vô thức. Lớp mã này hình thành qua phương cách tư duy cụ thể. Thông thường người ta phân biệt ra hai loại tư duy chính đó là tư duy logic và tư duy trừu tượng. Nhưng khi sáng tạo ra các văn bản người cũng có thể kết hợp đậm nhạt nhất định cả hai cách tư duy trên;

Tư duy logic là lối tư duy thông qua các khái niệm, các phán đoán, suy diễn dựa trên các quy luật chặt chẽ của logic. Văn bản được mã hoá theo bộ mã này thường có cấu trúc khoa học, chặt chẽ, trước sau xác định rõ ràng không thể dễ dàng đảo lại cấu trúc của chúng một cách tùy tiện. Đây là lối tư duy đặc trưng cho khoa học tự nhiên và kỹ thuật;

Tư duy trừu tượng là loại tư duy mang tính hình tượng, biểu tượng, đó là lối tư duy thiên về cảm xúc và hay dùng những hình tượng cụ thể để diễn đạt những vấn đề trừu tượng. Với lối tư duy này, ý tưởng, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn dưới đến người đọc nhiều khi không nằm trong các câu chữ cụ thể mà chìm sâu trong các hình tượng, các minh chứng, các cảm xúc theo kiểu “ngôn tại ý ngoại”. Đây là lối tư duy đặc trưng cho nghệ thuật;

Nhưng khi sáng tạo ra một văn bản để truyền tới người đọc một thông điệp cụ thể nào đó thì tác giả văn bản đó thường kết hợp cả hai lối tư duy trên để tạo ra một văn bản vừa chặt chẽ, khoa học vừa mang tính biểu cảm, sâu sắc và thâm thúy.

Lựa chọn loại mã tư duy nào và kết hợp đậm nhạt giữa chúng ra sao hoàn toàn phụ thuộc và cá tính, trình độ, tài năng của tác giả và loại văn bản cụ thể.

b. Lớp mã chuyên ngành

Lớp mã này được biểu hiện cụ thể dưới dạng các thuật ngữ, quy tắc, quy luật, nguyên lý, nguyên tắc chuyên ngành thuộc một trong hai kiểu tư duy cơ bản nêu trên (Logic hay trừu tượng). Thông thường các khoa học tự nhiên và kỹ thuật như toán, lý, hoá, luyện kim.. đều thuộc lớp mã tư duy logic; các loại hình nghệ thuật như kịch, tiểu thuyết, thơ.. thuộc loại tư duy trừu tượng; triết học, phê bình văn học nghệ thuật, sử học... thuộc cả hai loại tư duy trên.

Dưới lớp mã này các thông điệp được tác giả truyền tải đến người đọc chính là những thông tin mang tính chuyên ngành, và để hiểu rõ được các thông điệp đó người đọc phải được vũ trang những cách giải mã cần thiết, nghĩa là phải nắm được những thuật ngữ, những quy luật, định luật, hay nguyên tắc, nguyên lý chính của chuyên ngành đó. Ví dụ, không thể hiểu được một văn bản với rất nhiều ký hiệu hoá học nếu không được

trang bị những kiến thức về chuyên ngành hoá học. Lớp mã chuyên ngành rất đa dạng và phong phú, vì thế giải mã chuyên ngành luôn là thách thức đối với người xử lý thông tin. Trong lớp mã chuyên ngành có thể phân thành hai lớp: Lớp mã chung, đây là loại mã có thể giúp ta mã hoá và giải mã được những thông điệp mang tính thường thức, cơ bản của nhiều chuyên ngành khác nhau. Người xử lý thông tin buộc phải biết cách giải mã lớp mã này bằng cách trang bị cho mình một phong kiến thức chung và rộng. Lớp thứ hai là mã chuyên ngành sâu, lớp mã chỉ dành riêng cho một chuyên ngành nhất định, chỉ những người được đào tạo hay nghiên cứu sâu một chuyên ngành nào đó mới có khả năng giải được lớp mã đó.

Ví dụ:

Khi nói về "trường phái dã thú", người được trang bị bộ mã chung chỉ biết đó là một trường phái hội hoạ hiện đại, ra đời vào thời điểm nào, do ai sáng tạo ra, các hoạ sỹ tiêu biểu của trường phái này; Còn người được đào tạo hay nghiên cứu về nghệ thuật tạo hình tức là được trang bị lớp mã chuyên ngành sâu thì ngoài các thông tin như trên còn có thể hiểu rõ đặc trưng nghệ thuật cơ bản của nó là gì, những hoạ sỹ là đại diện của trường phái có những đóng góp, thành tựu và đặc trưng gì cho phong cách nghệ thuật riêng của họ..v.v

Hoặc khi nói về một số từ đồng nghĩa người ta dùng các thuật ngữ như: "từ đồng nghĩa biểu thái" và "từ đồng nghĩa biểu niệm". Thường những người không có kiến thức ngôn ngữ học chuyên sâu cũng hay gặp khó khăn để hiểu các thuật ngữ này họ chỉ hiểu chung là các dạng khác nhau của từ đồng nghĩa. Trong khi người có kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ học sẽ hiểu rất rõ là "'từ đồng nghĩa biểu thái, tức từ đồng nghĩa phân chỉ phân biệt với nhau tình thái sử dụng từ, phân biệt bằng văn phong", còn "từ đồng nghĩa biểu niệm là các từ khác nhau chỉ cùng một khái niệm, không phân biệt bằng văn phong hay một đặc điểm nào khác"

Một số ngành khoa học gần gũi có thể sử dụng một phần bộ mã của nhau để mã hoá các thông điệp của mình, vì vậy khi đọc, nghiên cứu tài liệu cần phải vận dụng những hiểu biết của một chuyên ngành được đào tạo, kết hợp với hiểu biết chung để tiếp tục tìm hiểu, giải mã các thông điệp của các tài liệu về chuyên ngành lân cận hay chuyên ngành sâu hơn. Do đó, nghiên cứu tài liệu gốc chính là một quá trình **học**, càng nghiên cứu nhiều càng tích lũy được nhiều và càng có thể có kinh nghiệm, kỹ năng để giải mã các thông điệp mới chứa trong các tài liệu mới.

c. Lớp mã ngôn ngữ

Đây là một lớp mã đơn giản nhất và thông dụng nhất trong ba lớp mã của một văn bản, nó thể hiện thông qua các từ vựng, các quy tắc ngữ pháp của một ngôn ngữ cụ thể. Nói là khá đơn giản khi đó là mã ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ, còn nếu đó là một ngoại ngữ thì việc giải mã nó cũng không hề đơn giản. Ngay trong tiếng mẹ đẻ, nhiều khi mã ngôn ngữ cũng là một rào cản khi nghiên cứu nội dung tài liệu, tìm hiểu sâu sắc thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong đó, nhất là khi tác giả là một người học vấn uyên thâm, khi viết sử dụng nhiều điển tích, thành ngữ... trên thực tế cũng không phải là một việc đơn giản.

Tóm lại, khi nghiên cứu tài liệu gốc người xử lý thông tin cần nghiên cứu lần lượt và kỹ lưỡng các nguồn tin cần thiết nêu trên, sử dụng các bộ mã của mỗi tài liệu để giải mã tìm hiểu kỹ các thông điệp hay các nội dung mà các tác giả gửi gắm đến bạn đọc.

Khi nghiên cứu tài liệu gốc, bên cạnh việc giải mã để nắm bắt được các thông tin, chủ đề nội dung chứa trong mỗi tài liệu, người xử lý thông tin còn phải tùy theo yêu cầu cụ thể của từng loại bản tin để nghiên cứu, tìm hiểu thêm về giá trị khoa học, thực tiễn, đặc điểm nghệ thuật, phong cách thể hiện của các tài liệu đó nữa. Những thông tin dạng này cũng đòi hỏi phải được trang bị các bộ mã chuyên ngành. Bởi vì, ví dụ, không thể đánh giá nghệ thuật sáng tác của một vở kịch, một cuốn tiểu thuyết hay một bài thơ khi không hiểu biết gì về lý luận sáng tác các thể loại nghệ thuật đó.

3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI BIÊN SOẠN TÓM TẮT, CHÚ GIẢI, TỔNG QUAN

Mỗi một khâu nghiệp vụ trong xử lý thông tin đều có những yêu cầu riêng về khả năng nhận thức, trình độ và kỹ năng chuyên môn. Biên soạn bài chú giải, tóm tắt, đặc biệt là tổng quan đều có những yêu cầu nhất định, đòi hỏi người xử lý khâu nghiệp vụ này phải có những phẩm chất và khả năng, trình độ nhất định.

3.1 Yêu cầu chung

Khi xử lý tài liệu dưới dạng bài chú giải, tóm tắt, tổng quan, người biên soạn đều phải thực hiện hai bước cơ bản nhất trong quá trình đó, cụ thể là:

- Đọc, phân tích nội dung tài liệu và rút ra những thông tin cần thiết để biên soạn bản tin;

- Trình bày những thông tin đã phân tích, tổng hợp được dưới dạng bản chú giải hoặc tóm tắt, hoặc tổng quan.

Vì thế, người biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan phải có những khả năng và phẩm chất sau đây:

- Trước hết phải có một phong kiến thức chung và rộng, thông thạo các thuật ngữ khoa học: Phong kiến thức chung và rộng luôn là một nền tảng quan trọng để người xử lý thông tin đọc và phân tích chính xác tài liệu gốc. Thông thường kiến thức nền tảng thường giúp người đọc có thể đọc, giải mã những thông điệp mang tính thường thức mà tác giả tài liệu gốc muốn truyền tải tới người đọc. Ngoài ra, tùy vào từng loại tài liệu gốc cần xử lý mà yêu cầu về kiến thức của người biên soạn các bản tin này khác nhau. Những tài liệu chuyên ngành cũng yêu cầu cần phải có những hiểu biết về chuyên ngành đó mới có thể đọc và hiểu được nội dung cơ bản của tài liệu, phản ánh nội dung đó một cách chính xác trong các sản phẩm mà mình biên soạn ra. Ví dụ: Không thể đọc hiểu một cuốn sách về toán cao cấp nếu như không có kiến thức chuyên ngành về toán. Chính vì vậy mà trong trường hợp biên soạn các bài chú giải, tóm tắt, tổng quan thuộc chuyên ngành thì thường phải cộng tác với các chuyên gia thuộc chuyên ngành đó.

- Thứ hai, người biên soạn bản tóm tắt phải có tư duy logic, có khả năng diễn đạt thông tin rành mạch, rõ ràng. Tư duy logic giúp cho người xử lý thông tin có thể dễ dàng nhận biết những nội dung cơ bản của tài liệu gốc, phân tích cấu trúc của tài liệu gốc một cách khoa học, hợp lý và dễ dàng, đặc biệt đối với những tài liệu cấu trúc không phân định rõ chương mục như các loại tuyển tập, các sách khoa học thường thức, sách hỏi đáp... Đối với các loại tài liệu như vậy thì khả năng đọc hiểu, phân tích và phân nhóm các chủ đề là rất quan trọng;

Tư duy logic cũng giúp cho người biên soạn bản tin diễn đạt mạch lạc và chính xác những thông tin rút ra được trong quá trình phân tích tài liệu gốc thành một bản chú giải, tóm tắt, tổng quan theo yêu cầu.

- Thứ ba, người biên soạn bản chú giải, tóm tắt, tổng quan cũng phải có khả năng suy tư trừu tượng, đó là khả năng cảm nhận, nhận thức vấn đề trừu tượng thông qua những hình tượng cụ thể để có thể hiểu được các dạng văn bản trừu tượng như các dạng văn bản mang tính nghệ thuật, các văn bản thuộc các chuyên ngành khoa học triết học, tâm lý học,
..

- Thứ tư, người biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan phải là người có khả năng phân tích tổng hợp, đặc biệt là khi biên soạn bài chú giải giới thiệu, tóm tắt phê phán, và tổng quan thì kỹ năng phân tích tổng hợp đòi hỏi càng phải cao, bởi các loại bản tin này thường phải phân tích

tin tế, sâu sắc để rút ra những thông tin, những nhận xét, đánh giá cần thiết để tổng hợp thành bản tin.

- Thứ năm, người làm công tác thông tin, đặc biệt là người xử lý các tài liệu dưới dạng bài chú giải, tóm tắt, tổng quan phải được trang bị ít nhất một ngoại ngữ thông dụng. Ngoại ngữ không chỉ giúp họ đọc hiểu các tài liệu viết bằng ngoại ngữ mà còn giúp họ tra cứu, xác định, bổ sung, kiểm tra những thông tin khi nghiên cứu tài liệu gốc, bởi hệ thống sách tra cứu bằng tiếng Việt nhìn chung còn khá khiêm tốn, không thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu, khi xử lý các tài liệu chuyên sâu như các chuyên khảo, chuyên luận.

3.2 Yêu cầu về nghiệp vụ

Người biên soạn các loại bài chú giải, tóm tắt, tổng quan cần phải được trang bị những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sau:

- Phải nắm vững phương pháp và kỹ năng biên soạn từng loại bài chú giải, tóm tắt, tổng quan; phải xác định rõ với đối tượng người dùng tin (bạn đọc) cụ thể thì cần phải xây dựng loại sản phẩm thông tin cụ thể nào, như một bản thư mục, một cơ sở dữ liệu, một bản tin quảng cáo hay giới thiệu tài liệu triển lãm. Và với từng loại sản phẩm thông tin đó thì cần biên soạn loại chú giải, tóm tắt nào.

- Phải là người có kỹ năng sử dụng các tài liệu tra cứu như từ điển, bách khoa thư, các phương tiện tra cứu như CSDL, Mục lục, thư mục, trang WEB vì chúng sẽ là công cụ và là nguồn tin hỗ trợ quan trọng cho người biên soạn chú giải, tóm tắt và tổng quan.

- Phải là người có khả năng phối hợp hoạt động tốt, bởi đối với một số loại chú giải, tóm tắt, đặc biệt là tổng quan cần phải có sự phối hợp của các chuyên gia chuyên ngành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày hiểu biết về lịch sử bài chú giải.
2. Giữa bài tóm tắt, chú giải và tổng quan có mối liên hệ gì?
3. Những nguồn tin nào là nguồn tin chính cần nghiên cứu khi biên soạn bài chú giải, tóm tắt, tổng quan?
4. Khi biên soạn các bài chú giải, tóm tắt, tổng quan cần tham khảo thêm những nguồn tin phụ trợ nào?
5. Nêu các yêu cầu đối với người biên soạn bài tóm tắt, chú giải, tổng quan.

Chương II CHÚ GIẢI

1. ĐỊNH NGHĨA

Chú giải là một bản chú thích, dẫn giải ngắn gọn về các dữ liệu hình thức và nội dung tài liệu nhằm giải thích rõ hơn cho các yếu tố mô tả thư mục, cấu trúc và giá trị nội dung của tài liệu gốc, giúp người dùng tin có cơ sở cần thiết để lựa chọn tài liệu.

2 PHẠM VI SỬ DỤNG BÀI CHÚ GIẢI

Kể từ khi xuất hiện cho tới nay, bài chú giải được sử dụng rộng rãi trong các sản phẩm thông tin và bộ máy tra cứu thông tin thư viện. Cụ thể nó được ứng dụng ở các sản phẩm sau đây:

2.1 Các bản thư mục

Trước những năm 50 của thế kỷ XX bài chú giải được coi là một trong các yếu tố bắt buộc của một bản thư mục giới thiệu. Vì đặc trưng của loại thư mục giới thiệu là định hướng, giúp đỡ người đọc trong việc chọn lựa những tài liệu có giá trị nội dung, khoa học và nghệ thuật cao. Do đó, bài chú giải chính là công cụ để truyền tải quan điểm và khuyến hướng chọn lọc, đọc của người và cơ quan tổ chức biên soạn bản thư mục. Nhưng dần dần bài chú giải ngày càng được sử dụng rộng rãi. Trong các bản thư mục chuyên đề, thậm chí cả thư mục tổng quát như thư mục quốc gia của nhiều nước trên thế giới cũng có kèm theo các bài chú giải để bổ sung thêm những thông tin cho bản mô tả thư mục.

2.2 Các mục lục thư viện

Trong các mục lục của thư viện như mục lục chủ đề, mục lục phân loại của các thư viện lớn ở nước Nga Xôviết, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam thì bài chú giải cũng được sử dụng để giúp bạn đọc có căn cứ chọn lựa những tài liệu phù hợp trong số những tài liệu có chung một chủ đề nội dung. Hoặc giải thích rõ hơn những tài liệu mà nhan đề của nó chưa thể hiện được rõ ràng. Đặc biệt là các mục lục bài trích báo tạp chí. Bởi các bài đăng trên báo và tạp chí thường có nội dung cô đọng, nhan đề của bài viết nhiều khi được chọn theo ý nghĩa bóng bẩy, biểu cảm để thu hút bạn đọc nên bài chú giải rất cần thiết để làm sáng tỏ chủ đề nội dung của các bài viết đó.

Ví dụ, tại Thư viện quốc gia Việt Nam trong hộp phiếu tra cứu bài trích báo, tạp chí về Thông tin văn hoá nghệ thuật cũng biên soạn kèm theo bản mô tả thư mục các bài chú giải.

2.3 Các cơ sở dữ liệu thư mục

Các cơ sở dữ liệu thư mục xuất hiện ngày một nhiều cùng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin. Ở Việt Nam các cơ sở dữ liệu thư mục ra đời vào những năm 1980 và cho đến ngày nay chúng trở thành phổ biến ở hầu hết các cơ quan thông tin thư viện của hệ thống thư viện công cộng, hệ thống cơ quan thông tin thư viện của các viện nghiên cứu, của các trường cao đẳng và đại học. Trong các cơ sở dữ liệu thư mục này bài chú giải và bài tóm tắt là một trong những trường dữ liệu quan trọng của biểu ghi thư mục. Tiêu biểu cho các CSDL này là CSDL SACH của Thư viện Quốc gia Việt Nam, CSDL của Trung tâm thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, CSDL của Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, của Trung tâm Thông tin thư viện thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội...

2.4 Các bản tin quảng cáo sách mới

Trong các bản tin quảng cáo sách mới luôn luôn hiện diện các bài chú giải giới thiệu. Trong các bản tin này các bài chú giải thường được viết dài hơn và với văn phong và cách đánh giá mang nhiều tính biểu cảm hơn so với các bài chú giải trong các bản thư mục, các mục lục và các cơ sở dữ liệu thư mục. Ở Việt Nam, hiện nay, trong các bản tin quảng cáo sách mới in thành tờ rơi hoặc trên trang WEB của các nhà xuất bản đều có các bài chú giải. Các bài chú giải dạng này cũng xuất hiện đều đặn trong mục ”Sách mới” trên tạp chí Sách của Cục xuất bản từ những năm 1990 đến nay.

3. PHÂN LOẠI BÀI CHÚ GIẢI

Trong lịch sử công tác thông tin thư mục, bài chú giải đã từng được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau.[xem 17 , tr. 30-36]. Ngày nay người ta thường phân loại bài chú giải theo các tiêu chí sau đây:

- Phân loại theo đối tượng xử lý của bài chú giải
- Phân loại theo mục đích sử dụng của bài chú giải.
- Kết hợp cả hai tiêu chí phân loại trên.

3.1 Phân loại theo đối tượng xử lý hay phân loại theo tài liệu gốc

Căn cứ vào đối tượng xử lý tức tài liệu gốc bài chú giải được chia làm ba loại:

Chú giải đơn lẻ;
Chú giải tổng quát;
Chú giải phân tích.

a. Chú giải đơn lẻ

Là chú giải được biên soạn cho một tài liệu đơn lẻ như một đơn vị tài liệu trọn vẹn. Tiêu chí để xác định đơn vị tài liệu trọn vẹn ở đây khác với tiêu chí xác định đơn vị tài liệu trọn vẹn của bản mô tả thư mục trong biên mục mô tả. Các bản mô tả thư mục là bản mô tả chỉ cung cấp những đặc điểm để nhận dạng về hình thức của tài liệu, nên đơn vị tài liệu trọn vẹn được tính theo đơn vị ấn phẩm đó là một cuốn sách, một số báo, một số tạp chí, một cuốn băng... không phân biệt cuốn sách đó là một tuyển tập hay chuyên khảo, chuyên luận. Tính **trọn vẹn** của một đơn vị tài liệu ở đây được **tính theo nội dung**, chứ không tính theo một đơn vị ấn phẩm. Và như vậy, một đơn vị tài liệu trọn vẹn được coi là đối tượng của chú giải đơn lẻ là một cuốn chuyên luận, chuyên khảo, một bài báo, bài tạp chí. Theo tiêu chí nội dung này thì một tuyển tập bao gồm các bài viết riêng rẽ của một tác giả hay nhiều tác giả vốn là đối tượng của bản mô tả thư mục đơn lẻ thì ở đây đều không được coi là đối tượng của chú giải tổng quát; và ngược lại, một bài báo, một bài tạp chí, vốn là đối tượng của mô tả phân tích, hay mô tả trích thì ở đây lại được coi là đối tượng của dạng chú giải đơn lẻ.

Nội dung chính của loại chú giải đơn lẻ là những thông tin chú thích, dẫn giải ngắn gọn về đặc điểm hình thức, nội dung khoa học và tư tưởng của tài liệu và ý nghĩa của tài liệu đối với vấn đề được phản ánh trong đó.

b. Chú giải phân tích

Là bản chú giải chỉ về một khía cạnh của nội dung tài liệu hoặc một phần của một đơn vị tài liệu trọn vẹn (Một chương, một đoạn...) nếu nội dung phần đó phù hợp với chủ đề của các bản tra thư mục, các CSDL hoặc sản phẩm thông tin khác có chứa bài chú giải.

Tiêu chí để xác định **tính chất phân tích** hay **trích** ở đây cũng khác với tiêu chí xác định một bản biên mục mô tả phân tích vì **tính chất phân tích** được xác định theo tính trọn vẹn về nội dung của một đơn vị tài liệu. Như ta đã phân tích, tính trọn vẹn của một đơn vị tài liệu ở phần chú giải đơn lẻ, đối tượng của bài chú giải phân tích chính là một phần, một khía cạnh nội dung, một đoạn của một chuyên khảo, của một chuyên luận, một đoạn của một bài viết trong tuyển tập hay của một bài báo / bài tạp chí.

Nội dung của bài chú giải phân tích sẽ bao gồm các thông tin chú thích, dẫn giải về hình thức của cả đơn vị tài liệu trọn vẹn có chứa phần được trích chú giải nói chung, của phần được chú giải phân tích nói riêng và thông tin về đặc điểm nội dung của riêng phần được trích đó.

Bài chú giải phân tích thường được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Đơn vị tài liệu trọn vẹn có nhiều chủ đề nội dung, nhưng chỉ có một chủ đề nội dung phù hợp với sản phẩm thông tin có chứa bài chú giải.

Ví dụ: Trong cuốn chuyên khảo về văn hoá H'mông, chủ đề về tôn giáo, tín ngưỡng được trình bày không phải thành một chương hay một phần riêng rẽ mà đan xen vào các chủ đề khác như văn hoá ẩm thực, văn hoá sinh hoạt, nghệ thuật, phong tục, tập quán, kiến trúc.. của người H'mông ở từng vùng khác nhau trên đất nước. Vì thế, khi ta biên soạn một bản thư mục chuyên đề: "Tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số Việt Nam" thì ta không chú giải cho cả cuốn chuyên khảo này mà chỉ tập trung chú giải cho chủ đề tôn giáo và tín ngưỡng của Người H'mông ở các vùng khác nhau, vì nó phù hợp với chủ đề của bản thư mục ta đang biên soạn.

- Đơn vị tài liệu trọn vẹn có nhiều chương, mục nhưng chỉ có một hay một vài chương, mục phù hợp với chủ đề của sản phẩm thông tin có chứa bài chú giải.

Ví dụ: Trong cuốn: "Kỹ thuật trồng cây ăn quả" có ba chương cụ thể, chương I: Kỹ thuật trồng cây mít; chương II: Kỹ thuật trồng cây vải; chương III: Kỹ thuật trồng cây cam. Khi ta biên soạn một bản thư mục chuyên đề: "Thư mục về kỹ thuật trồng trọt các loại cây có múi ở miền Bắc Việt Nam", thì cuốn sách nêu trên chỉ có chương III: Kỹ thuật trồng cam mới phù hợp với chủ đề nội dung của sản phẩm thông tin mà ta đang biên soạn. Do đó ta chỉ làm chú giải cho nội dung của chương III mà thôi.

- Đơn vị tài liệu trọn vẹn có một đoạn phù hợp với chủ đề nội dung của sản phẩm thông tin có chứa bài chú giải.

Ví dụ: Trong bài viết "Lê Hồng Sâm - Con người và dịch giả" của tác giả Đỗ Lai Thúy in trong tạp chí Văn học nước ngoài, năm 2001, số 2, trang 215-220 viết về cuộc đời và đóng góp của dịch giả Lê Hồng Sâm trong việc nghiên cứu, dịch và giới thiệu văn học Pháp có một đoạn từ trang 217-219 nói về việc dịch và giới thiệu một cách hệ thống tác phẩm "Tấn trò đời của Balzac". Đoạn này có nội dung phù hợp với chủ đề bản

thư mục chuyên đề: "Balzac - cuộc đời và văn nghiệp", do đó khi xử lý bài viết này cho bản thư mục, ta chỉ cần chú giải đoạn nêu trên.

c. Chú giải tổng quát.

Là bản chú giải chung cho một bộ sách, một nhóm tài liệu gồm nhiều đơn vị tài liệu trọn vẹn khác nhau nhưng có những đặc điểm trùng hợp về nội dung, đối tượng phục vụ hoặc các dấu hiệu khác.

Nội dung của bản chú giải loại này thường bao gồm những chú thích, dẫn giải về những đặc điểm hình thức và nội dung chung của cả nhóm và riêng của từng đơn vị tài liệu.

Bài chú tổng quát thường được biên soạn cho các trường hợp sau đây:

- Một bộ sách gồm nhiều tập khác nhau;

ví dụ: Chú giải cho bộ sách: "Thi ca bình dân Việt Nam" của tác giả Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. Bộ sách gồm 4 tập.

- Một bộ từng thư cụ thể;

Ví dụ: Chú giải cho bộ từng thư: "Mười vạn câu hỏi vì sao", một bộ từng thư gồm nhiều cuốn sách khoa học thường thức dành cho thiếu niên, nhi đồng.

- Một tuyển tập của một tác giả hay nhiều tác giả;

Ví dụ: Chú giải cho "Tuyển tập V.A. Prôp" đó là một tuyển tập của một tác giả; Chú giải cho "Tuyển tập truyện ngắn của các tác giả nữ thế kỷ 20", tuyển tập của nhiều tác giả.

- Một nhóm tài liệu có cùng một chủ đề;

Ví dụ: Chú giải cho hai cuốn sách: "Kỹ thuật nuôi tôm nước ngọt" và "Kỹ thuật nuôi tôm sú" là hai cuốn sách có chung một chủ đề về nuôi tôm.

- Một nhóm tài liệu có cùng một đối tượng sử dụng;

Ví dụ: Chú giải cho hai cuốn sách: "Nuôi con theo khoa học" và "Chăm sóc trẻ khi bị ốm" là hai cuốn sách đều dành cho các bà mẹ trẻ.

Bài chú giải tổng quát được ứng dụng rộng rãi cho các bản thư mục chuyên đề.

3.2 Phân loại theo đặc điểm nội dung của bài chú giải

Phân loại theo đặc điểm nội dung của bài chú giải, cũng có tác giả gọi là phân loại theo mục đích sử dụng của bài chú giải [xem 15]. Căn cứ theo tiêu chí này bài chú giải có hai loại đó là:

Chú giải chỉ dẫn;

Chú giải giới thiệu.

a. Chú giải chỉ dẫn

Chú giải chỉ dẫn cũng được gọi là chú giải mô tả, vì nội dung chính của nó là mô tả lại những đặc điểm hình thức đặc biệt và các chủ đề nội dung chính của tài liệu nhằm mục đích nhận dạng, phân biệt tài liệu này với các tài liệu khác có cùng chủ đề, cung cấp những cơ sở để bạn đọc chọn lựa tài liệu cho phù hợp với nhu cầu thông tin của họ. Các thông tin trong bản chú giải chỉ dẫn chỉ *mang tính thông báo* về các chủ đề của nội dung tài liệu gốc, hoặc bổ sung những thông tin có trong bản thư mục về tác giả, hình thức, thể loại, công dụng và các đặc điểm khác của tài liệu chứ không mang *tính nhận xét, đánh giá hay phê phán* về các đặc điểm nội dung hay hình thức đó.

Nội dung của bản chú giải này khá đa dạng và phong phú và được chia làm ba nhóm thông tin chính, đó là:

- Thông tin mô tả về hình thức của tài liệu, bổ sung cho bản mô tả thư mục,
- Thông tin cụ thể về lịch sử thư mục của tài liệu
- Thông tin ngắn gọn về chủ đề nội dung của tài liệu.

a.1. Thông tin về đặc điểm hình thức của tài liệu.

Những thông tin về hình thức của tài liệu được ghi chú thêm trong bản chú giải chỉ dẫn rất đa dạng và phong phú, chúng có thể bao gồm các thông tin cụ thể sau đây:

- Thông tin về tác giả:

Giải thích về biệt danh hay dạng đặc biệt của họ tên tác giả có trình bày ở mặt sau tên tài liệu hoặc trong lời nói đầu, lời giới thiệu nêu như nó không trùng với tên tác giả được ghi trên tiêu đề mô tả; Nêu học hàm, học vị, danh hiệu mà tác giả đó đạt được và vai trò, vị trí xã hội của tác giả đó nếu nó có liên quan đến việc khắc hoạ đặc trưng của tài liệu; Nêu những thông tin ngắn gọn về tiểu sử, vai trò và vị trí xã hội của tác giả trong khoa học hoặc trong lĩnh vực mà ông hoạt động, quan hệ của tác giả với các nhà hoạt động văn hoá, khoa học và nghệ thuật đương thời.

Ví dụ:

Tác giả là một trong những nhà nghiên cứu văn hoá dân gian nổi tiếng của Thái Lan, danh nhân văn hoá thế giới.

Tác giả là một trong những cựu chiến binh của cuộc kháng chiến chống pháp, người trực tiếp tham gia vào chiến dịch này.

Liệt kê thêm các đồng tác giả của tài liệu nếu các tác giả này chưa được trình bày ở tiêu đề mô tả hoặc ở thông tin trách nhiệm trong bản mô tả. Đặc biệt là các tác giả quan trọng.

Ví dụ:

Đồng tác giả của cuốn bách khoa thư này còn có: Hoàng Phương, Hoàng Minh Thái, Phạm Minh Thảo

Thông tin về người dịch, người hiệu đính, người biên tập nếu các thông tin này chưa xuất hiện trong bản mô tả thư mục.

Ví dụ: Các tác phẩm của Lênin trích từ tuyển tập.

Chú giải: Tác giả là giáo sư của trường đại học Cadan. Chương thứ 12 được viết với sự cộng tác của N.K Petrova. Các bài viết và hồi ức của nhà văn M.Gorki, A.A Phadeev, M.A. Solokhop và nhiều người khác.

- Thông tin bổ sung, làm rõ thêm cho nhan đề, phụ đề:

Giải thích sự thay đổi nhan đề so với nhan đề tác giả đặt và nhan đề nhà xuất bản chọn lại để xuất bản cuốn sách; thay đổi nhan đề giữa các lần xuất bản, mối liên quan giữa các tập của bộ sách không có tên chung: *tập hai của bộ sách mang tên chiến dịch Joy; Hoặc Lần đầu in trong tạp chí “Ngôn ngữ” với nhan đề: Phương pháp giảng dạy từ nghịch nghĩa trong trường phổ thông.*

- Thông tin bổ sung về lời giới thiệu, các bài phát biểu, lời nói đầu nếu chúng chưa được trình bày trong bản mô tả thư mục:

Lời giới thiệu của lần xuất bản thứ nhất do cố giáo sư Đào Duy Anh viết.

- Thông tin về đặc điểm của minh hoạ trong tài liệu nếu nó có ý nghĩa khắc hoạ, phân biệt tài liệu với các tài liệu khác cùng đề tài, hoặc với các lần xuất bản khác của chính tài liệu đó: *Chân dung tác giả tự hoạ; Toàn bộ tranh minh hoạ đều là tranh khắc gỗ; Thông tin về tác giả minh hoạ cho tài liệu nếu có: Tranh minh hoạ của Văn Cao*

- Thông tin về phần bổ sung, phần in thêm và tài liệu đi kèm nếu bản mô tả thư mục chưa nêu rõ: *trong cuốn sách còn in kèm một số bài hồi ký của bạn bè tác giả; Tài liệu còn kèm theo hai đĩa CD, một ghi các*

giai điệu dân ca vùng đồng bằng bắc Bộ, một ghi các bài dân ca vùng Tây Nguyên.

- Thông tin về ngôn ngữ của chính văn hoặc của các thành phần trong tài liệu nếu chúng đặc biệt và chưa được trình bày trong bản mô tả thư mục: *Cuối mỗi báo cáo đều có bản tóm tắt bằng tiếng Anh; Phần cuối sách có in nguyên bản các bài thơ bằng chữ Hán;*

- Thông tin về các công cụ tra cứu hỗ trợ có trong tài liệu: *Sách còn gồm hai bảng tra chủ đề chữ cái, một dành cho tên các nền văn hoá, một dành cho tên các nhà văn hoá lớn, đại diện cho mỗi nền văn hoá đó để bạn đọc dễ dàng tra cứu.*

- Thông tin về hình thức trình bày, bao gói tài liệu, cách đánh số trang đặc biệt.

Số trang được đánh theo hai hệ thống riêng biệt đối với phần chính văn bằng tiếng Hán và chính văn bằng tiếng Việt.

Tuy nhiên không phải bản chú giải nào cũng có đầy đủ tất cả các thông tin nêu trên, mà tùy từng trường hợp cụ thể bản chú giải có thể bao gồm một hoặc một số các thông tin đó.

a.2. Nhóm thông tin về lịch sử thư mục của tài liệu

Cũng như thông tin về hình thức của tài liệu, thông tin về lịch sử thư mục cũng rất đa dạng. Những thông tin này bao gồm:

- Thông tin về xuất bản hay các thay đổi trong nội dung của tài liệu qua nhiều lần xuất bản tài liệu đó, tùy thuộc vào đặc trưng của tài liệu và số phận của nó trong lịch sử tư liệu và thư mục, đồng thời cung cấp cả những thông tin về các lần xuất bản của tài liệu mà thư viện có, sự quý hiếm của tài liệu đó: *Hiện nay chỉ có một bản sách duy nhất; Đây là một tác phẩm vô cùng quý hiếm, nó được tìm thấy trong thư viện của gia đình dòng họ Cao Xuân và đưa về lưu giữ tại Thư viện tỉnh Nghệ An từ năm 1978.*

- Những sai lầm mang tính lịch sử về tác giả của tài liệu trong quá trình xuất bản tài liệu đó, ví dụ, cuốn “Cách mạng và phản cách mạng ở Đức” trước đây đều xuất bản dưới tên tác giả là C.Mác, nhưng sau đó phát hiện ra sai lầm, đó là tác phẩm do Ph. Enghen viết, vì thế phải ghi chú rõ sự sai lầm ấy.

- Các thông tin liên quan đến đặc trưng của tác phẩm như thời đại hoặc thời gian sáng tạo ra tác phẩm đó, quan hệ của những nhà khoa học, văn hoá, nghệ sỹ đương thời đối với tác phẩm đó; Cảm nhận, phản ứng của người đọc đối với tác phẩm: *Đây là tác phẩm mà đương thời V.L*

Lênin rất yêu thích, ông cho rằng đó là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất trong lịch sử văn học Nga và văn học nhân loại.

- Thông tin về các lần xuất bản tài liệu như lần xuất bản đầu tiên, số lần tái bản...: *Sách đã được tái bản đến 9 lần trong vòng 15 năm. Mỗi lần xuất bản đều được bạn đọc hoan nghênh nhiệt liệt. đây là lần tái bản thứ 9 với nhiều thay đổi, bổ sung của tác giả.*

a.3. Nhóm thông tin về chủ đề nội dung tài liệu.

Nhóm thông tin này cũng khá đa dạng, bao gồm:

- Thông tin chính xác hoá hay cụ thể hoá nhan đề và phụ đề của tài liệu về đề tài, chủ đề mà tài liệu đó nghiên cứu: *Mô tả bức tranh và tiểu sử vắn tắt của họa sỹ Tô Ngọc Vân; Viết về cuộc đời của ca sỹ Cẩm Nhung*

- Giải thích rõ sự không tương xứng giữa nhan đề và nội dung được triển khai trong tài liệu

Ví dụ: *BELOV, A.M. Mục lục chữ cái và chú giải. – M., 1998*

Chú giải: Trong tài liệu hướng dẫn vắn tắt về phương pháp tổ chức mục lục chủ đề và biên soạn bài chú giải.

- Các thông tin về địa điểm, thời gian, phạm vi lãnh thổ, dân tộc liên quan đến chủ đề nội dung được trình bày trong tài liệu.

Ví dụ:

Tiến theo Bắc Lý // Giáo dục. – 1967. – số 5.

Chú giải: Viết về phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của Trường phổ thông Bắc Lý, Ninh Bình.

- Thông tin bổ sung cho nhân vật hay chủ đề được bàn đến trong tài liệu, nếu thiếu các thông tin đó thì chủ đề nội dung của tài liệu không được rõ ràng: *Viết về cuộc đời, sự nghiệp của Anh hùng liệt sỹ Nguyễn Văn Trỗi, một chiến sỹ cách mạng kiên cường trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, đã anh dũng hy sinh trong lao tù của chính quyền Mỹ – Ngụy.*

- Thông tin về cấu trúc tài liệu: *Gồm những bài viết của nhiều tác giả về văn hoá, kinh tế, xã hội của vùng đất Quảng Ninh; hay Bộ sách gồm 4 tập: tập một nói về nhân sinh quan, tập 2 về xã hội quan, tập 3 về tác động của các tôn giáo ngoại nhập lên quan niệm của người Việt bình dân và tập 4 là những kết luận chung về thi ca bình dân phản ánh văn hoá dân tộc.*

- Thông tin về giới hạn không gian và thời gian sử dụng tư liệu và đặc điểm của tư liệu: *Thông qua các tư liệu sưu tầm điền dã của chính tác giả trong 10 năm từ 1990-2000, tác giả đã mô tả...; Tư liệu trong cuốn sách này đều được lấy từ kết quả nghiên cứu thực địa của nhóm công trình tiến hành tại vùng biển năm 2006.*

b. Chú giải giới thiệu

Là bản chú giải cung cấp những thông tin về chủ đề nội dung chính và đánh giá, giới thiệu giá trị tài liệu nhằm mục đích tuyên truyền, hướng độc giả đến với những tài liệu có giá trị.

Nhiệm vụ quan trọng của loại chú giải giới thiệu là định hướng cho bạn đọc, đặc biệt là bạn đọc quần chúng nhằm nâng cao dân trí và văn hoá đọc cho họ. Do đó bản chú giải giới thiệu thường hướng đến các nhóm đọc giả cụ thể. Các nhóm này hình thành theo một số dấu hiệu như tuổi tác, nghề nghiệp, thiên hướng xã hội... vì vậy mà trên thực tế đã có những bài chú giải giới thiệu khác nhau được biên soạn cho cùng một tài liệu trong các sản phẩm thông tin dành cho các đối tượng khác nhau như các cán bộ thư viện, cho cán bộ văn hoá, cán bộ tuyên truyền, giáo viên, thiếu nhi. Tuy nhiên ngay cả đối với các bạn đọc có trình độ học vấn cao như các nhà nghiên cứu khoa học cũng có các bản thư mục kèm chú giải giới thiệu nhằm giúp họ rút ngắn thời gian chọn đọc tài liệu.

Nền tảng quan trọng của tất cả các loại chú giải giới thiệu là sự **đánh giá** giá trị của tài liệu gốc nhằm gián tiếp giúp bạn đọc trong việc chọn lựa tài liệu. Vì vậy nó luôn luôn song hành với việc **phê phán** tài liệu, do đó một số nhà nghiên cứu lý luận còn gọi loại chú giải này là loại chú giải phê phán. Cũng có một số tác giả cho rằng chú giải giới thiệu và chú giải phê phán là hai loại chú giải khác nhau và độc lập với nhau (như I.P. Giuk, M.E. Mintrina, A.G. Phomin...) [xem 17, tr.30-36].

Bài chú giải giới thiệu thường được áp dụng cho:

- Các bản thư mục giới thiệu chuyên đề;
- Các bản thư mục giới thiệu sách mới;
- Các bản thư mục mang tính quảng cáo;
- Các bản tin quảng cáo, giới thiệu sách mới, hoặc giới thiệu các dạng tài liệu hay triển lãm (Sách hoặc các dạng tài liệu khác).

Nội dung cơ bản của loại chú giải giới thiệu bao gồm các thông tin sau đây:

- Thông tin ngắn gọn về chủ đề nội dung tài liệu gốc và vị trí của đề tài trong tài liệu gốc trong xã hội: *Bài viết về một sự kiện quan trọng*

trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ của dân tộc Việt Nam, sự kiện được coi là Điện Biên Phủ trên không, đó là 12 ngày và đêm chiến đấu bảo vệ bầu trời thủ đô Hà Nội, chống lại loại vũ khí chiến lược của không quân Hoa Kỳ - máy bay B52;

- Thông tin về các đặc điểm hình thức của tài liệu nếu nó góp phần khẳng định giá trị của tài liệu: *Sách được viết một cách chân thực từ những vốn sống thực tế của chính tác giả, đặc biệt là những tư liệu mà ông thu thập được trong chuyến đi thực tế chiến trường gian khổ năm 1968*; Thông tin về lịch sử thư mục của tài liệu gốc nếu chúng góp phần khẳng định giá trị của tài liệu gốc: *Tài liệu được tái bản rất nhiều lần và được dịch ra 30 ngôn ngữ trên thế giới, hiện đang được 200.000 thư viện của nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng*;

- Những nhận xét, đánh giá giá trị của tài liệu gốc. Việc đánh giá giá trị của tài liệu có thực hiện một cách trực tiếp, bằng lời của người biên soạn bài chú giải, hoặc gián tiếp thông qua việc giới thiệu tài năng của tác giả tài liệu, hoặc qua sự nhận xét, đánh giá của các nhà nghiên cứu khác. (xem ví dụ cụ thể ở mục 1.3.3 dưới đây)

3.3 Phân loại theo sự kết hợp của hai tiêu chí: đối tượng xử lý và đặc điểm nội dung của bài chú giải.

Trên thực tế các bản chú giải thường được gọi tên theo cách kết hợp cả hai tiêu chí phân loại trên đây. Theo cách kết hợp hai tiêu chí đối tượng xử lý và đặc điểm nội dung của bài chú giải, ta có các loại chú giải sau:

- Chú giải chỉ dẫn đơn lẻ;
- Chú giải chỉ dẫn phân tích;
- Chú giải chỉ dẫn tổng quát;
- Chú giải giới thiệu đơn lẻ;
- Chú giải giới thiệu phân tích;
- Chú giải giới thiệu tổng quát.

a. Chú giải chỉ dẫn đơn lẻ

Là bản chú giải chỉ dẫn được biên soạn cho một đơn vị tài liệu trọn vẹn.

Đối tượng làm chú giải chỉ dẫn đơn lẻ có thể một cuốn chuyên luận, chuyên khảo, một bài báo, một báo cáo trọn vẹn.

Nội dung của bản chú giải chỉ dẫn đơn lẻ bao gồm:

- Thông tin ngắn gọn về đặc điểm hình thức của tài liệu như:
 - Thông tin về tác giả của tài liệu
 - Thông tin về cấu trúc tài liệu
 - Thông tin về giới hạn không gian và thời gian các tư liệu sử dụng trong tài liệu.
 - Thông tin liên quan đến xuất bản tài liệu gốc.
 - Thông tin về lịch sử thư mục của tài liệu.
 - Thông tin về chủ đề tài liệu.
 - Chính xác hóa nhan đề tài liệu.
 - Thông tin ngắn gọn về chủ đề tài liệu gốc.

Ví dụ:

1) Kỹ thuật - Công nghệ / Biên tập: Lân Dũng .- Người dịch: Đỗ Thận. - H : Khoa học và kỹ thuật, 1995. - 303 tr. - (Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao)

Chú giải: Là một cuốn sách trong bộ sách khoa học thường thức dành cho thiếu nhi bao gồm những câu hỏi và câu trả lời về những vấn đề mới nhất trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

Trong ví dụ này, bài chú giải đã cung cấp thêm lời giải thích cho chủ đề nội dung của Bộ từng thư, cấu trúc của cuốn sách.

2) Văn học Malaixia truyền thống và hiện đại / Lê Thanh Hương // Nghiên cứu Đông Nam Á. - số 3, 1999. - tr. 35-46.

Chú giải: Tác giả đã thông qua các tư liệu thuộc ba thể loại phổ biến trong Văn học Malaixia là truyện ngắn, tiểu thuyết và thơ để khảo sát về tính thống nhất giữa truyền thống và hiện đại của văn học Malaixia.

Ví dụ này, bài chú giải đã cung cấp giới hạn phạm vi sử dụng tư liệu của tác giả và chi tiết thêm nội dung nghiên cứu của bài báo.

3) Văn hoá dân gian Thái Lan / Phya Hanuman Rajadhon .- H: Văn hoá, 1988 .- 411 tr; 19cm.

Chú giải: Cuốn sách xuất bản nhân dịp ngày sinh của tác giả, nhà nghiên cứu Văn hoá dân gian nổi tiếng của Thái Lan, danh nhân văn hoá thế giới. Gồm những bài viết về văn hoá, ngôn ngữ, văn học, chuyện kể, nghi lễ, nghi thức phật giáo ở Thái Lan.

b. Chú giải chỉ dẫn phân tích.

Là bản chú giải chỉ dẫn biên soạn cho một khía cạnh nghiên cứu, một phần (một chương, một mục, một đoạn..) của một đơn vị tài liệu trọn vẹn.

Đối tượng của bản chú giải chỉ dẫn phân tích xem ở mục 1.3.2.a.
Chú giải phân tích trên đây.

Nội dung của bản chú giải chỉ dẫn phân tích thường bao gồm các thông tin sau:

- Thông tin về đặc điểm hình thức của tài liệu gốc có chứa phần được trích để chú giải như: các thông tin về tác giả, cấu trúc, giới hạn sử dụng tư liệu..;

- Thông tin về lịch sử xuất bản thư mục của tài liệu gốc có chứa phần được trích để chú giải;

- Thông tin về đặc điểm nội dung của phần được trích để chú giải, cụ thể là:

- Thông tin về một khía cạnh (vấn đề) cụ thể của chủ đề tài liệu nếu chủ đề đó bao gồm nhiều vấn đề. Vấn đề được chọn để chú giải có thể là vấn đề nổi bật của tài liệu, hoặc là vấn đề phù hợp với chủ đề của bản tra cứu thư mục hay CSDL có chứa tài liệu đó.

- Thông tin ngắn gọn về chủ đề nội dung của phần tài liệu, đó có thể là một chương, một mục của sách, một đoạn trong bài báo, bài tạp chí.

Ví dụ:.

1) Bảo tồn di tích lịch sử văn hoá / Nguyễn Đăng Duy, Trịnh Minh Đức. - H : Trường đại học Văn hoá, 1993. - 229tr.

Chú giải: Từ trang 61 đến trang 81 giới thiệu các di tích lịch sử văn hoá liên quan đến các tín ngưỡng, tôn giáo như đình chùa, miếu mạo, đền thờ đạo quán, văn miếu, nghề, phủ của Việt Nam và việc bảo tồn chúng.

2) Vai trò của Văn học dân gian trong văn xuôi hiện đại Việt Nam / Võ Quang Trọng. - H. : Khoa học xã hội, 1997. - 242 tr.

Chú giải: Từ trang 176-242: Phong cách nghệ thuật dân gian trong văn xuôi hiện đại. Phần này phân tích vai trò của ngôn ngữ dân gian (tục ngữ, thành ngữ) thơ ca dân gian (bao gồm: Cao dao, dân ca, đồng dao) trong việc tạo nên sự đa dạng của văn xuôi hiện đại.

3) Văn hoá Hmông / Trần Hữu Sơn. - H. : Văn hoá dân tộc, 1996. - 260 tr.

Chú giải: Một chủ đề nổi bật của cuốn sách này là chủ đề về tôn giáo tín ngưỡng, đặc biệt là về việc thờ cúng tổ tiên, ma nhà và thần bản mệnh của cộng đồng, về sa man giáo, đạo thiên chúa giáo, đạo tin lành của người Hmông ở miền Bắc Việt Nam.

c. Chú giải chỉ dẫn tổng quát.

Là bản chú giải chỉ dẫn được biên soạn cho một bộ tài liệu, một nhóm tài liệu có cùng chung một đặc điểm nào đó như cùng chủ đề nội dung, cùng đối tượng sử dụng,...

Đối tượng để biên soạn bài chú giải chỉ dẫn tổng quát thường là một bộ sách, một bộ từng thư, một nhóm tài liệu riêng lẻ, một tuyển tập các bài viết, một số báo, một số tạp chí...

Nội dung của bài chỉ dẫn tổng quát bao gồm những thông tin cụ thể như đã phân tích tại mục **1.3.2.a. chú giải chỉ dẫn** trên đây. Và thường được chia làm hai nhóm:

- Thông tin về đặc điểm nội dung hoặc hình thức chung của tất cả các tài liệu có trong đối tượng của bản chú giải.

- Thông tin riêng của từng đơn vị tài liệu trong nhóm đó, hoặc thông tin của riêng một tài liệu nào đó trong nhóm nếu nó có đặc điểm gì đặc biệt hơn cả.

Ví dụ:

1) Nho giáo xưa và nay / Vũ Khiêu chủ biên . - H. : Khoa học xã hội, 1991. - 428 tr.

Chú giải: Tuyển tập một số bài viết của nhiều tác giả khác nhau bàn về phương pháp tiếp cận đối với Nho giáo, nội dung của học thuyết Nho giáo và ảnh hưởng của chúng ở Việt Nam và một số nước châu Á.

2) Thi ca bình dân / Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. - H. : Nxb. Hội nhà văn, 1998. - 4 tập

Chú giải: Bộ sách bốn tập về nội dung phản ánh văn hoá của thi ca bình dân, trong đó T.1 nói về vũ trụ quan và nhân sinh quan, T.2 nói về xã hội quan, T.3 về ảnh hưởng của các tôn giáo du nhập lên quan niệm của người Việt bình dân và T.4 là những kết luận chung về Thơ ca bình dân.

3) Mạng cục bộ máy vi tính và ứng dụng / Nguyễn Xuân Quỳnh, Nguyễn Khiêm. Lê Anh Tâm. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 1991. - 184 tr.

Mạng máy vi tính / Nguyễn Xuân Quỳnh, Nguyễn Khiêm, Lê Anh Tâm. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 235 tr.

Chú giải: Hai tài liệu trình bày về cách thiết kế, bảo trì, quản trị mạng cục bộ máy tính (LAN). Riêng cuốn “Mạng máy tính” giới thiệu thêm hệ điều hành mạng Netware 4.0.

d. Chú giải giới thiệu đơn lẻ.

Là bản chú giải giới thiệu được biên soạn cho một đơn vị tài liệu riêng lẻ nhằm giới thiệu nội dung, giá trị của tài liệu đó cho một nhóm đối tượng cụ thể.

Đối tượng để biên soạn bài chú giải giới thiệu đơn lẻ thường là một đơn vị tài liệu nguyên vẹn thuộc một loại hình tài liệu nhất định (một cuốn sách, một bài báo, một bản đồ..)

Nội dung của bản chú giải giới thiệu đơn lẻ bao gồm những thông tin đã được trình bày ở mục: **1.3.2.b. Chú giải giới thiệu** trên đây và thường gồm ba nhóm chính:

- Thông tin ngắn gọn về đặc điểm hình thức của tài liệu, nếu có;
- Thông tin ngắn gọn về lịch sử xuất bản, lịch sử thư mục của tài liệu, nếu có;
- Thông tin ngắn gọn về chủ đề tài liệu gốc, vị trí vai trò của chủ đề đó trong xã hội và giá trị nội dung tài liệu gốc.

Bài chú giải giới thiệu thường áp dụng trong các sản phẩm thông tin sau đây:

- Các thư mục tra cứu phục vụ lãnh đạo;
- Mục lục giới thiệu sách của nhà xuất bản;
- Các thư mục phục vụ giáo dục thường thức;
- Các bản điểm sách;
- Các bản tin quảng cáo sách;
- Các CSDL chuyên ngành.

Ví dụ:

1) Hải dương học và biển Việt Nam / Nguyễn Văn Phòng. - H. : giáo dục, 1998. - 299tr.

Chú giải: Vùng biển và thềm lục địa Việt Nam rộng gấp nhiều lần diện tích đất liền. Cuốn sách giới thiệu những kiến thức cơ bản về khoa học hải dương và về vị trí địa lý, cấu tạo địa chất, chế độ khí tượng, thủy văn của vùng biển Việt Nam. Sách được viết với tính chất phổ thông đại

chúng rất cần thiết cho các em học sinh, các thầy, cô giáo quan tâm đến vấn đề này.

2) Phương pháp phân tích và dự báo kinh tế - xã hội cho nhà quản lý / Võ Kim Sơn (chủ biên). - H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999. - 552 tr.

Chú giải: Sách cung cấp cho các nhà quản lý những kiến thức nhất định về phân tích và dự báo những vấn đề có liên quan đến sự vận động và phát triển kinh tế xã hội của Quốc gia cũng như các thực thể kinh tế riêng lẻ. Đặc biệt trong xu thế chung của tiến trình cải cách kinh tế và cải cách hành chính nhà nước, sách cung cấp những kiến thức cần thiết cho việc phân tích kinh tế xã hội, dự án đầu tư giúp cho các nhà quản lý ra được quyết định lựa chọn đầu tư hợp lý nhằm khai thác tối ưu nguồn lực khan hiếm của chính đơn vị mình.

3) Những điều kỳ thú trong thế giới động vật : Sách thiếu nhi / Phan Thanh Quang sưu tầm, biên soạn. - H: Giáo dục, 1998. - 123 tr.

Chú giải: Một món quà hấp dẫn sự tò mò, hiếu động pha lẫn chút mơ mộng, bay bổng của các em thiếu niên nhi đồng. Sách sẽ đưa các em đến với những loại hình giao tiếp hết sức đa dạng kì lạ và độc đáo của một số loài động vật biểu hiện qua tiếng kêu, điệu bộ, mùi vị.... giúp chúng báo cho nhau những thông tin cần thiết để bảo vệ, tìm nguồn thức ăn hay tìm đến nhau trong mùa tình yêu. Các vấn đề đều được trình bày dưới dạng viết đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu.

e. Chú giải giới thiệu phân tích.

Là bài chú giải giới thiệu biên soạn cho một khía cạnh, một phần (một chương, mục, trích đoạn..) của một đơn vị tài liệu trọn vẹn.

Đối tượng làm chú giải giới thiệu phân tích là một phần, một chương, một mục của một cuốn chuyên khảo hay chuyên luận, một phần hay một mục, một đoạn của một bài báo, hoặc một khía cạnh của chủ đề cuốn sách hay bài báo với tư cách là tài liệu gốc.

Nội dung của bài chú giải giới thiệu bao gồm ba **nhóm thông tin sau đây**:

- Thông tin về đặc điểm hình thức của tài liệu gốc có chứa phần trích được chú giải, nếu có;

- Thông tin về lịch sử thư mục của tài liệu gốc có chứa bài chú giải, nếu có;

- Thông tin chung về chủ đề nội dung của cả đơn vị tài liệu và các thông tin ngắn gọn về chủ đề và giá trị nội dung của một chương, một phần, một đề mục của tài liệu có nội dung phù hợp với chủ đề của sản

phẩm tra cứu có chứa tài liệu gốc của bản chú giải. (đối với việc chú giải một phần, chương, mục của đơn vị tài liệu); và những thông tin ngắn gọn về nội dung và giá trị của một (hay một vài) khía cạnh của chủ đề tài liệu gốc phù hợp với chủ đề của sản phẩm tra cứu có chứa tài liệu gốc của bản chú giải (đối với chú giải phân tích một khía cạnh của tài liệu).

Ví dụ:

1) Thế giới đa dạng sinh vật / Vũ Quang Mạnh, Tạ Huy Thịnh, Vũ Văn Tuyên. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 1995. - 136 tr.
Từ trong 89 đến trang 119: Mối - Những đạo quân đáng sợ trong lòng đất.

Chú giải: Trong chương này, các tác giả cung cấp cho người đọc những kiến thức cần thiết về mối. Khác với các tài liệu xuất bản trước, ở đây đời sống sinh học của mối được trình bày chi tiết và biện pháp phòng trừ mối được đề xuất dựa trên những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật. Có thể áp dụng để phòng trừ mối cho nhà cửa, kho tàng, đê đập và cây trồng.

2) Kỹ thuật truyền thống sử dụng cây tre trong đời sống hiện đại : Lược dịch. - H. : Thế giới ; ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam, 1998. - 304 tr.

Chú giải: Từ tr. 100-200 là những bài tham luận tại hội thảo về “Bảo tồn và phát triển kỹ thuật truyền thống sử dụng cây tre trong đời sống hiện đại”, những thông tin, kinh nghiệm, biện pháp trao đổi trong cuộc hội thảo này chẳng những hướng chúng ta đến việc sử dụng đa dạng cây tre - loại cây có tính năng đặc biệt ở vùng ôn đới - mà còn cho phép ta duy trì tính nguyên bản của một số nền văn hoá. Sách in rõ với những ảnh minh họa hấp dẫn, hẳn sẽ làm vừa lòng bạn đọc vốn đã từng yêu mến “Cây tre” Việt Nam.

3) Hướng dẫn sử dụng máy vi tính / Trần Ngọc Thắng ... - H. : Thống kê, 1999. - 454 tr.

Chú giải: Chương II và III giới thiệu một cách rõ ràng, dễ hiểu kèm các hình minh họa giúp bạn đọc nắm vững kiến thức cơ bản về tin học và máy tính, hệ điều hành MSDOS, Window 98, quy trình soạn thảo văn bản trên Word 97, bảng tính điện tử Excel 97, một số thông tin về khai thác Internet, Email, gửi và nhận Fax.

f. Chú giải giới thiệu tổng quát.

Là bản chú giải giới thiệu biên soạn cho một bộ tài liệu, hay một nhóm tài liệu có cùng chung một đặc điểm nào đó.

Đối tượng của bản chú giải giới thiệu tổng quát thường là một bộ sách, một bộ từng thư, nhóm tài liệu riêng biệt có cùng đối tượng phục vụ hay cùng chủ đề nội dung, hoặc một nhóm các tài liệu khác nhau được tập trung trong một tuyển tập.

Nội dung của bản chú giải giới thiệu bao gồm các nhóm thông tin như đã trình bày ở mục **1.3.2.b. Chú giải giới thiệu** và thường chia thành hai phần:

Đối với đối tượng là một bộ sách, bộ từng thư hay một nhóm tài liệu riêng lẻ:

- Thông tin ngắn gọn về đặc điểm hình thức, lịch sử thư mục (nếu có) của cả nhóm tài liệu; Đánh giá và giới thiệu vấn đề chung được đề cập trong nội dung các tất cả tài liệu được chú giải trong nhóm;

- Những nhận xét, đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật, hình thức thể hiện riêng của từng tài liệu, hoặc của một tài liệu nào đó có những khác biệt quan trọng.

Đối với đối tượng là một tuyển tập:

- Thông tin ngắn gọn về đặc điểm hình thức, lịch sử thư mục (nếu có) của cả tuyển tập; Đánh giá và giới thiệu vấn đề chung được đề cập trong nội dung các tất cả tuyển tập;

- Những nhận xét, đánh giá những nội dung riêng của từng tác phẩm hoặc của tác phẩm có giá trị nhất, đặc biệt nhất trong tuyển tập.

Ví dụ:

1) Làm quen và sử dụng máy vi tính / Hoàng Hữu Thiện . - H: Khoa học và kỹ thuật, 1991 . - 294 tr.

Bí quyết sử dụng thành thạo máy vi tính / Trần Văn Tư . - H: Thống kê, 1995. - 244 tr.

Tự học máy tính / Nguyễn Xuân Quỳnh, Nguyễn Khiêm, Lê Văn Lợi .../. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 1993. - 199 tr.

Chú giải: Cả ba tài liệu đều đặt mục tiêu chung nhất là cung cấp những kiến thức về cấu tạo, tính năng, tác dụng của các bộ phận máy; kỹ thuật sử dụng hệ điều hành MS-DOS và một số phần mềm soạn thảo văn bản. Vượt qua những phức tạp về kỹ thuật, các vấn đề trên được trình bày rõ ràng, dễ hiểu rất tiện lợi cho những người chưa từng làm quen với máy tính. Riêng “Bí quyết sử dụng thành thạo máy vi tính” của Trần Văn Tư còn có giới thiệu thêm phần mềm soạn thảo văn bản thông dụng hiện nay: Word 6.0 for Windows.

2) Nghệ thuật thơ ca. Văn tám điều long / Aristote, Lưu Hiệp. - H. : Văn học, 1998. - 286 tr.

Chú giải: Hai tác phẩm lí luận của Văn học thế giới, một Phương Đông, một Phương Tây được các dịch giả có uy tín chuyển ngữ, là tài liệu cần thiết cho việc nghiên cứu, học tập và thưởng thức văn học cổ điển. Có thể coi đây là một cuộc giao lưu, đối thoại Đông Tây khiến chúng ta nghe câu chuyện người xưa trên dưới hai ngàn năm vẫn có thể học được những kiến thức bổ ích, chí ít là kinh nghiệm cho những cuộc tranh luận ngày càng diễn ra sôi nổi hiện nay.

3) Truyện ngắn Thế Lữ. - H. : Kim đồng, 1999. - 192 tr.

Chú giải: Giới thiệu 4 truyện ngắn đặc sắc của ông: “Vàng và máu”, “Nét chữ”, “Một đời người”, “Đêm trăng”. Ông là một trong những kiện tướng đầu tiên của làng thơ mới. Truyện của ông thường cuốn hút bạn đọc bởi không khí huyền bí, ly kì, phảng phất hơi “Liêu trai”. Bạn đọc sẽ nhận thấy ở ông là người có óc quan sát, có óc phân tích sắc sảo và có trí tưởng tượng phong phú. “Vàng và Máu” hấp dẫn bạn bởi tính huyền ảo, rùng rợn của núi thần Văn Du. “Nét chữ” lôi cuốn bạn bởi cái chết của một thiếu nữ đa cảm, trinh trắng và quyết liệt.

4. QUY TRÌNH BIÊN SOẠN BÀI CHÚ GIẢI

Quy trình biên soạn bài chú giải thường gồm ba bước:

- Nghiên cứu phân tích tài liệu gốc;
- Rút những thông tin, dữ liệu cần thiết;
- Sử dụng các thông tin, dữ liệu đã rút được để biên soạn thành bài chú giải theo yêu cầu.

4.1 Nghiên cứu phân tích tài liệu gốc

Đây là một bước rất quan trọng quyết định đến chất lượng của bài chú giải. Nếu việc nghiên cứu, phân tích tài liệu gốc sơ sài sẽ làm cho bản chú giải thiếu vắng những thông tin cần thiết. Bước này cần phải huy động những hiểu biết chung của người biên soạn bài chú giải, kết hợp với những hiểu biết cụ thể về lý thuyết chung và về đặc điểm của từng loại bài chú giải.

Trước hết, ta phải căn cứ yêu cầu của sản phẩm thông tin có chứa bài chú giải để xác định ta sẽ biên soạn loại bài chú giải nào. Thông thường trong các thư mục thông báo, các cơ sở dữ liệu tổng hợp người ta biên soạn lại chú giải chỉ dẫn. Trong các thư mục giới thiệu, cơ sở dữ liệu giới thiệu người ta biên soạn loại chú giải giới thiệu.

Tiếp theo, ta căn cứ vào đối tượng của bài chú giải để xác định loại chú giải theo đối tượng.

Sau khi đã xác định rõ loại chú giải mà ta cần biên soạn cho một đối tượng cụ thể, ta sẽ căn cứ vào các nguồn tin có trên tài liệu để nghiên cứu, phân tích các dữ liệu cần thiết. Mỗi một nguồn tin thường cung cấp cho ta những thông tin khác nhau. Trang tên tài liệu, mặt sau của nó, lời giới thiệu, lời nói đầu, lời nhà xuất bản thường hay cung cấp những thông tin về đặc điểm hình thức và lịch sử xuất bản và lịch sử thư mục của tài liệu; Mục lục, nhan đề, phụ đề và chính văn cho ta thấy rõ cấu trúc logic và chủ đề nội dung chính của tài liệu. Những nhận xét, đánh giá về giá trị của tài liệu cũng có thể tìm thấy trong các lời nói đầu, lời nhà xuất bản, lời giới thiệu, trang bìa sau, vỏ bọc của tài liệu.

Nếu những nguồn tin vừa đề cập trên chưa cho đủ thông tin cần thiết, ta nghiên cứu thêm chính văn tài liệu. Đối với việc làm chú giải chỉ dẫn, nghiên cứu chính văn không bắt buộc phải nghiên cứu kỹ, chỉ cần đọc lướt, khi đọc chú ý đến các chương mục, tiểu kết, kết luận, các phần có chế bản đặc biệt như gạch chân, in đậm, in nghiêng v.v...;

Đối với làm chú giải giới thiệu cần nghiên cứu chính văn kỹ càng hơn, nếu các nguồn tin khác như lời giới thiệu, lời nói đầu, lời nhà xuất bản không cho ta xác định được rõ giá trị của tài liệu gốc; Việc đọc chính văn cũng có thể được giảm nhẹ bớt nếu ta tham khảo được những nguồn tài liệu phụ trợ, đó là các tài liệu phê bình, đánh giá tài liệu gốc đã được công bố, hay đã có trước đó.

Trong quá trình nghiên cứu, phân tích tài liệu gốc thì việc tra cứu, tham khảo các nguồn tin phụ trợ là rất cần thiết, nhất là đối với các lĩnh vực chuyên sâu mà người biên soạn bài chú giải không thực sự am hiểu. Khi đó các từ điển thuật ngữ chuyên ngành, bách khoa thư chuyên ngành sẽ là công cụ hỗ trợ đắc lực để người biên soạn giải mã đúng thông điệp mà tác giả tài liệu muốn truyền tải qua tài liệu đó.

4.2 Rút những thông tin, dữ liệu cần thiết cho nội dung bài chú giải.

Sau khi nghiên cứu, phân tích kỹ các nguồn tin chính và phụ trợ liên quan đến tài liệu gốc, ta tiến hành bước thứ hai là rút những thông tin cần thiết. Bước này có thể làm xen kẽ với bước 1; nghĩa là vừa nghiên cứu vừa rút thông tin cần thiết, theo yêu cầu về nội dung của bài chú giải. Căn cứ vào từng loại chú giải để ta rút những thông tin đặc trưng.

Đối với chú giải chỉ dẫn ta có thể sử dụng bộ câu hỏi sau đây để phân tích dữ liệu từ các nguồn tin chính và nguồn tin phụ trợ:

1. Tài liệu có những đặc điểm hình thức nào đặc biệt (về tác giả, lần xuất bản, ngôn ngữ, nhan đề, cấu trúc..)
2. Tài liệu sử dụng tư liệu như thế nào?
3. Có gì đặc biệt trong lịch sử thư mục và xuất bản của tài liệu?
4. Tài liệu nói về vấn đề gì?
5. Vấn đề được đề cập đến từ phương diện nào?
6. Tài liệu được dùng cho đối tượng nào?

Đối với một số tài liệu, có thể không nhất thiết phải trả lời cho mọi câu hỏi; Mỗi một câu hỏi chỉ cần trả lời ngắn gọn chừng từ một đến hai dòng. Khi trả lời các câu hỏi trên đây, cần chú ý đến đối tượng biên soạn bài chú giải. Đối với các loại bài chú giải chỉ dẫn phân tích và chú giải chỉ dẫn tổng quát, mỗi câu hỏi được tìm câu trả lời ở hai phần: phần chung (cả nhóm, cả bộ, cả tuyển tập.. đối với chú giải tổng quát; cả tài liệu gốc đối với chú giải phân tích) và phần riêng (từng đơn vị tài liệu trong nhóm, trong bộ, trong tuyển tập đối với chú giải tổng quát và phần trích để chú giải đối với chú giải phân tích). Tuy nhiên khi nghiên cứu và rút các thông tin cho các phần của hai loại chú giải này cần xác định rõ đâu là phần quan trọng hơn để chọn lựa thông tin cho phù hợp. *Ví dụ*, đối với chú giải phân tích, phần thông tin riêng có vai trò quan trọng hơn các thông tin chung tương ứng.

Đối với loại chú giải giới thiệu, khi rút thông tin cần thiết, ta có thể sử dụng bộ câu hỏi của loại chú giải chỉ dẫn trên đây nhưng bổ sung thêm một câu quan trọng thứ bảy đó là: **Tài liệu có giá trị gì?** Ngoài ra khi trả lời cho 6 câu hỏi trong bộ câu hỏi nêu trên, chỉ quan tâm đến những thông tin có thể khẳng định cho giá trị của tài liệu là chính.

4.3 Biên soạn bài chú giải theo yêu cầu

Sau khi đã rút được những thông tin cần thiết, ta tiến hành biên soạn bài chú giải theo yêu cầu. Có thể trình bày các thông tin theo thứ tự chúng xuất hiện trên tài liệu gốc. Nhưng thông thường người ta hay trình bày các thông tin đó theo một trật tự chung. Trật tự này có thể khác nhau đối với các loại bài chú giải khác nhau.

Đối với loại chú giải chỉ dẫn người ta thường trình bày thông tin theo thứ tự sau:

- Thông tin về cấu trúc của tài liệu, thông tin về tác giả, đặc điểm xuất bản của tài liệu (nếu có), thông tin giải thích cho nhan đề và các yếu tố mô tả khác, thông tin về chủ đề nội dung chính.

Ví dụ: Xuân Diệu - mặt trời thi ca : tuyển tập. - H., 2007.

Tuyển tập xuất bản nhân dịp ngày sinh của tác giả, một nhà thơ Việt Nam tài hoa được nhiều thế hệ bạn đọc yêu mến, bao gồm hai phần. Phần một là các bài viết, các hồi ức, hồi ký của bạn bè, đồng nghiệp về tác giả, phần 2 là tuyển chọn các tác giả tiêu biểu của chính nhà thơ.

Đối với loại chú giải giới thiệu thì việc sắp xếp thông tin có linh hoạt hơn, vì, tùy thuộc vào tác giả biên soạn bài chú giải muốn hay không tạo ấn tượng cho bạn đọc về tác phẩm. Thông thường, người ta hay trình bày tính cấp thiết, vai trò quan trọng của đề tài mà tài liệu nghiên cứu, sau đó đánh giá sự đóng góp của tài liệu đối với đề tài đó.

Ví dụ:

Guiley, Rosemary Ellen. Toàn cảnh mặt trăng : Mặt trăng, lịch sử thiên văn học, thần thoại, ma thuật và truyền thuyết / Nguyễn Kim Loan, Phạm Minh Thảo dịch. - H. : Văn hoá Thông tin, 2001. từ trang 170-212: Phần III: Ma thuật mặt trăng.

Chú giải: Ma thuật là một phương cách mà con người làm nhằm thay đổi hoàn cảnh, tận dụng sức mạnh và quyền lực của tự nhiên. Trong "Ma thuật mặt trăng" bạn sẽ tìm thấy các câu thần chú để gọi mặt trăng. Bạn cũng sẽ tìm thấy ở đây những nét nổi bật của vai trò mặt trăng trong các nghi thức ma thuật, chiêm tinh, xem tướng tay, bói câu và xem bài taro.

Khi tác giả bài chú giải muốn gây ấn tượng mạnh với người đọc thì thông thường thông tin khẳng định giá trị, vị trí của tài liệu thường được đặt lên đầu.

Ví dụ:

- Một món quà hấp dẫn và lý thú dành cho các em thiếu niên nhi đồng

- Một điều bất ngờ, thú vị và đặc biệt dành cho những ai đã yêu, đang yêu và được yêu.

- Đây là một cuốn sách gối đầu giường cho thế hệ trẻ, một điều không thể thiếu trong hành trang vào đời của thanh niên.

1.5 Yêu cầu đối với bài chú giải

1.5.1 Yêu cầu về nội dung

Sự đa dạng về thể loại bài chú giải cho thấy mỗi một loại bài chú giải đều có những phương pháp biên soạn riêng, không phải chỉ là nội dung mà còn mức độ chi tiết, cụ thể, hình thức, văn phong vv.. đều phụ

thuộc vào sản phẩm thông tin có chứa bài chú giải. Nhưng nhìn chung mỗi bài chú giải đều phải đáp ứng những yêu cầu chung. Các yêu cầu đó là:

a. Đảm bảo tính chính trị

Tính chính trị của bài chú giải thể hiện rõ ở chỗ: Những phân tích, đánh giá tài liệu gốc trong bài chú giải phải được viết trên quan điểm đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, theo thuần phong mỹ tục của dân tộc; Loại bỏ những khả năng gây hiểu lầm hoặc hiểu theo nghĩa lập lờ trong bài chú giải; Tuyệt đối tránh đưa một hiện tượng trở thành bản chất của sự việc; Định hướng cho bạn đọc đến với những đề tài có ý nghĩa chính trị và thời sự trong tài liệu; Trong bài chú giải không chỉ phân tích nội dung, mà còn đánh giá rõ khuynh hướng tư tưởng của tài liệu, đặc biệt là đối với các tác phẩm văn hoá nghệ thuật, cần phải có những phân tích, đánh giá về nghệ thuật thể hiện và tính thẩm mỹ của tác phẩm; Thông báo cho người đọc những phản ứng tích cực và tiêu cực của báo chí và bạn đọc đương thời đối với tài liệu nếu có.

Ví dụ: *Tuyển tập các tác phẩm được bạn đọc trong và ngoài nước quan tâm đặc biệt. Một số truyện ngắn còn được chọn để chuyển thể thành các kịch bản phim truyện như: “Trương về hưu”, “Vua không ngại”, “Tìm vàng”.*

Tính chính trị của bài chú giải còn thể hiện rõ ở cách dùng thuật ngữ chính xác, hiện đại, rõ ràng, sự sâu sắc và sắc sảo trong ngôn từ. Chẳng hạn khi viết một bài chú giải cho một bài báo về bạo hành gia đình, về số phận của người phụ nữ không may mắn là nạn nhân của bạo hành gia đình mà ta chỉ viết: “*Vị trí của người phụ nữ trong gia đình*” thì nó không thể lột tả được hết nội dung tư tưởng của tài liệu; Ta phải ghi rõ “*Sự vi phạm nhân quyền, thân phận người phụ nữ - nạn nhân của nạn bạo hành gia đình*”

Trong bài chú giải, tính chính trị còn thể hiện rõ khi nêu bật những sửa đổi của nội dung tài liệu cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế, hoặc nhận xét sự phù hợp cũng như không còn phù hợp của một số luận điểm trong tài liệu đối với hoàn cảnh hiện tại.

Ví dụ: “*Mặc dù ở một đôi chỗ cách nhìn nhận cuộc chiến tranh ở Việt Nam theo quan điểm khác biệt với quan điểm của chúng ta, nhưng những gì mà tác giả mô tả về cuộc chiến tranh này rất chân thực và thấm đậm tính nhân văn*”

b. Phải phù hợp với sản phẩm thông tin có chứa bài chú giải

Sản phẩm thông tin có chứa bài chú giải có thể là một bản thư mục, CSDL, mục lục, bản tin quảng cáo .V.V.. Mỗi sản phẩm này đều có chủ đề riêng, nhiệm vụ và đối tượng phục vụ riêng, do đó khi biên soạn bài chú giải cho các tài liệu trong sản phẩm thông tin này thì tùy từng trường hợp cụ thể mà ta giải quyết vấn đề về các lời dẫn, nghĩa là các thông tin nhận xét, giải thích khác nhau mà người biên soạn bài chú giải đưa vào như: Nhận xét khái quát, ngắn gọn về tác giả về sáng tác của ông, thời đại ông ta sống, giải thích ý nghĩa của vấn đề được đề cập đến trong tài liệu, thông báo chung nhất về đối tượng được đề cập đến trong tài liệu. Những thông tin loại này trong các bài chú giải dành cho bạn đọc quần chúng thường để ở ngay đầu bài chú giải, vì các đối tượng bạn đọc này lại hay quan tâm nhiều nhất đến các thông tin đó.

Ví dụ:

Việt Nam - đất nước giàu tài nguyên thiên nhiên và có nền văn hoá cổ kính lâu đời, với dân số gần 80 triệu.

Nguyễn Đình Thi – một cây đại thụ trong rừng nghệ thuật, một nhạc sĩ, họa sỹ, nhà thơ đa tài.

Đây là một trong những tác phẩm hay nhất của nhà văn Pháp nổi tiếng, nhà thơ, nhà soạn kịch Victo Huygo (1802-1885).

Những thông tin mang tính nhận xét khái quát như vậy là cần thiết trong các sản phẩm, dịch vụ thông tin dành cho các bạn đọc quần chúng, nhưng chúng sẽ không cần thiết đối với các sản phẩm thông tin dành cho các chuyên gia thuộc chuyên ngành. Chẳng hạn ví dụ 3 trên đây nếu đưa vào bài chú giải của CSDL của Viện Nghiên cứu văn học thì nó trở nên buồn cười.

Bài chú giải dành cho cùng một đối tượng nhưng với các chủ đề khác nhau thì cũng phải được xử lý khác nhau. Ví dụ, đối với một sản phẩm thông tin mang tính tổng hợp như: CSDL SACH của Thư viện Quốc gia Việt Nam, thì một cuốn sách như: *Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2000-2005* thì có thể biên soạn bài chú giải như: *Sách biên soạn dựa trên kết quả khảo sát thực tế của Viện kinh tế trong 5 năm 2000-2005. Cung cấp những nhận xét khái quát và các số liệu thống kê cụ thể về kinh tế các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong 5 năm, những thành tựu và kết quả hoạt động kinh tế của 54 tỉnh thành phố của Việt Nam.*

Cũng cuốn sách này trong "Thư mục Công nghiệp Việt Nam" thì bài chú giải trên lại không hề thích hợp. Trong sản phẩm thông tin này, thông tin quan trọng nhất cần cung cấp là các thông tin về các ngành công nghiệp cụ thể.

c. Phải phù hợp với đặc tính và đề tài của tài liệu được chú giải.

Đối tượng biên soạn bài chú giải có thể là một cuốn sách, một vài báo, một cuốn tạp chí hoặc một bản nhạc, một cuốn băng, đặc tính của các tài liệu này ở một chừng mực nào đó cũng tác động lên đặc tính và nội dung của bài chú giải.

- Bài chú giải phụ thuộc vào giá trị của tài liệu, nếu tài liệu có giá trị tư tưởng, nghệ thuật, khoa học, thực tiễn cao thì thường được biên soạn bài chú giải chi tiết, đầy đủ về nội dung hơn so với các tài liệu có cùng đề tài nhưng ở dạng đơn giản, thường thức.

- Bài chú giải cũng phụ thuộc vào mục đích của tài liệu. Đối với tài liệu dành cho bạn đọc có trình độ học vấn cao thì bài chú giải chú ý nhiều nhất đến cấu trúc và nội dung cụ thể, chi tiết của tài liệu, còn đối với bạn đọc quần chúng thì lại chú ý đến các đặc điểm hình thức và giá trị của tài liệu.

- Bài chú giải phù hợp với hình thức của tài liệu. Như trên đã nói tài liệu có thể là các ấn phẩm thuộc nhiều loại khác nhau. Ngay đối với sách, cũng có nhiều loại khác nhau như công trình nghiên cứu, sách khoa học thường thức, sách học tập, sách tra cứu, tác phẩm văn học nghệ thuật, các toàn tập, tuyển tập... mỗi một loại sách cụ thể đều có yêu cầu riêng khi biên soạn bài chú giải. (sẽ giải thích kỹ hơn trong phần phương pháp biên soạn bài chú giải cho một số dạng tài liệu cụ thể).

- Bài chú giải phải phù hợp với đề tài chính của tài liệu. Các lĩnh vực tri thức khác nhau cũng tác động mạnh mẽ lên bài chú giải, đề tài của tài liệu thường cho bài chú giải một đặc trưng riêng. Ví dụ cuốn sách : "Mô tả bộ sưu tập bản thảo của nhà văn Nguyễn Du" đây là tài liệu được viết dưới ánh sáng của khảo cổ học vì thế những thông tin dạng như: *Sưu tập bản thảo các bài thơ viết vào thế kỷ 19 của đại thi hào Nguyễn Du không cần thiết phải đưa vào, trái lại bài chú giải sẽ được biên soạn dưới dạng sau đây: Mô tả 12 bản thảo viết tay của Nguyễn Du được lưu giữ tại nhà thờ họ của dòng họ Nguyễn tại Tiên Điền, Nghi Xuân, Nghệ An. Mô tả vật liệu và hình thức ghi chép của các bản thảo, các dị bản và các phần sửa chữa trong từng bản thảo đó, thời gian Nguyễn Du viết các bản thảo.*

d. Bài chú giải phải cung cấp các yếu tố cơ bản, chính yếu của tài liệu.

Bài chú giải phải cung cấp cho người đọc một khái niệm về nội dung cơ bản nhất của tài liệu. Nghệ thuật của người viết chú giải là phải xác định được chính xác cái gì là chủ đề nội dung cơ bản, chính yếu của tài liệu. Những chủ đề mang tính thứ yếu, lướt qua trong tài liệu không

cần phải đưa vào bản chú giải. Những chủ đề có liên quan nếu chúng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp một cái nhìn mới mẻ về đối tượng nghiên cứu của tài liệu thì cũng phải quan tâm. Chuyển trọng tâm của bài chú giải sang các yếu tố mang tính thứ yếu của tài liệu sẽ làm sai lệch nội dung, sai lệch trọng tâm của bài chú giải dẫn đến việc nhận thức không đầy đủ, phiến diện và tất nhiên là không chính xác về tài liệu.

Ví dụ, Bài chú giải không được phép liệt kê những đề mục hay các chương mục trong tài liệu một cách cơ học, vì như thế nó không cung cấp cho người đọc một khái niệm chính xác về chủ đề và cấu trúc nội dung cơ bản của tài liệu

e. Bài chú giải phải truyền tải cụ thể và chính xác nội dung của tài liệu

Nếu bài chú giải, tóm tắt không truyền tải chính xác, rõ ràng và mạch lạc nội dung của tài liệu sẽ dẫn đến nhiều tai hại cho người đọc, thay vì giúp bạn đọc có định hướng đúng đắn cho bạn đọc, giúp bạn đọc tiết kiệm thời gian tìm kiếm lựa chọn tài liệu phù hợp với nhu cầu, nó lại làm lệch hướng lựa chọn của bạn đọc, gây nhiễu thông tin.

Tính cụ thể của bài chú giải, cũng như bài tóm tắt thể hiện ở hai khía cạnh, thứ nhất nó phải cung cấp đầy đủ chủ đề nội dung của tài liệu, thông báo cho bạn đọc biết những thông tin quan trọng nhất về tài liệu; thứ hai, nó làm giảm nhẹ vai trò của các tài liệu chỉ dẫn. Vì vậy trong bài chú giải không nên chỉ cung cấp các thông tin quá chung chung kiểu như: "Phát triển văn hoá của đất nước" mà phải ghi cụ thể xem sự phát triển đó thể hiện qua các khía cạnh như: sự phát triển của giáo dục, xoá bỏ nạn mù chữ, nâng cao mức sống của nhân dân, xây dựng nhiều trường đại học và cao đẳng, nhiều thư viện, rạp hát..vv tùy thuộc vào nội dung cụ thể của tài liệu.

Nhiệm vụ giảm bớt gánh nặng cho các bảng tra chỉ dẫn ở cuối tài liệu của bài chú giải thể hiện ở chỗ là người biên soạn bài chú giải cần phải đưa vào phần giải thích những thuật ngữ, những tên gọi trong tài liệu nếu các thuật ngữ và tên gọi đó không có trong bản mô tả.

Tính cụ thể của bài chú giải luôn có mối liên hệ với tính chính xác trong việc truyền tải những thông tin. Sự thiếu chính xác có thể thể hiện cả ở việc truyền tải không đầy đủ hoặc giải thích không đúng chủ đề nội dung của tài liệu. Nguyên nhân của việc hiểu không đúng chủ đề nội dung chính là do việc tiếp cận, nghiên cứu một cách hời hợt các nguồn tin chính, hoặc do thiếu hiểu biết của người biên soạn bài chú giải đối với lĩnh vực tri thức mà tài liệu đề cập tới. Còn nguyên nhân của cách truyền tải thông tin thiếu đầy đủ thì chỉ do thiếu thận trọng trong nghiên cứu tài

liệu mà thôi. Để tránh được nhược điểm này cần phải nâng cao chất lượng của đội ngũ người biên soạn các bản tin này.

5.2 Yêu cầu về cấu trúc và hình thức của bài chú giải

a. Tính logic trong cấu trúc của bài chú giải

Bài chú giải thường bao gồm nhiều thông tin thuộc nhiều dạng khác nhau, bởi vì một tài liệu nhiều khi không chỉ nghiên cứu một đề tài hẹp, mà nghiên cứu các đề tài tổng hợp động chạm đến nhiều vấn đề khác nhau thuộc nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau. Cũng có những tài liệu chỉ nghiên cứu một đề tài hẹp, những lại nghiên cứu từ nhiều khía cạnh khác nhau. Bài chú giải cũng như bài tóm tắt khi phản ánh đầy đủ chủ đề nội dung của tài liệu tất nhiên phải phản ánh đầy đủ tính đa đề tài hoặc đa diện của nó.

Về cơ bản khi biên soạn bài chú giải ta thường tôn trọng trình tự trình bày của tác giả tài liệu gốc. Nhưng đôi khi trong quá trình trình bày, triển khai những ý tưởng và minh chứng tác giả của tài liệu gốc thường có nhiều cách thể hiện khác nhau, không phải khi nào họ cũng triển khai một cách tuyến tính mà đôi khi một số vấn đề hay một vài luận điểm thường lặp đi lặp lại trong một số chương, mục, theo logic của đề tài mà tác giả nghiên cứu và trình bày. Cách xây dựng cấu trúc nội dung tài liệu như vậy một mặt nó tạo ra sự hấp dẫn và logic trong việc giải quyết các vấn đề có liên hệ mật thiết với nhau của tài liệu, nhưng trong bản chú giải, (và cả bản tóm tắt) ngắn gọn nếu ta trình bày theo đúng trình tự như vậy sẽ gây khó khăn cho bạn đọc. Vì thế trong những trường hợp như vậy, người biên soạn các bản chú giải và tóm tắt cần phải có cách xử lý linh hoạt để bạn đọc dễ dàng theo dõi.

Ví dụ: *Mức sống vật chất và điều kiện lao động của công nhân. Lịch sử của nhà máy. Sự thoả hiệp của giới chủ. Trang thiết bị của nhà máy. Sản lượng và lợi nhuận của nhà máy. Lịch sử phong trào cách mạng. Mức lương công nhân không đủ cho những chi phí tối thiểu của đời sống trong giai đoạn 1890-1900. Đình công và sự đàn áp của giới chủ với sự giúp đỡ của cảnh sát.*

Theo những trình tự trên đây thì người đọc cảm thấy không dễ nhận biết được quá trình diễn biến của sự việc và hiện tượng, vì vậy khi biên soạn bài chú giải hoặc tóm tắt ta cần phải xử lý, sắp xếp lại các thông tin để người đọc dễ nhận biết hơn, ví dụ như sau:

"Khái quát về lịch sử, trang thiết bị, sản lượng và lợi nhuận của nhà máy. Điều kiện lao động và mức sống vật chất hạn hẹp do mức lương quá thấp không đủ cho các chi phí tối thiểu của công nhân nhà máy giai đoạn 1890-1900. Lịch sử phong trào cách mạng và các cuộc

đình công của công nhân nhà máy. Sự đàn áp và thoả hiệp của giới chủ đối với các cuộc đình công của công nhân giai đoạn này."

b. Yêu cầu về văn phong

Văn phong của bài chú giải là văn phong khoa học, cần phải ngắn gọn, cô đọng, súc tích và dễ hiểu. Các thuật ngữ dùng phải chính xác, hiện đại, thông dụng. Không được phép dùng từ địa phương, từ đã lỗi thời. Không nên dùng các câu văn rườm rà.

Không đưa vào bài chú giải các công thức toán, lý hoá, các bảng biểu, sơ đồ. Những từ viết tắt không thông dụng phải giải thích bằng cách viết đầy đủ trong ngoặc đơn khi sử dụng lần đầu tiên.

Đối với loại chú giải giới thiệu, với mục đích lôi cuốn, hấp dẫn người đọc có thể dùng lối văn phong bóng bẩy, biểu cảm. Đây là một đặc điểm rất khác biệt so với bài tóm tắt.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Bài chú giải thường được sử dụng trong các sản phẩm thông tin nào?
2. Có mấy tiêu chí phân loại bài chú giải? Phân loại theo đối tượng của bài chú giải sẽ có những loại chú giải nào?
3. Trình bày hiểu biết của anh chi về phân loại bài chú giải theo theo đặc điểm nội dung.
4. So sánh bài chú giải chỉ dẫn tổng quát và bài chú giải giới thiệu tổng quát.
5. So sánh bài chú giải chỉ dẫn đơn lẻ và chú giải giới thiệu đơn lẻ.
6. So sánh chú giải chỉ dẫn phân tích và chú giải giới thiệu phân tích.
7. Quy trình biên soạn bài chú giải.

Chương III TÓM TẮT

1. ĐỊNH NGHĨA

Tóm tắt là một bản tin ngắn gọn phản ánh đầy đủ nội dung của tài liệu, phương pháp tiếp cận, kết quả nghiên cứu, và kết luận cơ bản mà tài liệu bao hàm và phạm vi sử dụng của tài liệu đó.

2. PHẠM VI SỬ DỤNG BÀI TÓM TẮT

Ngày nay, bài tóm tắt cũng như bài chú giải được sử dụng rộng rãi trong các sản phẩm thông tin và bộ máy tra cứu thông tin thư viện. Cụ thể nó được ứng dụng ở các sản phẩm sau đây:

2.1 Các bản thư mục

Trong các bản thư mục chuyên đề, thư mục giới thiệu, thậm chí cả thư mục tổng quát như thư mục quốc gia của nhiều nước trên thế giới hiện nay cũng có kèm theo các bài chú giải hoặc tóm tắt để bổ sung thêm những thông tin cho bản mô tả thư mục. Tùy thuộc vào đặc điểm của từng loại tài liệu có trong bản thư mục mà người ta quyết định lựa chọn làm bài chú giải hay bài tóm tắt cho tài liệu đó.

2.2 Các mục lục

Trong các mục lục của thư viện như mục lục chủ đề, mục lục phân loại của các thư viện lớn ở nước Nga Xôviết, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam bên cạnh các bản mô tả thư mục người ta cũng biên soạn thêm các bài chú giải hoặc các bài tóm tắt mô tả để giúp bạn đọc có căn cứ chọn lựa những tài liệu phù hợp trong số những tài liệu có chung một chủ đề nội dung. Hoặc giải thích rõ hơn nội dung của những tài liệu mà nhan đề của nó chưa thể hiện được rõ ràng. Đặc biệt là các mục lục bài trích báo tạp chí. Với nội dung cô đọng, nhan đề của bài viết nhiều khi được chọn theo ý nghĩa bóng bẩy, biểu cảm để thu hút bạn đọc nên bài chú giải hay tóm tắt rất cần thiết để làm sáng tỏ chủ đề nội dung của các bài viết đó. Thông thường đối với những bài viết có cấu trúc nội dung rõ ràng người ta hay chọn cách xử lý nội dung bằng bài tóm tắt, trong trường hợp ngược lại, người ta xử lý chúng bằng bài chú giải.

Tại Thư viện quốc gia Việt Nam trong hộp phiếu tra cứu bài trích báo, tạp chí về Thông tin văn hoá nghệ thuật cũng biên soạn kèm theo bản mô tả thư mục các bài chú giải và tóm tắt.

2.3 Các cơ sở dữ liệu thư mục

Cùng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin các cơ sở dữ liệu thư mục ngày càng trở nên phổ biến trong các cơ quan thông tin thư viện. Từ những năm 1980 và cho đến nay hầu hết các thư viện tỉnh, thành phố trong hệ thống thư viện công cộng, các thư viện nghiên cứu, của các trường đại học, cao đẳng đều xây dựng các cơ sở dữ liệu thư mục. Một trong các yếu tố không thể thiếu của các biểu ghi thư mục trong các cơ sở dữ liệu này là các bản tóm tắt. Tiêu biểu cho các CSDL này là CSDL SACH của Thư viện Quốc gia Việt Nam, CSDL của Trung tâm thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia. Nhiều CSDL hợp tác giữa các nước trong khu vực như CSDL tài nguyên thực vật Đông Nam Á, CSDL Giống cây trồng Đông Nam Á.. cũng dùng bản tóm tắt như một phương tiện quan trọng để mô tả nội dung tài liệu.

2.4 Các bản tin quảng cáo sách mới

Trong các bản tin quảng cáo sách mới thuộc các chuyên ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật người ta thường sử dụng các bài tóm tắt thay cho các bài chú giải giới thiệu. Trong các bản tin này các bài tóm tắt thường được viết dài hơn và loại tóm tắt thông dụng nhất là tóm tắt hỗn hợp và tóm tắt phê phán (xem ở mục phân loại bài tóm tắt). Ở Việt Nam hiện nay trong các bản tin quảng cáo sách mới của các nhà xuất bản in thành tờ rơi hoặc trên trang WEB của các nhà xuất bản đều sử dụng các bài tóm tắt. Các bài tóm tắt cùng với các bài chú giải cũng xuất hiện đều đặn trong mục ”Sách mới” trên tạp chí Sách của Cục xuất bản từ những năm 1990 đến nay.

2.5 Các tạp chí tóm tắt

Tạp chí tóm tắt trở nên rất phổ biến vào những thập kỷ 70 của thế kỷ 20 đến nay. Các tạp chí này chỉ in các bài tóm tắt tài liệu được xuất bản trong khoảng thời gian gần nhất theo từng chủ đề nhất định. *Ví dụ:* Tạp chí tóm tắt hóa học, tạp chí tóm tắt toán học. Trên trang WEB của các trung tâm thông tin của các Bộ, Đại sứ quán cũng in các bản tin tóm tắt tài liệu để giới thiệu cho bạn đọc biết các tài liệu mới nhất mà trung tâm thông tin thư viện có., *ví dụ:* Trung tâm thông tin thư viện của Đại sứ quán Hoa Kỳ luôn luôn phát hành các bản tin tóm tắt đó hàng tháng bằng tiếng Anh và tiếng Việt; Trung tâm Thông tin – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội cũng in những Bản tin điện tử cung cấp các bài tóm tắt sách mới, bài trích báo, tạp chí mới và luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ mới bảo vệ tại trường. [xem phụ lục 4]

2.6 Trong các tạp chí nghiên cứu khoa học

Bài tóm tắt được sử dụng rất phổ biến trong một số tạp chí nghiên cứu khoa học cả trong nước và ngoài nước. Để độc giả dễ theo dõi và rút

ngắn thời gian chọn lựa đọc các bài nghiên cứu đăng trong tạp chí, ngay ở đầu bài viết, hoặc ở cuối bài viết thường in đậm nét bài tóm tắt nội dung cơ bản của bài viết đó. Một số tạp chí chuyên ngành còn in cả bài tóm tắt bằng một số ngôn ngữ thông dụng.

Trong Tạp chí Thông tin và Tư liệu, trước mỗi bài nghiên cứu đều có bài tóm tắt ngắn gọn, ví dụ, cùng với bài: *Nâng cao chất lượng hoạt động thư viện – Thông tin trong các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Văn hóa – Thông tin tại Tp. Hồ Chí Minh* của tác giả Huỳnh Mẫn Đạt có bài tóm tắt sau đây: “*Nêu bốn vấn đề cơ bản đưa đến sự trì trệ trong hoạt động thông tin thư viện tại các cơ sở đào tạo ngành văn hóa thông tin tại Tp. Hồ Chí Minh. Trình bày nội dung và tổ chức thực hiện để tăng cường nguồn lực thông tin, thống nhất và tiêu chuẩn hóa nghiệp vụ, hiện đại hóa và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ thông tin – thư viện tại các cơ sở đào tạo của ngành*” [18; tr.13]

Trong tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Tạp chí Cộng sản và nhiều tạp chí khác của Việt Nam đối với một số bài viết quan trọng thì bên cạnh chính văn của một số bài viết có in kèm bài chú giải, cũng có một số bài viết được in kèm bài tóm tắt. Ví dụ, cùng với bài viết “*Bài học lịch sử vô giá - phát huy sức mạnh của nhân dân trong công cuộc đổi mới, nhìn từ cách mạng Tháng Tám*” của tác giả Nguyễn Trọng Phúc, tạp chí Cộng sản số 17 9 tháng 9 năm 2006 có in kèm bài tóm tắt sau: “*Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố cốt ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đó là bài học vô giá bắt nguồn từ cách mạng tháng Tám*”.

Trong một số tạp chí nghiên cứu khoa học như Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Tạp chí Văn hóa dân gian, Tạp chí Ngôn ngữ... đều có những bản tóm tắt in bằng tiếng Anh đối với những bài viết quan trọng trong mỗi số tạp chí.

Trong một số tạp chí khác như Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng Hải, tạp chí Thư viện Việt Nam, ...kèm theo các bài nghiên cứu là các bài tóm tắt bằng hai tiếng Anh – Việt.

2.7 Trong các tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học của các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu

Trong tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học của các cơ quan nghiên cứu và các Trường đại học, bài tóm tắt được sử dụng khá rộng rãi. Nhiều tuyển tập của Viện Giống cây trồng, của Viện Nghiên

cứu lúa Đồng bằng sông Cửu Long, của Viện Tài nguyên Thực vật Việt Nam, của Trường Đại học Quốc gia đều có in kèm các bài tóm tắt bằng tiếng Việt và tiếng Nga, tiếng Anh.

Ví dụ, Tuyển tập các công trình nghiên cứu thử nghiệm giống cây trồng của Viện Khoa học Nông nghiệp, xuất bản hàng năm.

3. PHÂN LOẠI BÀI TÓM TẮT

Thông thường bài tóm tắt được phân loại theo hai tiêu chí: Theo đặc điểm nội dung và theo đối tượng xử lý của bài tóm tắt.

3.1 Phân loại các bài tóm tắt theo đặc điểm nội dung

Theo đặc điểm nội dung, tóm tắt có bốn loại chính: Tóm tắt mô tả, tóm tắt thông tin, tóm tắt phê phán và tóm tắt hỗn hợp.

a. Tóm tắt mô tả

Là loại tóm tắt trình bày đầy đủ các chủ đề nội dung mà tài liệu đề cập tới, song không quan tâm tới kết quả nghiên cứu hoặc kết luận cụ thể có trong tài liệu. Vì vậy nó thường được sử dụng cho mục đích giới thiệu sâu hơn đặc trưng của tài liệu, giúp bạn đọc lựa chọn tài liệu cho phù hợp với nhu cầu.

Loại tóm tắt này chủ yếu mô tả lại cấu trúc nội dung của tài liệu, những chủ đề chính mà tài liệu nghiên cứu, khía cạnh tiếp cận đối với chủ đề nội dung.

Tóm tắt mô tả có nhiều đặc điểm tương đồng với chú giải chỉ dẫn. Tuy nhiên, nó khác với chú giải chỉ dẫn ở chỗ là nó mô tả chủ đề nội dung sâu hơn bài chú giải, và không hề quan tâm đến đặc điểm hình thức của tài liệu, một đặc điểm mà bài chú giải chỉ dẫn rất quan tâm.

Tóm tắt mô tả thường được áp dụng cho việc xử lý một đơn vị tài liệu có khối lượng thông tin lớn như: Các chuyên khảo, chuyên luận, các tuyển tập có cấu trúc nội dung rõ ràng, các băng, phim ...Tóm tắt mô tả đặc biệt phù hợp cho các dạng tài liệu có nhiều số liệu, nhiều kết luận cụ thể, hoặc kết luận quá dài không thể phản ánh cụ thể và đầy đủ trong một bản tin ngắn gọn. Bởi vì, về nguyên tắc, tóm tắt mô tả chỉ mô tả lại những gì tác giả nghiên cứu, đề cập đến trong tài liệu mà không trình bày rõ tác giả nghiên cứu chúng như thế nào, và đi đến những kết quả, kết luận gì. Vì thế loại tóm tắt này hoàn toàn có thể áp dụng để xử lý các tài liệu có dung lượng lớn, nhưng có cấu trúc nội dung rõ ràng.

Một bài tóm tắt mô tả thường có độ dài phổ biến là từ 50 đến 150 từ. Chính vì khả năng nén tin của chúng mà loại tóm tắt này được ứng dụng rộng rãi trong các cơ sở dữ liệu thư mục, các bản thư mục và cả

mục lục thư viện. Hiện nay trong CSDL của Thư viện Quốc gia Việt Nam, của Trung tâm Khoa học Công nghệ Quốc gia, của Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn, của các Trung tâm Thông tin thư viện của các trường đại học đều phổ biến loại bản tin này.

Ví dụ:

1) Biên soạn bài chú giải và bài tóm tắt tài liệu : Giáo trình / Phan Huy Quế. - H., 1998.

Tóm tắt: Giới thiệu cơ sở lý luận, phương pháp biên soạn của các bài chú giải, tóm tắt các tài liệu khoa học kỹ thuật. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến việc làm tóm tắt của tác giả tài liệu gốc, sử dụng sơ đồ, biểu, bảng, hình vẽ, cụm từ viết tắt, đơn vị đo lường v.v. trong bản tóm tắt; Một số hình thức bao gói và xuất bản tóm tắt dùng cho các lớp bồi dưỡng thông tin và người xử lý thông tin.

2) Thi ca bình dân Việt Nam : Toà lâu đài văn hoá dân tộc / Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. - H. : Nxb. Hội nhà văn, 1998. - T.2: Xã hội quan.

Tóm tắt: Phân tích những quan điểm về xã hội người Việt bình dân được thể hiện qua ca dao. Các phong tục tập quán, ứng xử trong gia đình, biến thái tình cảm trong lao động và sinh hoạt xã hội, tình yêu quê hương dân tộc và ý thức đấu tranh của người dân qua tục ngữ, ca dao.

3) Kết quả khảo nghiệm và kiểm nghiệm giống cây trồng. - H. : Nông nghiệp, 1999

Tóm tắt: Tuyển tập các báo cáo về kết quả nghiên cứu, thí nghiệm các giống lúa, ngô, khoai lang, đậu tương, lạc, cà chua, cải bắp mới được trồng thử nghiệm vụ đông xuân tại Miền Bắc Việt Nam.

b. Tóm tắt thông tin

Là một bản tin ngắn gọn và đầy đủ của tài liệu, cung cấp cho bạn đọc những thông tin, số liệu, kết luận chính mà tác giả trình bày trong tài liệu, giúp bạn đọc trong một chừng mực nào đó có thể sử dụng ngay bản tin mà không cần đọc tài liệu gốc.

Khác với loại tóm tắt mô tả, tóm tắt thông tin không chỉ phản ánh những gì mà tác giả tài liệu gốc đề cập đến trong tài liệu mà còn phản ánh rõ các vấn đề đó được nghiên cứu như thế nào, có những kết quả, kết luận cụ thể gì.

Với yêu cầu phản ánh cụ thể và chính xác các số liệu, kết luận cụ thể nên tóm tắt thông tin thường áp dụng cho việc xử lý các tài liệu có dung lượng thông tin không lớn như một bài báo, một chương sách, hay

một đoạn trong tài liệu, hoặc xử lý các tài liệu có những kết luận, số liệu cụ thể, dễ dàng chất lọc và phản ánh đầy đủ trong một bản tin ngắn gọn.

Bài tóm tắt thông tin có dung lượng lớn hơn so với bản tóm tắt mô tả. Độ dài phổ biến nhất của loại tóm tắt này là từ 150 đến 250 từ. Có một số bài tóm tắt thông tin có độ dài đến 500 từ.

Khác với tóm tắt mô tả, tóm tắt thông tin không được dùng trong các bản thư mục, cơ sở dữ liệu có nội dung tổng hợp. Chúng chỉ dùng cho các cơ sở dữ liệu hay thư mục chuyên ngành. Đặc biệt phổ biến đối với các CSDL chuyên ngành khoa học kỹ thuật và tự nhiên, khoa học ứng dụng. Tóm tắt thông tin cũng rất phổ biến trong các tạp chí nghiên cứu khoa học và các tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học.

Hiện nay, loại tóm tắt thông tin này được sử dụng trong CSDL Tài nguyên thực vật Đông Nam Á của Viện Tài Nguyên Thực Vật Việt Nam, trong các tuyển tập công trình nghiên cứu Y học, nông nghiệp, trong các bản tin giới thiệu tài liệu mới của Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại sứ quán Hoa Kỳ,.. và nhiều sản phẩm thông tin khác.

Ví dụ:

1) Kết quả khảo nghiệm các giống bắp cải vụ đông xuân 1998 / Nguyễn Thanh Minh... // Kết quả khảo nghiệm và kiểm nghiệm giống cây trồng. - H: Nông nghiệp, 1999. - H. - tr.101-106

Tóm tắt: 5 giống cải bắp mới là KK cross, K60, Trung Quốc, AK Cross, Tropica được đưa vào khảo nghiệm tại ba điểm Hà nội, Hưng yên, Bắc Giang. Kết quả cho thấy K60 và AK cross là giống có năng suất vượt trội, khả năng sinh trưởng tốt, có thể sản xuất trên diện rộng. Giống Trung Quốc dễ trồng có thể sản xuất tại những vùng thâm canh thấp vẫn cho thu hoạch.

2) Khổng giáo và gia đình / Quang Đạm // Nho giáo xưa và nay. - H. : Khoa học xã hội, 1991. - tr. 107-138.

Tóm tắt: Đạo lý về gia đình là một phạm trù lớn, được phát triển hết sức phong phú trong học thuyết của Nho giáo. Gia đình được coi là cơ sở của xã hội, là trung tâm để từ đó mở ra các quan hệ xã hội khác. Hiếu đễ là một phẩm chất quan trọng nhất của người quân tử bởi đó không chỉ là đức tính cần thiết đối với cha mẹ, anh trưởng mà còn đối với vua và quan trên. Những mặt tích cực và tiêu cực của đạo lý gia đình của Nho giáo cũng để lại những dấu ấn đậm nét trong cuộc sống của người Việt Nam mà công cuộc đổi mới của Việt Nam cần phải tính đến.

3) Chương IV Bản chất của quá trình giảng dạy đại học // Tổ chức quá trình dạy học ở đại học / Lê Khánh Bằng. - H. : Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, 1996. - tr.9-30

Tóm tắt: Với nhiều cách tiếp cận, nhiều tác giả đã đưa ra các định nghĩa khác nhau về quá trình dạy học đại học. Ở đây, quá trình dạy học đại học được coi là quá trình tác động qua lại giữa người dạy và người học trong một môi trường kinh tế-xã hội nhất định nhằm tạo ra những biến đổi và phát triển về phía người dạy cũng như người học theo hướng các nhiệm vụ dạy học, đáp ứng tổ chức nhận thức có tính chất nghiêm túc của người học dưới sự chỉ đạo của người dạy và đồng thời là nhà khoa học. Tóm lại là một quá trình thống nhất biện chứng giữa người dạy và người học mà trong đó người học đóng vai trò chủ động, người dạy đóng vai trò chỉ đạo, định hướng.

Để phân biệt rõ hai loại tóm tắt mô tả và tóm tắt thông tin có thể xem bảng so sánh, nhận diện dưới đây.

Nhận diện, so sánh bài tóm tắt mô tả và tóm tắt thông tin

Tiêu chí so sánh	Tóm tắt mô tả	Tóm tắt thông tin
1. Mục đích	- Mô tả sâu hơn về cấu trúc nội dung của tài liệu, giúp người đọc lựa chọn tài liệu phù hợp với nhu cầu thông tin của họ	- Cung cấp các thông tin, số liệu, kết luận cụ thể. Giúp bạn đọc có căn cứ để chọn lựa tài liệu và có thể sử dụng luôn các thông tin đó mà không cần đọc tài liệu gốc.
2. Cấu trúc nội dung	- Các thông tin ngắn gọn, khái quát về chủ đề nội dung của tài liệu gốc; - Cách tiếp cận và cấu trúc nội dung của tài liệu.	- Các thông tin về chủ đề nội dung của tài liệu; - Cấu trúc nội dung, phương pháp tiếp cận của tài liệu; - Các số liệu, kết luận cụ thể.
3. Văn phong	- Văn phong khoa học khách quan, không dùng lối nói bóng bẩy, biểu cảm.	- Văn phong khoa học khách quan, không dùng lối nói bóng bẩy, biểu cảm.

5. Nguồn tin	- Chỉ lấy thông tin từ nguồn chính. - Chỉ tham khảo nguồn phụ trợ là các tài liệu tra cứu nhằm hiểu rõ hơn nội dung của tài liệu	- Chỉ lấy thông tin từ nguồn chính. - Chỉ tham khảo nguồn phụ trợ là các tài liệu tra cứu nhằm hiểu rõ hơn nội dung của tài liệu
6. Ví dụ	Giới thiệu tên latin, tình hình phân bố, đặc điểm hình thái và công dụng của cây hà thủ ô.	Hà Thủ ô là một loại dây leo, lá hình bầu dục, có lông, khía đỏ. Thường mọc ở các vùng trung du và núi. Phổ biến nhất ở các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Lao Cai, Lạng Sơn. Củ hà thủ ô có thể dùng làm vị thuốc quý chữa các bệnh thiếu máu, di mộng tinh, bạc râu tóc và nóng gan. Không dùng Hà Thủ ô cho người bị bệnh táo bón.
Độ dài thông dụng	50-150 từ	100-250 từ

c. Tóm tắt phê phán

Là bản tóm tắt có đủ thông tin ngắn gọn như bản tóm tắt thông tin, hay bản tóm tắt mô tả song còn kèm thêm lời bình luận phê phán của người làm tin, đánh giá ưu, nhược của tài liệu. Do đó, để biên soạn loại tóm tắt này cán bộ biên soạn thường phải là các chuyên gia chuyên ngành.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, không có loại tóm tắt phê phán, vì theo họ, tóm tắt, khác với bài chú giải chính ở tính khách quan của nó, nghĩa là người biên soạn bài tóm tắt không được phép đưa vào bản tóm tắt bất cứ một nhận định nào. Tất cả mọi thông tin trong bài tóm tắt đều được lấy từ chính tài liệu, không tham khảo một nguồn tin nào khác. Trong giáo trình “Biên soạn bài tóm tắt, chú giải” của tác giả Lê Huy Quế, khi phân loại bài tóm tắt ông cũng không đưa loại tóm tắt này vào hệ thống phân loại của mình.

Tuy nhiên một số tác giả khác lại có quan điểm khác hẳn, ví dụ, trong cuốn “Abstracting and Indexing” của thư viện học người Anh

Lancaster thì tóm tắt phê phán là một trong loại tóm tắt được sử dụng khá phổ biến khi xử lý tài liệu cho các sản phẩm thông tin. [1; tr.46]

Thật ra, việc khác nhau giữa bài chú giải và tóm tắt, nếu nghiên cứu kỹ từ hoạt động thông tin thư mục thực tiễn, thì không phải chúng khác nhau bởi tính khách/chủ quan mà cái chính là khác nhau bởi cách tiếp cận với tài liệu. Tóm tắt chỉ nhằm mô tả, phân tích, phản ánh sâu đặc trưng **nội dung** của tài liệu, còn chú giải lại kết hợp với việc mô tả các **đặc điểm hình thức và đặc điểm nội dung chính** của các tài liệu đó. Vì thế chú giải không cung cấp các thông tin, kết luận cụ thể trong khi đó lại là đặc trưng của tóm tắt và ngược lại, tóm tắt không quan tâm đến đặc điểm hình thức của tài liệu, trong khi đó lại là những thông tin đặc trưng của chú giải.

Như vậy, ta sẽ thấy tóm tắt phê phán có những nét tương đồng với chú giải giới thiệu vì trong đó có chứa những đánh giá, những nhận định về giá trị của tài liệu gốc. Đó là lý do mà nhiều nhà thư viện học xếp chung loại tóm tắt này với chú giải giới thiệu. Tuy nhiên, tóm tắt phê phán có những đặc điểm khác biệt rõ ràng để phân biệt với chú giải giới thiệu. Nếu những nhận định, đánh giá của người biên soạn bài tóm tắt phê phán đều xuất phát từ những phân tích, nghiên cứu các số liệu, kết luận cụ thể của tài liệu gốc và so sánh chúng với thực trạng nghiên cứu của đề tài đó một cách chính xác, cụ thể và khách quan, thì những nhận định, đánh giá của tác giả bài chú giải giới thiệu lại có thể xuất phát từ cảm nhận, từ ấn tượng của người biên soạn bài chú giải đối với tài liệu đó; Nếu bài chú giải giới thiệu có thể thông qua tác giả, thông qua đặc điểm hình thức của tài liệu để khẳng định giá trị tài liệu gốc, thì tóm tắt phê phán chỉ khẳng định điều đó bằng những thông tin cụ thể phân tích từ nội dung của tài liệu gốc; Mục đích của hai loại bản tin này đều có tính định hướng đối với người đọc, nhưng chú giải giới thiệu chỉ tác động lên sự lựa chọn tài liệu của người đọc, trong khi tóm tắt phê phán không chỉ tác động lên quá trình lựa chọn tài liệu mà còn tác động cả lên quá trình giải mã thông tin của người dùng tin khi tiếp xúc, nghiên cứu tài liệu gốc đó nữa; Nếu tùy thuộc vào đối tượng phục vụ mà một tài liệu gốc có thể biên soạn nhiều bài chú giải giới thiệu khác nhau thì một tài liệu gốc chỉ có một bản tóm tắt phê phán duy nhất, đảm bảo tính khách quan cao nhất và chính xác nhất. Bảng so sánh, nhận diện dưới đây sẽ cho ta thấy rõ các nét tương đồng và khác biệt của hai loại bản tin này.

Nhận diện, so sánh bài chú giải giới thiệu và tóm tắt phê phán

Tiêu chí so sánh	Chú giải giới thiệu	Tóm tắt phê phán
-------------------------	----------------------------	-------------------------

1. Mục đích	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng người đọc lựa chọn tài liệu, thu hút lôi cuốn bạn đọc đến với tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng lựa chọn tài liệu; - Định hướng giải mã các thông tin trong tài liệu
2. Cấu trúc	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông tin về đặc điểm hình thức nếu chúng khẳng định giá trị tài liệu gốc; - Các thông tin ngắn gọn, khái quát về chủ đề nội dung của tài liệu gốc; - Các nhận định, đánh giá về giá trị của tài liệu gốc; - Chủ yếu nêu những giá trị của tài liệu, ít quan tâm đến nhược điểm của tài liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông tin về chủ đề, cấu trúc nội dung, phương pháp tiếp cận và các số liệu, kết luận cụ thể; - Những nhận định, đánh giá xuất phát từ việc phân tích các số liệu và kết luận cụ thể của tài liệu gốc so sánh với thực trạng nghiên cứu của đề tài. - Đánh giá cả những giá trị, thành tựu và nhược điểm của tài liệu
3. Tính khách quan/ chủ quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, nhận định có thể xuất phát từ cảm nhận, ấn tượng của người biên soạn bài chú giải đối với tài liệu gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá nhận định hoàn toàn mang tính khách quan từ việc phân tích nội dung tài liệu gốc.
4. Văn phong	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong khoa học nhưng có thể dùng lối nói biểu cảm, bóng bẩy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong khoa học hoàn toàn khách quan, không dùng lối nói biểu cảm, bóng bẩy.
5. Nguồn tin	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin có thể lấy từ nguồn chính và phụ trợ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ lấy thông tin từ nguồn chính; - Chỉ tham khảo nguồn phụ trợ là các loại sách tra cứu.
6. Tính thích nghi với đối tượng phục vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Thích nghi với nhiều đối tượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phục vụ một đối tượng cụ thể.

Tóm tắt phê phán thường được áp dụng cho việc xử lý các tài liệu có dung lượng khác nhau phù hợp với một bản thư mục chuyên đề hoặc cơ sở dữ liệu chuyên đề. Đối tượng chủ yếu của loại bản tin này là các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý cần có thông tin nhanh và ngắn gọn, dễ, hoặc là sử dụng luôn phần thông tin chính, hoặc lựa chọn tham khảo một tài liệu gốc nào đó phù hợp nhất.

Ví dụ:

Các quy luật và nguyên tắc của quá trình dạy học đại học / Nguyễn Tiến Đạt. - H. : Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, 1994. - 18 tr.

Tóm tắt: Với các sự phân tích các hệ thống nguyên tắc dạy học của nhiều nước trên thế giới như Canada, CHDC Đức, Liên Xô cũ, Việt Nam tác giả đã đưa ra một hệ thống nguyên tắc dạy học đại học được sắp xếp theo trình tự logic từ chung đến riêng đó là: Nguyên tắc thống nhất giữa tính khoa học và tư tưởng; nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; nguyên tắc thống nhất giữa cá nhân và tập thể; nguyên tắc thống nhất giữa sự vững chắc của tri thức và sự mềm dẻo tư duy; nguyên tắc thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng và nguyên tắc thống nhất giữa vai trò chủ động của học viên và sự chỉ đạo của giáo viên; Hệ thống nguyên tắc này tỏ ra ưu điểm trong việc đưa các nguyên tắc nhận thức chung vào quá trình dạy học đại học. Tuy nhiên một số nguyên tắc mang tính đặc thù riêng của quá trình dạy học này lại không được tác giả thực sự quan tâm.

c. Tóm tắt hỗn hợp

Là loại tóm tắt pha tạp giữa tóm tắt mô tả và tóm tắt thông tin. Trong đó một phần được xử lý như một bản tóm tắt mô tả, phần khác lại được xử lý theo kiểu tóm tắt thông tin.

Tóm tắt hỗn hợp thường được dùng để xử lý những tài liệu có dung lượng thông tin lớn, song chỉ có một phần là phù hợp với chủ đề của sản phẩm thông tin có chứa bài tóm tắt như các CSDL chuyên đề, các thư mục chuyên đề. Trong trường hợp đó phần thông tin không phù hợp với chủ đề của sản phẩm thông tin có chứa bài tóm tắt sẽ được xử lý theo kiểu tóm tắt mô tả, còn phần thông tin phù hợp với chủ đề của sản phẩm thông tin sẽ được xử lý theo kiểu tóm tắt thông tin.

Ví dụ: Cuốn “Tổng quan về kinh tế xã hội Việt Nam năm 2008”, trong đó có phần tổng quan về kinh tế xã hội của Hà Nội. Đối với sản phẩm thông tin là "Thư mục kinh tế Hà Nội" thì phần tổng quan về các tình hình kinh tế, xã hội của các tỉnh thành phố khác ta chỉ làm tóm tắt

mô tả, trong khi phần về kinh tế Hà Nội ta sẽ làm tóm tắt thông tin. Cụ thể:

Tóm tắt: Năm 2008 Hà Nội đã có một bước phát triển mạnh và vững chắc về kinh tế, tăng trưởng đạt mức cao so với cả nước là 7,1%; thu nhập trung bình đầu người tăng 1.000.000đ so với năm 2007. Triển khai mới 200 dự án kinh tế trên địa bàn toàn thành phố và hoàn thiện gần 300 dự án cũ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ ràng theo xu hướng tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Ngoài ra sách còn đánh giá khái quát và thống kê những số liệu cụ thể về tình hình văn hóa, giáo dục, tăng trưởng kinh tế của 63 tỉnh thành phố khác của Việt Nam năm 2008.

Bài tóm tắt hỗn hợp cũng có thể được áp dụng để xử lý các tài liệu có dung lượng lớn, với mục đích tăng nguồn tin cho người dùng tin hay bạn đọc, người ta có thể xử lý phần không quan trọng theo kiểu tóm tắt mô tả, phần quan trọng theo kiểu tóm tắt thông tin.

Loại bài tóm tắt này rất phổ biến ở một số sản phẩm thông tin hiện nay, như Bản tin điện tử của trung tâm Thông tin – Thư viện Đại học quốc gia Hà Nội, các bản tin tóm tắt của Trung tâm thông tin – thư viện của Đại sứ quán Hoa Kỳ, các tạp chí nghiên cứu khoa học.

Độ dài của bản tóm tắt hỗn hợp cũng dao động từ 100 từ đến 250 từ. Cũng có trường hợp dài đến 500 từ.

3.2 Phân loại các bài tóm tắt theo đối tượng xử lý

Theo đặc điểm của đối tượng làm tóm tắt, các bài tóm tắt có thể phân ra thành ba loại: Tóm tắt đơn lẻ, tóm tắt phân tích, tóm tắt tổng quát

a. Tóm tắt đơn lẻ

Là bản tóm tắt xử lý cho một đơn vị tài liệu trọn vẹn như một cuốn sách, một bộ phim, một băng cát sét hay một bài báo.v.v Tính trọn vẹn của một đơn vị tài liệu được giải thích rõ tại mục 1.2.1 **Phân loại bài chú giải theo đối tượng xử lý.** *Xem thêm phần chú giải đơn lẻ*

b. Tóm tắt phân tích

Là bản tóm tắt chỉ xử lý một khía cạnh nội dung của tài liệu hoặc một phần trong dung lượng của tài liệu phù hợp với chuyên đề của sản phẩm thông tin (Thư mục, CSDL). *Xem thêm phần chú giải phân tích.*

Ví dụ:

1) Nho giáo Xưa và nay / Vũ Khiêu chủ biên. - H: Khoa học xã hội, 1991. - 348tr.; 21cm

Đối với thư mục chuyên đề Văn hoá chỉ làm tóm tắt cho hai bài liên quan đến chuyên đề đó là “ Nho giáo và văn hoá Việt Nam” và “Nho giáo và văn hoá dân gian Việt nam”

Tóm tắt: *Sách có hai bài viết về văn hoá. Đó là: “ Nho giáo và văn hoá Việt Nam” của giáo sư Trần Quốc Vượng khái quát vị trí của Nho giáo như một yếu tố văn hoá du nhập và ảnh hưởng của nó lên nền văn hoá Việt Nam trong suốt diễn trình lịch sử của Việt Nam từ thế kỷ 2 trước CN đến trước khi thực dân Pháp xâm lược. Và bài “ Nho giáo và văn hoá dân gian Việt Nam” của giáo sư Đinh Gia Khánh trình bày những bản sắc độc lập của văn hoá dân gian, sự phát triển của văn hoá dân gian dưới sự tác động của văn hoá Nho giáo.*

2) 54 tỉnh thành phố Việt Nam : Tổng quan kinh tế . - H. : Chính trị Quốc gia, 1997. - 507tr ; 26cm.

Đối với CSDL địa chí của Hà Nội chỉ làm bài tóm tắt cho phần tổng quan về Hà Nội.

Tóm tắt: *Phần tổng quan về tình hình kinh tế xã hội của Hà Nội (tr.37-84) đã giới thiệu và phân tích những số liệu thống kê về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, văn hoá, giáo dục của Hà Nội năm 1997 và những đánh giá thành tựu kinh tế cùng các khó khăn của Hà Nội.*

c. Tóm tắt tổng quát.

Là một bản tóm tắt chung cho một bộ sách, một bộ từng thư một nhóm gồm một số tài liệu khác nhau, song có những đặc điểm chung. Tóm tắt tổng quát thường gồm các thông tin chung cho cả bộ, cả nhóm và các thông tin riêng cho từng tài liệu. *Xem thêm phần chú giải tổng quát.*

Ví dụ:

Lịch sử triết học/ Nguyễn Mai Vui chủ biên. - H: Chính trị Quốc gia, 1994. - 2 tập

T.1: 148tr

T.2: 156 tr

Tóm tắt: *Bộ sách gồm hai tập về lịch sử triết học từ cổ đại đến triết học Mác-xít, dùng cho cao học và nghiên cứu sinh. T.1: Khái quát các trường phái triết học Phương Đông như: Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, và các trường phái triết học Phương tây thời Hy-La cổ đại, thời Trung cổ, thế kỷ 17-18 và triết học cổ điển Đức. T.2: Nghiên cứu các nguồn gốc hình thành chủ nghĩa Mác-Lênin và giới thiệu 10 tác phẩm kinh điển của K.Mác, F.Engen và V.I.Lenin.*

4. QUY TRÌNH BIÊN SOẠN BÀI TÓM TẮT

Quy trình biên soạn bài tóm tắt cũng như quy trình biên soạn bài chú giải thường gồm ba bước:

- Nghiên cứu phân tích tài liệu gốc;
- Rút những thông tin, dữ liệu cần thiết;
- Sử dụng các thông tin, dữ liệu đã rút được để biên soạn thành bài tóm tắt theo yêu cầu.

Nhưng trong mỗi bước cụ thể của quy trình biên soạn bài tóm tắt vẫn có những khác biệt đáng kể.

4.1 Nghiên cứu phân tích tài liệu gốc

Cũng như bài chú giải, đây là một bước rất quan trọng quyết định đến chất lượng của bài tóm tắt. Bước này yêu cầu người biên soạn bài tóm tắt cần phải huy động phong kiến thức chung, những hiểu biết mà người biên soạn bài tóm tắt đã được trang bị và tích lũy được, kết hợp với những hiểu biết cụ thể về lý thuyết chung và về đặc điểm của từng loại bài tóm tắt.

Trước khi tiến hành nghiên cứu tài liệu gốc, ta phải căn cứ yêu cầu của sản phẩm thông tin có chứa bài tóm tắt, căn cứ vào đặc điểm của tài liệu để xác định ta sẽ biên soạn loại tóm tắt nào. Thông thường trong các thư mục thông báo, các cơ sở dữ liệu tổng hợp người ta biên soạn loại bài tóm tắt mô tả. Trong các thư mục chuyên ngành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành người ta biên soạn loại tóm tắt thông tin, tóm tắt phê phán hoặc tóm tắt hỗn hợp tùy thuộc vào từng loại tài liệu.

Sau khi đã xác định rõ loại tóm tắt mà ta cần biên soạn cho một đối tượng cụ thể, ta sẽ căn cứ vào các nguồn tin có trên tài liệu để nghiên cứu, phân tích các dữ liệu cần thiết.

Mỗi một loại bài tóm tắt ta sẽ quan tâm đến các nguồn tin khác nhau. Đối với loại **tóm tắt mô tả** thì trang tên tài liệu, mặt sau của nó, lời giới thiệu, lời nói đầu, lời nhà xuất bản, mục lục là các nguồn tin quan trọng nhất. Các nguồn tin này sẽ cung cấp mục đích, hướng tiếp cận, chủ đề nội dung chính, cấu trúc nội dung chính của tài liệu, đó là những thông tin cần và đủ cho việc biên soạn một bài tóm tắt mô tả.

Nghiên cứu nhan đề, mục lục, lời giới thiệu v.v.. tóm lại, nghiên cứu kỹ các nguồn lấy thông tin của tài liệu gốc để xác định nội dung của tài liệu, tìm các câu trả lời cho câu hỏi đối với từng loại tóm tắt.(xem cụ thể ở mục tiếp theo)

Nếu có những thông tin nào chưa rõ ràng như thông tin về nhân vật, các cụm từ viết tắt.... thì có thể tra cứu thêm các từ điển, bách khoa thư để xác định cho rõ.

Nếu những nguồn tin vừa đề cập trên chưa cho đủ thông tin cần thiết, ta nghiên cứu thêm chính văn tài liệu. Đối với việc làm tóm tắt mô tả, nghiên cứu chính văn không bắt buộc phải nghiên cứu kỹ, chỉ cần đọc lướt, khi đọc chú ý đến các chương mục, tiểu kết, kết luận, các phần có chế bản đặc biệt như gạch chân, in đậm, in nghiêng v.v....;

Khi biên soạn **tóm tắt thông tin** thì việc nghiên cứu chính văn là bắt buộc. Bởi vì các nguồn tin khác như lời giới thiệu, lời nói đầu, lời nhà xuất bản không thể cung cấp cho ta những số liệu, kết luận cụ thể được; Việc nghiên cứu chính văn để biên soạn bài tóm tắt thông tin cũng không thể giảm nhẹ được bằng cách nghiên cứu các nguồn tin phụ trợ khác như các tài liệu nghiên cứu phê bình tài liệu gốc. Nhưng sẽ rất hữu ích nếu ta nghiên cứu các bản tóm tắt của chính tác giả tài liệu nếu có. Các bản tóm tắt này thường được in kèm với chính văn của tài liệu trong một số sách nghiên cứu. Đặc biệt là sách của nước ngoài. Đối với khả năng sử dụng các bản tóm tắt của tác giả tài liệu gốc cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Người thì cho rằng bản tóm tắt của tác giả tài liệu thường không được khách quan vì các tác giả thường hay có xu hướng “thối phòng” những gì mình làm được. Người khác lại cho rằng tác giả là người hiểu kỹ nhất, chính xác nhất nội dung của tài liệu, vì thế tóm tắt của họ hoàn toàn có thể sử dụng được. Người biên soạn bài tóm tắt thông tin cần tham khảo cả chính văn lẫn bản tóm tắt của tác giả tài liệu để quyết định sử dụng bản tóm tắt đó ở mức độ nào: tham khảo hay dùng luôn cả bài, không cần biên soạn lại.

Đối với bài **tóm tắt phê phán** thì nghiên cứu các nguồn tin trên tài liệu cũng quan trọng như tóm tắt thông tin. Quan trọng nhất là lời nói đầu, lời giới thiệu, lời nhà xuất bản, và chính văn. Nhưng có thể tham khảo thêm các nguồn phụ trợ. Tuy nhiên, khác với dạng chú giải giới thiệu, việc ta tham khảo những nguồn tài liệu phụ trợ, như các tài liệu phê bình, đánh giá tài liệu gốc đã được công bố, hay đã có trước đó không làm giảm nhẹ bớt việc nghiên cứu kỹ chính văn. Các nguồn phụ trợ này chỉ là những gợi ý, căn cứ xác đáng hơn để tác giả biên soạn bài tóm tắt phê phán đưa ra những nhận định và đánh giá sau khi nghiên cứu kỹ chính văn của tài liệu gốc mà thôi.

Khi biên soạn bài **tóm tắt hỗn hợp** thì các nguồn tin có vai trò tương tự như tóm tắt mô tả và tóm tắt thông tin. Chỉ khác là khi đọc chính văn ta cần nghiên cứu kỹ càng phần định làm tóm tắt thông tin, các phần khác có thể đọc lướt.

Các từ điển, bách khoa thư chiếm vị trí không nhỏ trong quá trình nghiên cứu, phân tích tài liệu gốc, nhất là đối với các lĩnh vực chuyên sâu mà người biên soạn bài tóm tắt không thực sự am hiểu. Khi đó công cụ hỗ trợ đắc lực nhất chính là các từ điển thuật ngữ chuyên ngành, bách khoa thư chuyên ngành. Các loại công cụ tra cứu này sẽ hỗ trợ cho người biên soạn những kiến thức chuyên ngành quan trọng để giải mã đúng thông điệp mà tác giả tài liệu muốn truyền tải qua tài liệu đó.

4.2 Rút những thông tin, dữ liệu cần thiết cho nội dung bài tóm tắt

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, phân tích kỹ các nguồn tin chính và phụ trợ liên quan đến tài liệu gốc, ta sẽ tiến hành bước thứ hai là rút những thông tin cần thiết. Cũng như đối với quy trình biên soạn bài chú giải, bước này có thể làm xen kẽ với bước 1; nghĩa là vừa nghiên cứu vừa rút thông tin cần thiết, theo yêu cầu về nội dung của từng loại bài tóm tắt mà ta quyết định biên soạn. Mỗi loại bài tóm tắt cần có cách tiếp cận riêng để có thể rút được những thông tin đặc trưng.

a. Rút dữ liệu cho bản tóm tắt mô tả.

Đối với tóm tắt mô tả ta có thể sử dụng bộ câu hỏi sau đây để phân tích dữ liệu từ các nguồn tin chính và nguồn tin phụ trợ:

1. Tài liệu nói về vấn đề gì?
2. Vấn đề được đề cập đến từ phương diện nào?
3. Tài liệu được dùng cho đối tượng nào?

Câu hỏi đầu tiên khi trả lời không phải chỉ được một chủ đề chính như khi ta mô tả tài liệu bằng ký hiệu phân loại, mà phải là những vấn đề triển khai chi tiết từ chủ đề chính.

Ví dụ:

Nguyễn Đình Đăng Lực. Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách. Tái bản có chỉnh lý bổ sung. - H. : Tư pháp, 2005.

Khi nghiên cứu trang tên tài liệu, lời nói đầu, mục lục ta có thể trả lời câu hỏi thứ nhất với những thông tin chi tiết hoá cho chủ đề nội dung chính mà nhan đề tài liệu đã phản ánh, cụ thể là:

- *Quan hệ của nhân cách với môi trường xã hội;*
- *Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách của người chưa thành niên;*
- *Pháp luật và đặc điểm giáo dục pháp luật đối với người chưa thành niên;*

- *Nội dung, nguyên tắc và nhiệm vụ của công tác giáo dục pháp luật đối với người chưa thành niên.*

Trả lời câu hỏi thứ hai, ta có phương pháp, hướng tiếp cận của tài liệu. Thông tin này cũng giúp cho bạn đọc có được cái nhìn toàn diện và hệ thống về những vấn đề mà tài liệu gốc đề cập tới. Giúp họ có đủ căn cứ để quyết định chọn lựa tài liệu phù hợp với yêu cầu thông tin của mình.

Ví dụ:

Với tài liệu đã dẫn trên đây, khi phân tích lời nói đầu ta sẽ có thông tin để trả lời câu hỏi thứ hai, cụ thể là:

- *Tác giả đã tiếp cận với vấn đề từ phương diện tâm lý học giáo dục.*

Câu trả lời thứ ba cho thấy rõ hơn tài liệu đó dành cho đối tượng nào. đây cũng là một thông tin quan trọng mà người dùng tin cần biết. Câu trả lời này cũng dễ dàng tìm thấy ở các nguồn tin chính như lời nói đầu, lời nhà xuất bản, lời giới thiệu, thậm chí ngay trong bản mô tả thư mục. Tuy nhiên cũng có trường hợp cần phải đọc chính văn mới tìm được câu trả lời cho câu hỏi đó.

Ví dụ:

Đối với tài liệu đã dẫn, ta sẽ tìm thấy câu trả lời cụ thể từ lời nói đầu là:

- *Sách dành cho các nhà giáo dục và các bậc cha mẹ.*

Đối với một số tài liệu, có thể không nhất thiết phải trả lời mọi câu hỏi; Mỗi một câu hỏi chỉ cần trả lời ngắn gọn chừng từ một đến bảy dòng. Khi trả lời các câu hỏi trên đây, cũng như khi biên soạn bài chú giải, cần chú ý đến đối tượng biên soạn bài tóm tắt. Đối với loại bài tóm tắt tổng quát và tóm tắt phân tích, mỗi câu hỏi được tìm câu trả lời ở hai phần: phần chung (cả nhóm, cả bộ, cả tuyển tập.. đối với tóm tắt tổng quát; cả tài liệu gốc đối với tóm tắt phân tích) và phần riêng (từng đơn vị tài liệu trong nhóm, trong bộ, trong tuyển tập đối với tóm tắt tổng quát và phần trích để tóm tắt đối với tóm tắt phân tích). Tuy nhiên khi nghiên cứu và rút các thông tin cho các phần của hai loại tóm tắt này cần xác định rõ đâu là phần quan trọng hơn để chọn lựa thông tin cho phù hợp. **Ví dụ**, đối với tóm tắt tổng quát thì, phần thông tin chung có vai trò quan trọng hơn các thông tin riêng tương ứng.

b. Rút dữ liệu cho bản tóm tắt thông tin

Đối với loại tóm tắt thông tin, khi rút thông tin cần thiết, ta có thể sử dụng bộ câu hỏi của loại tóm tắt mô tả trên đây nhưng bổ sung thêm một số câu hỏi quan trọng khác, và tạo thành một bộ câu hỏi mới đó là:

1. Tài liệu nghiên cứu về vấn đề gì?
2. Vấn đề được đề cập đến từ phương diện nào?
3. Các quá trình nghiên cứu thực hiện như thế nào?;
4. Có những kết luận, số liệu nào cụ thể?
5. Tài liệu dành cho đối tượng nào?

Việc trả lời cho ba câu hỏi 1,2,5 ta cũng thực hiện như khi rút thông tin để biên soạn bài tóm tắt mô tả. Riêng hai câu hỏi 3,4 là có đặc thù riêng của tóm tắt thông tin. Thông tin để trả lời cho câu hỏi này phải rút từ chính văn của tài liệu.

Ví dụ:

Kết quả thử nghiệm giống cà chua mới / Trần Đăng Tiến // Báo cáo kết quả nghiên cứu khảo nghiệm giống cây trồng năm 2007. - H., 2008.

Khi phân tích thông tin ta có câu trả lời cho các câu hỏi trong bộ câu hỏi lần lượt là:

1. Nghiên cứu thử nghiệm 3 giống cà chua mới là giống cà chua bi, giống CHR23 và CHR 25.

2. Thử nghiệm giống lai.

3. Trồng thử tại trại nghiên cứu giống Hải Hưng 3 loại giống trên trong 3 năm 2005-2007

4. Giống cà chua bi hoàn toàn thích nghi với môi trường thử nghiệm có thể sản xuất ở diện rộng. Giống CHR23 cho năng suất cao, chất lượng quả tốt nhưng kém thích nghi với điều kiện đồng bằng sông Hồng hơn, cần thử nghiệm thêm. Giống CHR25 thích nghi tốt, nhưng năng suất thấp.

5. Dành cho các cán bộ quản lý khuyến nông địa phương và cán bộ nghiên cứu giống cây trồng

Đối với một số CSDL, thư mục chuyên ngành, chuyên đề phản ánh thông tin về một loại đối tượng cần có những thông tin theo cấu trúc nhất định thì khi biên soạn tóm tắt thông tin ta có thể rút thông tin theo cấu trúc mạng. Đó là phương thức rút thông tin được thiết kế theo một cấu trúc nhất định phản ánh đầy đủ và toàn diện những khía cạnh liên

quan đến đối tượng. Rút thông tin theo phương thức này ta sẽ có các bản tóm tắt thông tin có cùng một cấu trúc, rất thuận tiện cho người sử dụng.

Ví dụ:

Trong CSDL "Tài nguyên thực vật Đông Nam Á", mỗi bài tóm tắt đều được rút thông tin theo cấu trúc sau đây:

1. Tên địa phương của cây;
2. Tên latin
3. Phân bố
4. Đặc điểm hình thái
5. Công dụng
6. Yêu cầu ngoại cảnh để trồng
7. Thời vụ
8. Chăm sóc
9. Sâu bệnh
10. Thu hoạch
11. Giá trị kinh tế.

Không phải tài liệu nào cũng có đủ thông tin để trả lời toàn bộ 11 khía cạnh trên đây. Theo cấu trúc này, khi rút các thông tin về các cây hoang dại thì thường có thông tin trả lời cho các vấn đề từ 1 đến 5; trong khi nếu là cây trồng thì sẽ có thông tin để trả lời cho các vấn đề 1,2 và từ 6 đến 11.

Hoặc khi xây dựng CSDL về các công ty nước ngoài ở Việt Nam, người ta rút thông tin theo cấu trúc sau:

1. Tên đầy đủ của công ty;
2. Tên viết tắt;
3. Địa chỉ, số điện thoại;
4. Số vốn pháp lệnh;
5. Mặt hàng, dịch vụ kinh doanh chính;

Nhìn chung việc phân tích rút thông tin theo mạng sẽ rất thuận lợi và dễ dàng cho người biên soạn bài tóm tắt thông tin, tuy nhiên muốn vậy phải xây dựng, thiết kế được một cấu trúc hợp lý, khoa học và rành mạch, không được chồng chéo thông tin khi trả lời. Biên soạn bài tóm

tất thông tin theo phương pháp này sẽ giúp cho người biên soạn có định hướng thông tin rõ ràng, tránh việc phải tìm đọc và chọn thông tin lan man từ chính văn của tài liệu; tránh được cả việc để sót thông tin cần thiết. Vì khi nghiên cứu chính văn của tài liệu ta thường ảnh hưởng rất mạnh cách trình bày dữ liệu của tác giả tài liệu gốc. Thông thường ta quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề mà tác giả dành nhiều dung lượng của chính văn để trình bày, phân tích và ít quan tâm đến những thông tin chiếm ít dung lượng trong tài liệu. Điều này cũng rất bình thường, vì xét theo mức độ quan trọng / không quan trọng thì cách phân tích tài liệu gốc như vậy hoàn toàn mang tính khách quan. Tuy nhiên, bên cạnh việc chịu ảnh hưởng của nội dung chính văn, ta còn chịu ảnh hưởng của mục đích của sản phẩm thông tin có chứa bài tóm tắt. Mục đích này không thể trùng khít hoàn toàn với mục đích của tác giả tài liệu gốc, vì thế mỗi sản phẩm đều cấu trúc riêng. Bài tóm tắt thông tin có cấu trúc theo yêu cầu của sản phẩm thông tin mà nó phục vụ, ví dụ, bài tóm tắt thông tin trong CSDL "Tài nguyên thực vật Đông Nam Á" mà ta đã dẫn trên đây có cấu trúc lý tưởng gồm 11 khía cạnh nghiên cứu khác nhau. Nhưng mỗi tài liệu cụ thể chỉ cung cấp thông tin về một số trong các khía cạnh đó. Bên cạnh đó, có những khía cạnh, tài liệu gốc chỉ cung cấp thông tin một cách ngắn gọn, thoáng qua, vì đó không phải là mục đích chính của tác giả tài liệu gốc. Do đó, nếu ta xử lý tài liệu này theo theo nguyên tắc mô tả đặc trưng thông thường, tức mô tả theo mức độ quan trọng / không quan trọng của thông tin, nó sẽ không có mặt trong bản tóm tắt. Ngược lại nếu ta xử lý nó theo nguyên tắc cấu trúc mạng, nó vẫn hiện diện trong bản tóm tắt và ta tránh được tình trạng bị thiếu thông tin.

c. Rút dữ liệu cho bản tóm tắt phê phán.

Đối với việc rút thông tin cần thiết để biên soạn bài **tóm tắt phê phán** thì nhìn chung vẫn có thể áp dụng phương pháp rút thông tin của hai loại tóm tắt mô tả và tóm tắt thông tin nêu trên, tuy nhiên, đối với loại tóm tắt này cần có thêm các nhận xét đánh giá của người biên soạn bài tóm tắt. Những nhận xét này phải được rút ra sau khi phân tích kỹ nội dung của chính văn tài liệu, so sánh với các tài liệu khác liên quan. Các nhận xét này thường bao gồm các khía cạnh sau đây:

- Cái mới, cái đặc biệt của tài liệu so với những tài liệu khác cùng đề tài;
- Những thành tựu, đóng góp của tài liệu đối với đề tài;
- Những nhược điểm của tài liệu;

Một tài liệu có thể không cần hội đủ các nhận xét từ các khía cạnh nêu trên. Phần nhận xét này cũng rất ngắn gọn, thông thường chỉ trong khoảng 30-60 từ.

d. Rút dữ liệu cho bản tóm tắt hỗn hợp

Rút thông tin cần thiết để biên soạn bài **tóm tắt hỗn hợp** hoàn toàn áp dụng phương pháp của cả tóm tắt mô tả và tóm tắt thông tin. Người biên soạn bài tóm tắt hỗn hợp chỉ cần xác định rõ, phần nào của tài liệu cần xử lý theo kiểu tóm tắt mô tả, phần nào cần xử lý theo kiểu tóm tắt thông tin để có thể áp dụng phương pháp phân tích và rút dữ liệu tương ứng.

Ví dụ: ta xử lý cuốn sách: Phạm Minh Thảo. Lễ tục vòng đời người / Phạm Minh Thảo. - H. : Văn hoá Thông tin, 2000. cho bản thư mục chuyên đề : "**Văn hoá Dân tộc Tày**".

Trong cuốn trên đây tất cả các phần viết về lễ tục vòng đời người của các dân tộc khác ta chỉ làm tóm tắt mô tả, còn phần liên quan đến lễ tục của người Tày ta sẽ xử lý theo tóm tắt thông tin. Phân tích các nguồn tin, ta rút ra các thông tin cụ thể sau đây cho phần tóm tắt mô tả:

1. *Các tập tục, nghi lễ liên quan đến việc sinh con, cưới hỏi, tang ma của người Việt và của một số dân tộc thiểu số khác của Việt Nam thể hiện quan niệm, tư duy của mỗi dân tộc về thế giới, khát vọng vươn tới cuộc sống bình yên và tốt đẹp của họ.*

2. *Nghiên cứu văn hoá dân gian.*

3. *Dành cho đông đảo bạn đọc.*

Bên cạnh đó ta cũng rút được các thông tin cụ thể sau đây cho phần tóm tắt thông tin:

4. *Người Tày bồi dưỡng cho người mẹ mang thai các món ăn như thịt gà rim gừng, chân giò hầm đu đủ. Họ thường căn cứ vào giấc mơ để đoán biết sẽ sinh con trai hay con gái. Khi đứa trẻ ra đời phải treo trước cửa nhà một cành lá xanh để báo tin, người lạ không được đến nhà trong 3 ngày đầu. Khi đứa trẻ đầy tháng, người ta làm lễ ăn mừng gọi là "lầu ma nhét". Trẻ được đặt hai tên đó là "tên nội" : tên khi còn nhỏ, và tên quan: tên chính thức.*

Tục cưới hỏi của người Tày gồm 4 lễ chính: lễ dạm, lễ ăn hỏi, lễ cưới và lễ lại mặt. Trong lễ dạm nhà trai mang lễ vật (gà, rượu, gạo, muối; hoặc bạc, chè, bánh khảo) sang nhà gái, đặt vấn đề một cách rất văn hoa, đầy tính ẩn dụ, như muốn hai nhà chia sẻ cùng nhau giống lúa, giống bông. Nếu nhà gái đồng ý sẽ trao cho nhà trai lá số của cô gái.

Sau khi nhà trai gói hai lá số của đôi trai gái vào với nhau, vùi vào bồ thóc 3 ngày, cha mẹ mơ thấy điềm lành thì sẽ cho họ làm lễ ăn hỏi. Lễ ăn hỏi thường diễn ra 1 năm sau lễ dạm. Nhà trai phải mang lễ vật gồm gà trống thiến (hoặc lợn), rượu, bánh chưng, bánh dày, gạo rượu, trầu, thuốc đến ăn hỏi. Sau khi ăn hỏi 2, 3 năm mới tổ chức lễ cưới. Mùa cưới thường vào tháng 7 đến tháng 2 năm sau. Lễ cưới thường diễn ra trong hai ngày, nhà gái ăn cỗ hôm trước sau đó đón dâu về nhà trai ăn cỗ hôm sau. Đoàn đón dâu phải trải qua một số trò chơi phiền toái như những thử thách bắt buộc. Đoàn đưa dâu chủ yếu là phụ nữ, trên đường đưa dâu còn nhiều tập tục khá đặc biệt.

Ma chay của người Tày gồm hai phần: Tục làm hiếu và tang lễ. Tục làm hiếu là khi gia đình có người chết, con cháu phải nấu một nồi nước lá thơm để tắm rửa cho người mới chết gọi là lễ rửa linh hồn sau đó tiến hành thủ tục đặt người chết yên vị trên vải trắng, báo tử với dân làng và khâm liệm. Tang lễ gồm 3 lễ chính: Lễ phá ngục để giải phóng linh hồn, lễ đưa ma và lễ chôn cất. Tất cả các nghi lễ ngày đều do thầy tào thực hiện. 3 năm sau gia đình làm lễ mãn tang.

4.3 Biên soạn bài tóm tắt theo yêu cầu

Trên cơ sở những thông tin cần thiết đã rút ra từ bước hai, ta tiến hành biên soạn bài tóm tắt theo yêu cầu. Bước này, một mặt ta thực hiện đúng những yêu cầu đặc thù đối với từng loại tóm tắt, mặt khác ta cần phải tuân theo những yêu cầu chung về nội dung, văn phong, thuật ngữ, hình thức trình bày đối với bài tóm tắt. Có thể trình bày các thông tin theo thứ tự chúng xuất hiện trên tài liệu gốc. Nhưng thông thường người ta hay trình bày các thông tin đó sao cho logic, ngắn gọn và dễ hiểu nhất. Khi phân tích tài liệu theo cấu trúc mạng thì thông tin sẽ được trình bày lần lượt theo chính cấu trúc đó.

Ngoài ra cũng giống như trong bài chú giải giới thiệu, khi muốn gây ấn tượng với người đọc thì khi trình bày bài tóm tắt người ta thường đưa các thông tin quan trọng nhất lên đầu tiên. Sau đó mới là các thông tin khác.

5. YÊU CẦU CHÍNH CỦA BẢN TÓM TẮT

5.1 Yêu cầu về nội dung

Một bản tóm tắt cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác, khách quan nội dung của tài liệu (trừ loại tóm tắt phê phán được phép có lời bình của người xử lý thông tin). Không lặp lại những thông tin đã có ở nhan đề hoặc phụ đề của tài liệu gốc.

Nếu ở phụ đề đã ghi rõ tài liệu thuộc loại gì và được dùng cho đối tượng nào thì trong bản tóm tắt không cần ghi lại thông tin đó

Ví dụ: Tổ chức quá trình dạy học đại học : Tài liệu dùng cho lớp cao học và bồi dưỡng sau đại học

Tóm tắt: Tài liệu gồm 13 chương bàn về đối tượng, nhiệm vụ của môn học tổ chức giảng dạy đại học, bản chất của quá trình dạy học, các quy luật, phương pháp, hình thức, công nghệ dạy học đại học. Phương hướng và biện pháp cải tiến giáo dục cao đẳng và đại học ở Việt Nam. Thiết kế và nâng cao quá trình dạy học đại học và hình thức đánh giá kiểm tra như: Luận văn, tiểu luận, thi vấn đáp, trắc nghiệm v.v..

Ghi chú: Không đưa vào thông tin: Dùng cho cao học và bồi dưỡng sau đại học

Phải làm rõ thêm và sâu sắc hơn những thông tin của nhan đề, phụ đề nếu nhan đề và phụ đề phản ánh đúng chủ đề tài liệu.

Ví dụ: Cây khoai lang: Các côn trùng gây bệnh và những rối loạn dinh dưỡng chủ yếu

Tóm tắt: Giới thiệu đặc tính sinh học, tập quán sinh hoạt, tác hại của 9 loại côn trùng ăn củ, 4 loại sinh vật đục thân, một số loài ăn lá, truyền vi rút của khoai lang và các thiên địch của chúng. Một số bệnh do vi rút, vi khuẩn, nấm và rối loạn các chất dinh dưỡng của cây này.

Phải phản ánh đúng thông tin tài liệu, không phụ thuộc vào nhan đề, nếu nhan đề tài liệu được chọn theo nghĩa gián tiếp của chủ đề, hoặc được trình bày theo lối nói biểu cảm hay lối nói bóng bẩy.

Ví dụ:

a/ Đạo quanh thế giới trong vòng một giờ.

Tóm tắt: Giới thiệu những chức năng thông dụng của mạng Internet, cách sử dụng, khai thác thông tin từ Internet phương pháp soạn thảo trang WEB bằng ngôn ngữ siêu văn bản (HTML) và phương pháp liên lạc bằng thư điện tử trên mạng Internet.

b/ Niềm tin vào chân lý.

Tóm tắt: Phân tích nghệ thuật biện hộ của luật sư trước phiên toà. Giới thiệu một số gương mặt luật sư tiêu biểu của thế giới và một số phiên toà đặc biệt với những bài biện hộ nổi tiếng, bảo vệ thành công chân lý.

Phải thể hiện đúng những thông tin cần thiết đối với mỗi loại tóm tắt cụ thể. Khi thể hiện cho đúng loại tóm tắt yêu cầu phải kết hợp một

cách hài hoà nguyên tắc mô tả đặc trưng và nguyên tắc ưu tiên. Theo nguyên tắc đặc trưng, khi tóm tắt tài liệu ta phải phản ánh khách quan nhất những thông tin đặc trưng cho tài liệu gốc. Nghĩa là, thông tin nào chiếm dung lượng lớn sẽ được ưu tiên chọn lựa để đưa vào bài tóm tắt và ngược lại. Theo nguyên tắc ưu tiên thì ngược lại những thông tin nào phù hợp với mục đích, chủ đề và yêu cầu của sản phẩm thông tin có chứa bài tóm tắt thì ta sẽ ưu tiên phản ánh trong bài tóm tắt và ngược lại. Do đó cần phải cân nhắc kỹ lưỡng tính phù hợp của bài tóm tắt không chỉ với tài liệu gốc mà còn với cả sản phẩm thông tin có chứa nó nữa.

Thông thường bài tóm tắt mô tả sẽ tuân thủ nghiêm ngặt nhất nguyên tắc đặc trưng. Nó sẽ phản ánh khách quan nhất cấu trúc nội dung của tài liệu. Bài tóm tắt thông tin thì ngược lại, lại cần thích nghi cao nhất với mục đích và yêu cầu của sản phẩm thông tin mà nó phục vụ. Do đó nó phản ánh các thông tin, số liệu, kết luận cụ thể khách quan có trong tài liệu, nhưng không phải khi nào nó cũng phản ánh khách quan cấu trúc nội dung của tài liệu đó. Có thể có những phần chỉ được đề cập đến rất sơ sài nhưng vẫn có mặt trong bài tóm tắt, trong khi có phần chiếm dung lượng lớn vẫn không được phản ánh trong nó. Đặc biệt là khi biên soạn bài tóm tắt thông tin theo cấu trúc mạng.

5.2 Yêu cầu về văn phong

Văn phong của bản tóm tắt là loại văn phong khoa học, khách quan. Bản tóm tắt phải được trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc ngắn gọn, không dùng những câu rườm rà, dài dòng. Để đảm bảo độ nén tin cho bản tóm tắt khi biên soạn chúng cần áp dụng các thủ thuật sau đây:

- Nên sử dụng các câu văn ẩn chủ ngữ cho ngắn gọn như: Trình bày một vấn đề...; phân tích các vấn đề...; giới thiệu ... v.v.

Ví dụ: Thay vì viết: *Tác giả đã thông qua những tư liệu hết sức đa dạng và phong phú để phân tích và khái quát về...*, ta chỉ viết: *Thông qua những tư liệu đa dạng và phong phú phân tích và khái quát về...*

- Chọn mẫu số chung cho các thông tin có chung một đoạn từ ngữ

Ví dụ: Ta phân tích được các thông tin sau: Yêu cầu ngoại cảnh của việc trồng lạc; Thời vụ và kỹ thuật gieo trồng của cây lạc; Kỹ thuật chăm sóc cây lạc; Kỹ thuật thu hoạch lạc; Giá trị kinh tế của cây lạc; Một số giống lạc tiêu biểu. Trong đoạn thông tin này ta thấy có một từ lặp đi lặp lại nhiều lần đó là “cây lạc”. Ta sẽ rút từ đó làm mẫu số chung và sẽ trình bày các thông tin này trong bài tóm tắt như sau:

Yêu cầu ngoại cảnh, thời vụ, kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch lạc. Giá trị kinh tế của cây lạc. Giới thiệu một số giống lạc tiêu biểu.

Bài tóm tắt cũng hạn chế tối đa những từ dẫn có tính hình thức như: Bài báo này, cuốn sách này,...

Trong bài tóm tắt, khác với bài chú giải, không dùng các từ có nghĩa bóng mang tính biểu cảm, cảm xúc mà trong văn cảnh bản tóm tắt có thể gây hiểu lầm.

Ví dụ: 1-Trên tài liệu:

Tính chất “dân chủ” của Hiến pháp Mỹ

Tóm tắt:

Tính chất phi dân chủ của Hiến pháp Mỹ.

2- Trên tài liệu:

Dầu mỏ: Cuộc chiến tranh thế giới lần ba

Tóm tắt: Tính cạnh tranh khốc liệt trên thị trường dầu mỏ thế giới.

Trong bài tóm tắt các cụm từ viết tắt nếu thông dụng thì không cần phải giải thích. Song nếu cụm từ không thông dụng thì phải giải thích rõ nghĩa, hoặc ghi đầy đủ trong ngoặc đơn ở lần sử dụng đầu tiên.

Ví dụ: Các từ viết tắt thông dụng như: IFLA, UNESCO không cần phải giải thích.

Song:

- Chương trình luyện thi TOEFLE,

Trong tóm tắt phải giải thích: TOEFLE (Test of English as a foreign language)

- Phương pháp biên soạn APTT

Trong tóm tắt phải ghi rõ: ATTT (ấn phẩm thông tin)

Khi biên soạn bài tóm tắt cho các đối tượng phổ thông cần hạn chế tối đa các công thức toán học, hoá học... Các công thức này chỉ được đưa vào bản tóm tắt trong trường hợp nếu không có chúng thì không thể hiện được nội dung của tài liệu gốc. Tuy nhiên nếu đó là sản phẩm thông tin dành cho các cán bộ chuyên ngành thì được phép sử dụng các công thức đó trong bản tóm tắt nhằm làm cho bản tóm tắt ngắn gọn và nén tin hơn.

Cũng hạn chế đến mức tối đa việc đưa các bảng, biểu, sơ đồ vào bài tóm tắt. Đối với các sản phẩm thông tin phổ thông thì không được phép đưa các bảng, biểu, sơ đồ vào bài tóm tắt, trong trường hợp cần thiết có thể mô tả chúng bằng lời. Tuy nhiên đối với những sản phẩm thông tin đặc biệt có thể đưa các bảng, biểu, sơ đồ ngắn gọn vào bản tóm tắt nếu chúng thực sự cần thiết.

Các từ nước ngoài được viết theo quy tắt phiên âm liền. Nếu trên tài liệu đã ghi theo kiểu phiên âm rời thì trong bảng tóm tắt bỏ các gạch nối giữa các âm tiết.

Ví dụ:

Trên tài liệu: 1. Cuộc đời của Đôt-xtôi-ep-xki
2. Thành phố Bec-ling

Tóm tắt: 1. Cuộc đời của Đôtxtôiepxki.
2. Thành phố Béclinh

Để có thể sử dụng hiệu quả tìm tin tự động hoá, các âm tiết tiếng Việt có hai nguyên âm y và i dùng nguyên âm i thay cho y nếu nó không làm biến âm của từ.

Ví dụ:

Viết hoạ sĩ thay cho họa sỹ

Mĩ thuật thay cho Mỹ thuật

Các thuật ngữ khoa học nói chung phải hiện đại và chính xác. Những thuật ngữ cơ bản của tài liệu nên dùng thuật ngữ của tác giả. Song đối với các thuật ngữ đã quá cũ, lỗi thời thì giải thích hoặc trình bày bằng thuật ngữ mới.

Ví dụ:

1) Đất nước và con người Cao Miên.

Tóm tắt: *Đất nước và con người Campuchia*

2) Bình luận và giới thiệu tác phẩm Ana Kha-lê-Ninh

Tóm tắt: *Bình luận và tác phẩm Anna Carênhina.*

5.3 Yêu cầu về hình thức trình bày

Trình bày các dữ liệu đã rút ra được dưới dạng một văn bản rõ ràng, súc tích và chuẩn xác. Đối với bài tóm tắt dành cho các biểu ghi thư mục trong một CSDL được trình bày như một đoạn văn liền tục không có

xuống dòng như một đoạn văn mới, để tránh máy tính nhầm với dấu hiệu phân biệt giữa các trường dữ liệu.

Với các mục đích sử dụng khác thì có thể xuống dòng bình thường khi cần thiết.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Theo đặc điểm nội dung, bài tóm tắt có mấy loại? Dựa vào bảng so sánh nhận diện bài tóm tắt mô tả và tóm tắt thông tin (trang 76-77) hãy xây dựng một bảng so sánh, nhận diện bài tóm tắt mô tả, tóm tắt hỗn hợp và tóm tắt phê phán.

2. Trình bày cách rút thông tin, dữ liệu cần thiết để biên soạn bài tóm tắt.

3. Yêu cầu đối với bài tóm tắt.

4. Bài chú giải và bài tóm tắt thường được ứng dụng trong các sản phẩm thông tin nào?

5. So sánh giữa tóm tắt phê phán và chú giải giới thiệu

Chương IV MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ LÝ NỘI DUNG TÀI LIỆU DẠNG CHÚ GIẢI, TÓM TẮT CHO CÁC CSDL THƯ MỤC CÓ NỘI DUNG TỔNG HỢP

Đối với các CSDL thư mục có nội dung tổng hợp gồm nhiều loại dạng tài liệu khác nhau như: Các dạng sách, bài báo, bài tạp chí, với nội dung khác nhau, có công dụng và mục đích khác nhau, do đó không thể đồng nhất trong cách xử lý nội dung mà phải tiếp cận theo nguyên tắc phân biệt.

Thông thường đối với các CSDL thư mục có nội dung tổng hợp các tài liệu được xử lý chủ yếu theo ba hình thức sau đây:

- Không làm tóm tắt /chú giải
- Chú giải chỉ dẫn
- Tóm tắt mô tả

1 NHÓM SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH THAM KHẢO CHO NHÀ TRƯỜNG

1.1 Các sách giáo khoa chính thống dùng trong nhà trường

Các sách giáo khoa phổ thông chính thống dùng trong nhà trường (Kể cả Bổ túc văn hoá) thường có nội dung đơn giản và phổ biến, được in đi in lại nhiều lần vì thế ở các cơ quan thông tin thư viện công cộng thường không làm tóm tắt, chú giải. Tuy nhiên đối với các thư viện trường học thì cũng có thể làm chú giải chỉ dẫn để giải thích rõ thêm những thay đổi qua các lần xuất bản, lần in để bạn đọc dễ dàng chọn lựa.

Ví dụ:

Văn 7

Toán 1 : Sách BTVH

Bài tập vật lí lớp 9

1.2 Các sách dùng cho giáo viên dạy chương trình chính thống của phổ thông (Kể cả BTVH)

Loại sách này cũng không làm tóm tắt, chú giải vì nội dung của chúng cũng cố định và lặp đi lặp lại qua nhiều lần tái bản.

Ví dụ:

Văn 6 : Sách giáo viên

Vật lí 3 : Sách giáo viên : Sách BTVH

1.3 Các loại sách đọc thêm

Các sách đọc thêm nhằm nâng cao kiến thức cho học sinh, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn trong trường phổ thông thì nên làm chú giải chỉ dẫn để thấy rõ được cấu trúc nội dung, đặc điểm hình thức của chúng.

Ví dụ:

1) Những bài văn hay lớp 5

Chú giải: *Tuyển tập những bài tập làm văn được giải của học sinh lớp năm trong các năm học từ 1990-1996. Dùng cho học sinh giỏi và học sinh có nhu cầu nâng cao kỹ năng viết văn.*

2) Tuyển tập các bài toán khó lớp 4-5

Chú giải: *Tuyển tập 150 bài toán khó thuộc chương trình học lớp 4-5 phổ thông và các đề thi học sinh giỏi toán toàn quốc năm 1997-1998 kèm theo lời giải cuối sách. Dùng cho học sinh khá giỏi.*

Các sách đọc thêm dạng sổ tay, cầm nang dùng cho học sinh phổ thông cũng được xử lý dạng chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

1) Nguyễn Dược. Sổ tay thuật ngữ địa lí : Dùng trong trường phổ thông trung học / Nguyễn Dược. - H. : Giáo dục, 1997. - 211tr. ; 19cm

Chú giải: *Giới thiệu những thuật ngữ riêng về địa lí và những thuật ngữ có liên quan đến địa lí thuộc các môn học khác như: Địa chất, vật lí hoá học, kinh tế, lịch sử... lấy từ sách giáo khoa địa lí dùng trong trường phổ thông và các tài liệu phổ biến khoa học về địa lí*

2) Nguyễn Văn Thoại. Sổ tay lý thuyết hoá học cấp 3 / Nguyễn Văn Thoại. - H.: Nxb. Hà Nội, 1997. - 210tr. ; 15cm

Chú giải: *Tóm tắt các khái niệm cơ bản, cấu tạo chất, trạng thái tập hợp dung dịch, phản ứng ôxy hoá khử thuộc phần hoá học đại cương; Tính chất chung của kim loại và tính chất của một số phi kim loại điển hình*

3) Sổ tay kiến thức tiếng Việt : Trung học cơ sở / Đỗ Việt Hùng. - H.: Giáo dục, 1998. - 95tr. ; 18cm

Chú giải: *Hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về tiếng Việt trong chương trình các lớp 6, 7, 8, 9, như: Từ ngữ, ngữ pháp, văn bản, biện pháp tu từ*

1.4 Các loại sách luyện thi phổ thông

Sách dùng cho mục đích ôn luyện để thi hết cấp, thi hết năm học cho học sinh phổ thông các cấp cũng xử lý dạng chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

1) Toán 5 : Sách luyện thi tốt nghiệp tiểu học. - H.: Giáo dục, 1997. - 150tr.

Chú giải: *Gồm những tóm tắt lý thuyết cơ bản của môn toán lớp 5 và các bài tập củng cố kiến thức giúp học sinh lớp năm thi tốt nghiệp.*

2) Bộ đề thi môn toán : Dùng luyện thi cao đẳng và đại học. - H.: Giáo dục, 1996. - 350tr.

Chú giải: *Sưu tập các bộ đề thi đại học khối A, B về môn toán trong những năm 1992-1995 và lời giải của các đề thi đó.*

1.5 Các loại sách viết về phương pháp giảng dạy các môn học ở phổ thông

Những loại sách viết về phương pháp giảng dạy cho các môn học ở phổ thông như một công trình nghiên cứu mang tính lý luận và thực tiễn, các sách lý luận chung về sư phạm phải làm tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

1) Kinh nghiệm giảng dạy theo chủ đề. - H.: Giáo dục, 1983. - 19cm

T.1: Gây hứng thú cho học tập lịch sử : Cho học sinh phổ thông Trung học / Phan Ngọc Liên...

Tóm tắt: *Kinh nghiệm giảng dạy môn học lịch sử trong trường phổ thông trung học của một số giáo viên. Giới thiệu các phương pháp gây hứng thú học môn học này như: Sử dụng đồ dùng trực quan, hệ thống câu hỏi gợi trí thông minh, công tác ngoại khoá (Tham quan bảo tàng, di tích lịch sử).*

2) Giảng dạy môn tiếng Việt lớp 1 phổ thông. - H.: Vụ giáo dục phổ thông, 1988. - 196tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Những vấn đề mang tính chỉ đạo bộ môn, nội dung đã được triển khai sau các hội nghị "Cải tiến phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Việt". Một số bài viết về vấn đề cơ bản thuộc phương pháp giảng dạy môn tiếng Việt ở lớp 1*

3) Tài liệu bồi dưỡng giáo viên vật lý PTTH / Nguyễn Đức Thâm.... - H.: Trường đại học sư phạm I, 1990. - 109tr.

Tóm tắt: *Nội dung yêu cầu và phương pháp giảng dạy những vấn đề cơ bản trong chương trình vật lí 10 cho giáo viên : Động lực học, tĩnh học, các định luật bảo toàn.*

2. SÁCH DÙNG CHO CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP, ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC

2.1 Các giáo trình trung học chuyên nghiệp, đại học, sau đại học

Các loại giáo trình và các tài liệu giáo khoa tham khảo dùng cho các bậc học này đều có nội dung sâu sắc cấu trúc mạch lạc rõ ràng nên khi xử lý nên chọn dạng tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

1) Trần Kiên. Động vật có xương sống : Dùng chung cho các trường đại học sư phạm / Trần Kiên (ch.b), Nguyễn Thái Tự. - H.: Giáo dục, 1992. - 172tr. ; 27cm

Tóm tắt: *Khái quát những đặc điểm cấu tạo, hình thái, sinh học của các nhóm, các lớp động vật có xương sống như: Nhóm có hàm và*

không có hàm, lớp cá xương, lớp lưỡng thê, lớp bò sát, lớp chim, lớp thú. Tổng kết về nguồn gốc và tiến hoá của động vật có xương sống.

2) Trần Văn Bốn. Giáo trình thống kê toán học / Trần Văn Bốn. - H.: Thống kê, 1993. - 104tr ; 27cm

Tóm tắt: *Nghiên cứu những vấn đề về lý thuyết chọn mẫu, các số liệu đặc trưng của mẫu, một số quy luật phân phối xác suất và các bài toán cơ bản trong thống kê toán học; Phương pháp ước lượng tham số và kiểm định giả thiết; Lý thuyết tương quan và hồi quy; Phân tích phương sai một và hai nhân tố.*

2.2 Các dạng sách bài tập, thực hành của trung học chuyên nghiệp, đại học, cao học...

Nhóm sách này thường có cấu trúc nội dung không đồng nhất nên có thể xử lý dạng tóm tắt mô tả hay chú giải chỉ dẫn tùy thuộc vào cấu trúc nội dung của tài liệu.

Ví dụ:

1) Nguyễn Mạnh Yên. Bài tập cơ học kết cấu / Nguyễn Mạnh Yên. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 1995. - 112tr. ; 27cm. - T.3

Chú giải: *Các đề bài tập về sơ đồ tính, số liệu tính toán và yêu cầu thực hiện. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các chương trình tính toán để thực hiện các bài tập. Phụ lục giới thiệu listing của hai chương trình nguồn: Tính tám trong trạng thái phẳng và tính tám chịu uốn theo phương pháp phân tử hữu hạn.*

2) Nguyễn Văn Tông. Thực hành hoá học hữu cơ / Nguyễn Văn Tông. - H.: Giáo dục, 1998. - 152tr. ; 21cm

Chú giải: *Gồm hơn 100 bài thí nghiệm lượng nhỏ chứng minh tính chất hoá học chủ yếu nhất của các hợp chất hữu cơ cơ bản. Hướng dẫn trả lời một số câu hỏi hoặc giải thích một số hiện tượng sinh ra trong quá trình phản ứng.*

3) Nguyễn Thế Khải. Phân tích hoạt động kinh tế : Tóm tắt lý thuyết, câu hỏi ôn tập, bài tập tình huống và bài tập thực hành / Nguyễn Thế Khải ch.b. - H.: Tài chính, 1998. - 87tr.

Tóm tắt: *Lý luận chung của phân tích hoạt động kinh tế. Phân tích tình hình sản xuất và giá thành sản phẩm. Phân tích tình hình thu, nhập và kết quả kinh doanh, tài chính trong doanh nghiệp. Dùng cho các trường đại học kinh tế.*

3 NHÓM SÁCH VĂN HỌC

3.1 Các tác phẩm văn học đơn lẻ

Các tác phẩm văn học đơn lẻ như tiểu thuyết, thơ, truyện ngắn không làm tóm tắt, chú giải

Ví dụ:

- 1) Thời xa vắng : Tiểu thuyết
- 2) Nắng thu : Thơ

3.2 Các tuyển tập các tác phẩm của một hay nhiều tác giả

Các tuyển tập các tác phẩm của một hay nhiều tác giả thường được xuất bản với những mục đích phục vụ nghiên cứu khác nhau, có định hướng rõ ràng, nên khi xử lý nên dùng loại chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

- 1) Anh Đức. Tuyển tập Anh Đức : Hai tập. - H.: Văn học, 1997. - T.1: 663t.

Chú giải: *Lời giới thiệu của Chu Giang về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Anh Đức. Hai tiểu thuyết nổi tiếng của ông là: Một chuyện ghi chép ở bệnh viện và Hòn Đất.*

- 2) Bùi Kim. Người bạn hàng phố / Bùi Kim, Trần Hoàng Bách. - H.: Báo Người Hà Nội, 1985. - 223tr. ; 19cm

Chú giải: *Gồm hai truyện vừa "Người bạn hàng phố" của Bùi Kim và "Người cùng sự đoàn" của Trần Hoàng Bách.*

- 3) Nam Cao. Tuyển tập Nam Cao

Chú giải: *Tuyển tập gồm hai tiểu thuyết: "Người hàng xóm", "Sống mòn" và 15 truyện ngắn của Nam Cao viết trước Cách mạng tháng Tám.*

3.3 Các kịch bản sân khấu, điện ảnh đơn lẻ

Dạng tài liệu này, cũng như các tác phẩm văn học nêu trên không cần làm tóm tắt, chú giải.

Ví dụ:

- 1) Bài ca giữ đất : Kịch bản chèo 2 màn. - H.: Văn học, 1992. - 180tr.
- 2) Thiên Kiều Công chúa : Kịch bản cải lương. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1993. - 99tr.

3.4 Các tuyển tập kịch bản của một tác giả hoặc nhiều tác giả

Các tuyển tập kịch bản của một hoặc nhiều tác giả khác nhau thì làm chú giải chỉ dẫn để có thể mô tả rõ đặc điểm hình thức và nội dung của tài liệu.

Ví dụ:

1) Vụ án Evôtxtorat : Tập kịch Liên Xô / Grigôrin Gôrin, Mikhain Rôsin, Alexandơ Ghenman. - H.: Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, 1983. - 302tr.

Chú giải: *Gồm ba vở kịch xuất sắc của nền điện ảnh Xô Viết trong những năm 70: Vụ án Evôt Xtorat, Valentin và Valentina, Chúng tôi ký tên dưới đây*

2) Popốp, A.. Vở diễn và đạo diễn / A. Popốp, Đ.I. Braghim ; Đức Kôn, Tất Thắng dịch. - H.: Hội nghệ sĩ sân khấu, 1982. - 275tr. ; 19cm

Chú giải: *Gồm hai kịch bản đang có tiếng tăm trên sân khấu của Liên Xô. Vở kịch "Người đàn bà sau tấm cửa xanh" của Đ.I. Braghim và đặc biệt vở "Vở diễn và đạo diễn" của A. Popốp nêu lên những vấn đề phức tạp của nghệ thuật đạo diễn và sự sáng tạo của nền sân khấu hiện đại.*

3.5 Các tuyển tập gồm nhiều thể loại văn học khác nhau

Các tuyển tập thuộc nhiều thể loại văn học khác nhau của một hoặc nhiều tác giả khác nhau đều làm chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

1) Khoảng cách : Tập sáng tác về ngành thống kê / Sỹ Hồng... - H.: Thống kê, 1985. - 217tr. ; 19cm

Chú giải: *Tập hợp các sáng tác truyện, thơ, kịch, nhạc của nhiều tác giả hưởng ứng cuộc vận động sáng tác về ngành thống kê nhân kỷ niệm 25 năm thành lập (1956-1981).*

2) Điểm tựa : Tập sáng tác / Gia Dũng, Phù Ninh, Nguyễn Hữu Nhân. - H.: Hà Tuyên : Hội văn học nghệ thuật Hà Tuyên ; Vĩnh Phú : Hội văn học nghệ thuật Vĩnh Phú, 1985. - 191tr.

Chú giải: *Tập hợp các sáng tác như kí, tùy bút, truyện ngắn, thơ, kịch bản, nhạc của các hội viên hội Văn học nghệ thuật Vĩnh Phú và Hà Tuyên.*

3.6 Các hồi ký, bút ký, phóng sự, tùy bút

Các thể loại văn học này đều phản ánh chân thực hiện thực khách quan, đó là các sự kiện, hiện tượng chính trị xã hội, vì thế đều phải xử lý

dạng chú giải chỉ dẫn hoặc tóm tắt mô tả tùy thuộc vào mức độ sâu sắc hoặc đơn giản của nội dung tài liệu.

Các hồi ký, bút ký, phóng sự riêng lẻ, xử lý dạng tóm tắt mô tả

Ví dụ:

1) Hoang Van Thai. How South Vietnam was liberated : Memory / Hoang Van Thai. - H.: The gioi, 1992. - 251tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Diễn biến tình hình trên chiến trường miền Nam. Hoạt động sẵn lòng cộng sản của các lực lượng quân sự Mỹ - Thiệu, kế hoạch im lặng bí mật chuẩn bị tổng tấn công của quân giải phóng miền Nam. Những vấn đề nảy sinh trong tình hình mới cho cách mạng Việt Nam và kế hoạch chiến lược. Trận đánh mưu trí, đòn quyết định diễn ra ở Buôn Mê Thuột tháng 3 - 1975. Tổng tiến công và sự kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.*

2) Navarre, Henri. Thời điểm của những sự thật : Trích hồi ký của tướng Navarre về Điện Biên Phủ / Henri Navarre ; Nguyễn Huy Cầu dịch. - H.: Công an nhân dân ; Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 1994. - 414tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Tình hình Đông Dương khi tướng Nava tới. Kế hoạch Nava và việc tổ chức thực hiện nó. Quan hệ giữa Pháp, Mỹ cùng các quốc gia liên kết ở Đông Dương. Những cuộc hành quân của Pháp trước trận Điện Biên Phủ. Diễn biến của trận Điện Biên Phủ. Tình hình quân sự, chính trị sau thất bại Điện Biên Phủ của Pháp.*

Các tuyển tập các bút ký, hồi ký, phóng sự... xử lý dạng chú giải chỉ dẫn

Ví dụ:

1) Người là Hồ Chí Minh : Tập hồi ký / Tố Hữu, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Tưởng... ; Phong Vũ sưu tầm, biên soạn. - H.: Nxb. Hội Nhà văn, 1995. - 265tr. ; 19cm

Chú giải: *Tập hợp các hồi ký viết ở nhiều thời điểm khác nhau của các nhà văn, nhà thơ Việt Nam và thế giới về Hồ Chí Minh.*

2) Hồi ký cách mạng : Tuyển chọn / Trần Dân Tiên, Bùi Lâm, Trần Cung... - H.: Nxb. Hội Nhà Văn, 1995. - 440tr. ; 19cm

Chú giải: *Tuyển tập những bài viết của các cán bộ cao cấp, các nhà hoạt động và chiến sĩ cách mạng trong các chặng đường lịch sử chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc Việt Nam.*

3.7 Các tác phẩm văn học dân gian

Các tác phẩm văn học dân gian đơn thuần thì không làm tóm tắt, chú giải. Tuy nhiên đối với các công trình được sưu tầm diễn dã, có sự khảo cứu, sắp xếp công phu nên chú giải về nội dung, điều kiện sưu tầm....

Ví dụ:

1) Mo lên trời / Hoàng Anh Nhân sưu tầm, phiên âm, dịch thơ

Chú giải: *Là bài ca đưa hồn người chết lên cõi vĩnh hằng, tác phẩm tối cổ của dân tộc Mường được sưu tầm tại vùng núi phía Bắc Bắc Bộ. kèm lời giới thiệu của Trần Lê Văn*

2) Nguyễn Đồng Chi. Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam / Nguyễn Đồng Chi. - H.: Viện Văn học, 1993

T.5: 2740tr.

Chú giải: *Gồm những truyện cổ tích Việt Nam được sắp xếp theo các Motíp kèm các phần khảo cứu về dị bản của tác giả sưu tầm.*

Các sách gồm tác phẩm văn học dân gian được in kèm với phần nghiên cứu, khảo cứu, khảo sát, chú thích... đều phải làm chú giải chỉ dẫn hoặc tóm tắt mô tả, tùy vào nội dung của sách.

Ví dụ:

1) Nguyễn Đồng Chi. Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam / Nguyễn Đồng Chi. - H.: Viện Văn học, 1993. - 508tr. ; 19cm. - T.1

Tóm tắt: *Đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp nghiên cứu văn học, khoa học của Nguyễn Đồng Chi. Đặc trưng của truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích Việt Nam nói riêng. Bản chất, lai lịch của truyện cổ tích. Truyện cổ tích Việt Nam qua các thời đại. Sưu tập các truyện cổ tích thần kỳ và khảo dị của chúng.*

2) Đặng Văn Lung. Mo Mường và nghi lễ tang ma / Đặng Văn Lung. - H.: Văn hoá dân tộc, 1996. - 579tr. ; 19cm.

Chú giải: *Vai trò của mo ma trong đám tang người Mường và một số hướng tiếp cận, nghiên cứu mo ma. Bản mo ma sưu tầm ở Hoà Bình và nội dung của nó.*

3.8 Các sách nghiên cứu văn học

Các sách nghiên cứu văn học đều được xử lí dạng tóm tắt mô tả

Ví dụ:

1) Đỗ Lai Thúy. Con mắt thơ : phê bình phong cách thơ mới / Đỗ Lai Thúy. - H.: Lao động, 1992. - 278tr.

Tóm tắt: *Từ những nhận định chung về thơ mới, tác giả nhận định, phân tích, tìm tòi phong cách của những nhà thơ mới tiêu biểu như Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Nguyễn Bính...*

2) Nguyễn Hải Hà. Thi pháp tiểu thuyết L. Tônxtôi : Đọc chiến tranh và hoà bình : Chuyên luận / Nguyễn Hải Hà. - H.: Giáo dục, 1992. - 184tr. ; 22cm.

Tóm tắt: *Phương pháp sáng tác của nhà văn Nga Lep Tônxtôi thông qua tiểu thuyết "Chiến tranh và hoà bình". Nghệ thuật lựa chọn các nguyên mẫu nhân vật, tính sáng tạo và tính lịch sử của tác phẩm, cái tôi trong tác phẩm Lep Tônxtôi.*

3) Tác giả văn học Việt Nam / Nguyễn Đăng Mạnh. - H.: Giáo dục, 1992. - 166tr. ; 21cm

Tóm tắt: *Sơ lược về tiểu sử, sáng tác văn học và sự đóng góp cho nền văn học hiện đại của 90 tác giả Việt Nam: Hồ Chí Minh, Anh Đức, Anh Thơ, Bằng Việt, Bùi Hiển...*

4 NHÓM SÁCH THIẾU NHI

4.1 Tác phẩm văn học thiếu nhi

Các tác phẩm văn học thiếu nhi mang tính hư cấu, cũng như các tác phẩm văn học đơn lẻ không làm chú giải, tóm tắt.

Ví dụ:

- 1) Đô-rê-môn chú mèo máy thông minh : Truyện tranh
- 2) Võ Quảng. Quê nội : Tiểu thuyết
- 3) Tô Hoài. Dế mèn phiêu lưu kí : Truyện dài

4.2 Các tác phẩm thiếu nhi dạng hồi ký, bút ký, truyện kí

Các tác phẩm văn học thuộc những thể loại này về các vùng của đất nước, về các danh nhân văn hoá, lịch sử, về gương người tốt, việc tốt... nên làm chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

1) Nguyễn Khắc Thuần. Danh tướng Việt Nam / Nguyễn Khắc Thuần. - H.: Giáo dục, 1996. - T.1: 188tr.

Chú giải: *Đôi nét về lịch sử, đóng góp quân sự của 22 vị danh tướng Việt Nam thế kỷ X - cuối XIX như: Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, Phan Cự Lang, Lý Thường Kiệt, Tông Đản...*

2) Ngọc Quả. Quyển vở không trang cuối : Truyện ký / Ngọc Quả. - Hải Phòng: Nxb. Hải Phòng, 1998. - 118tr. ; 21cm

Chú giải: *Tám gương của em Trịnh Văn Hoà, con một gia đình công nhân sơ tán về xã Lâm Đồng đã dũng cảm hy sinh thân mình cứu bạn dưới làn mưa đạn bom của máy bay Mỹ.*

3) Thiên Lương. Tiếng hót chim Put Kut : Thú rừng Tây Nguyên / Thiên Lương. - H.: Văn hoá dân tộc, 1996. - 30tr. - 19cm. - (Tủ sách dùng cho nhà trường)

Chú giải: *Giới thiệu những con chim: ung, cú mèo, phượng hoàng, đại bàng đất, hoạ mi, anh vũ... và thiên nhiên của núi rừng Tây Nguyên.*

4.3 Các sách khoa học thường thức dành cho thiếu nhi

Sách khoa học thường thức, sách phổ biến kiến thức khoa học dành cho thiếu nhi đều làm chú giải chỉ dẫn, hoặc tóm tắt mô tả tuý từng trường hợp cụ thể.

Ví dụ:

1) Các thói quen nguy hiểm : Truyện tranh khoa học / Hugh Hawes ; Nhóm Enfants et Development Nha Trang dịch và hiệu đính. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1997. - 31tr.

Chú giải: *Qua cách vẽ hấp dẫn, truyện tranh đã phân tích sự nguy hiểm của các thói quen bất chước người lớn như hút thuốc, uống rượu và quan hệ tình dục sớm dẫn đến tệ nạn xã hội, giúp trẻ em ý thức được những tác hại của các hành vi tương tự như đơn giản đó.*

2) Tri thức bách khoa cho em / Nguyễn Mộng Hưng ch.b. - Nghệ An: Nxb. Nghệ An, 1998. - 243tr.. - (Tủ sách khoa học)

Tóm tắt: *Giải đáp các vấn đề khoa học thường thức liên quan đến sinh hoạt hàng ngày, khoa học về loài vật, cỏ cây, côn trùng, cá, về trái đất, thiên văn và khoa học về cơ thể người.*

3) 400 câu đố luyện trí thông minh / Duy Phi b.s. - H.: Nxb. Hà Nội, 1997. - 97tr. ; 19cm

Chú giải: *Tuyển tập 400 câu đố rèn luyện trí thông minh, phản ứng linh hoạt để góp phần cho những buổi sinh hoạt tập thể, vui chơi giải trí của thiếu niên, nhi đồng thêm sinh động và hấp dẫn.*

5. NHÓM SÁCH VỀ ĐỊA DANH

Nhóm sách có nội dung tổng hợp về địa lý, lịch sử, văn hoá kinh tế của một địa danh, một vùng, một nước đều làm tóm tắt mô tả

Ví dụ:

1) Địa chí Diêm Phố - Ngự Lộc / Đào Phụng b.s. - Thanh Hoá: Sở văn hóa thông tin Thanh Hoá, 1992. - 155tr. ; 22cm

Tóm tắt: *Vị trí địa lý, dân số và thiên nhiên xã Ngự Lộc (Hậu Lộc - Thanh Hoá). Những nét chính về tổ chức dân cư - thiết chế - dòng họ làng xã. Truyền thống cách mạng của Ngự Lộc, văn hoá truyền thống, văn hoá giáo dục, cùng các phong tục tập quán cổ truyền của Diêm Phố - Hậu Lộc.*

2) Đà Lạt thành phố cao nguyên : Kỷ niệm 100 năm hình thành và phát triển (1893-1993) / Ch.b: Trương Trồ. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1993. - 392 ; 19cm

Tóm tắt: *Vị trí địa lí, địa hình, thổ nhưỡng và thiên nhiên Đà Lạt. Lịch sử quá trình 100 năm hình thành và phát triển đô thị Đà Lạt. Kiến trúc cảnh quan, cư dân thành phố, phong cảnh người Đà Lạt. Đôi nét về lịch sử, kinh tế, truyền thống của Đà Lạt.*

3) Hà Tây làng nghề - làng văn / Phụng Vũ, Kiều Thu Hoạch, Nguyễn Xuân Diện. - Hà Tây: Sở văn hoá thông tin Hà Tây, 1994. - 352tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Giới thiệu đặc điểm về môi trường địa lí, sắc thái văn hoá riêng biệt của các làng quê nổi danh của tỉnh Hà Tây. truyền thống hiếu học, đôi nét về các danh nhân, các di tích lịch sử văn hoá của mỗi làng.*

Những sách về từng khía cạnh của một địa danh như: Kinh tế, văn hoá, giáo dục.. cũng làm tóm tắt mô tả.

6. NHÓM SÁCH VỀ CÁC NHÂN VẬT, TÁC GIẢ

6.1 Các sách về tiểu sử và sự nghiệp của nhân vật hay tác giả

Tài liệu về tiểu sử, sự nghiệp của một tác giả được xử lí dạng tóm tắt mô tả. Trong đó phải ghi rõ những thông tin nhận dạng cơ bản của nhân vật và tác giả đó như thời gian sống, nghề nghiệp hoặc lĩnh vực hoạt động, quốc tịch (đối với các tác giả, nhân vật nước ngoài) dù những thông tin đó không có trong tài liệu được xử lí, hoặc chưa thể hiện rõ ở phần mô tả Thư mục

Ví dụ:

1) Vũ Ngọc Khánh. Phan Kính - con người và sự nghiệp / Vũ Ngọc Khánh, Chương Thâu. - H.: Khoa học xã hội, 1994. - 226tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Thân thế, gia tộc của Phan Kính (1715-1761) - nhà văn, danh nhân lịch sử đầu thế kỷ 18. Các tác phẩm thơ văn bằng chữ Hán, chữ Nôm, các bài văn thi hội, thi đình của ông. Văn bia từ đường họ Phan và các giai thoại dân gian về Phan Kính.*

2) Hoàng Xuân Hãn. La Sơn Phu Tử / Hoàng Xuân Hãn. - H.: Văn học, 1993. - 400tr. ; 21cm

Tóm tắt: *Gốc tích và gia thế của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp (1423-1504) . Cuộc đời và sự nghiệp của ông qua các giai đoạn từ ấu thơ đến lúc làm quan và giao thiệp với các nhân vật thuộc triều đình phong kiến Việt Nam thế kỷ 18. Văn thơ và các công trình thuật số học, tâm lí học và quan điểm chính trị của ông.*

6.2 Tài liệu giới thiệu về nhiều nhân vật, tác giả

Tài liệu giới thiệu về nhiều nhân vật, nhiều tác giả như một tuyển tập được xử lí dạng chú giải chỉ dẫn, hoặc tóm tắt mô tả, tùy từng nội dung của tài liệu.

Ví dụ:

1) Nhân vật lịch sử và danh nhân văn hoá thế giới / Đặng Đức An chủ biên. - H.: Giáo dục, 1994. - 212tr. ; 21cm

Tóm tắt: *Khái quát thân thế, sự nghiệp, những đóng góp cho nhân loại của 200 danh nhân lịch sử và văn hoá trên thế giới.*

2) Nguyễn Đắc Xuân. Chín đời chúa, mười ba đời vua Nguyễn / Nguyễn Đắc Xuân. - Huế: Nxb. Thuận Hoá, 1996. - 215tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Cuộc đời và sự nghiệp của 9 đời chúa, 13 đời vua Nguyễn từ 1558-1945: Những đóng góp của họ cho lịch sử dân tộc, và những sai lầm, thiếu sót của một số vua gây ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử Việt Nam. Giới thiệu về dòng họ Nguyễn, giải thích cách đặt tên, nghĩa và cách sử dụng 300 từ thường gặp khi tiếp xúc với sách vở triều Nguyễn.*

3) Danh nhân Nghệ Tĩnh / Trần Bá Chí, Phan Huy Lê, Nguyễn Huệ Chi... - Vinh: Nxb. Nghệ Tĩnh, 1984. - 188tr. - T.3

Chú giải: *Viết về các danh nhân Nghệ Tĩnh như: Bạch Liên, Nguyễn Xí, Phan Huy ích, Trần Tài, Nguyễn Nguyên Thành, Nguyễn Trường Tộ, Lê Hồng Sơn, Lý Tử Trọng...*

7. NHÓM SÁCH TRA CỨU, TỪ ĐIỂN

7.1 Các từ điển ngôn ngữ song ngữ

Từ điển song ngữ thường không không xử lý tóm tắt, chú giải. Tuy nhiên nếu có loại từ điển song ngữ có những đặc điểm đặc biệt về cách trình bày, lịch sử ra đời... thì làm chú giải

Ví dụ:

1) Hoàng Văn Ma. Từ điển Việt - Tày Nùng / Hoàng Văn Ma, Lục Văn Pảo. - H.: Khoa học xã hội, 1984. - 534tr. ; 19cm

Không chú giải, tóm tắt

2) Từ điển Pháp - Việt: Khoảng 4250 từ / Nguyễn Tử Chi, Nguyễn Phú Thăng, Nguyễn Tiến Long. - H.: Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1978. - 598tr. ;19cm

Không chú giải, tóm tắt

3) Hoàng Học. Từ điển Khome - Việt / Hoàng Học. - H.: Khoa học xã hội, 1979. - 994 ; 21cm

Chú giải: *Bao gồm những từ Khome thường dùng được sắp xếp theo lĩnh vực sinh hoạt, kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học... Một số từ gốc Pali và Sangsacorôt đang được dùng phổ biến trong báo chí và thơ ca.*

7.2 Các từ điển thuật ngữ chuyên ngành đơn ngữ hay đa ngữ

Từ điển thuật ngữ chuyên ngành đều được làm chú giải chỉ dẫn hay tóm tắt mô tả tùy thuộc vào cấu trúc nội dung của từ điển.

Ví dụ:

1) Từ điển Vật lí / Dương Trọng Bái, Đào Vọng Đức, Nguyễn Xuân Hy... - H.: Khoa học và kỹ thuật, 1982. - 672tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Định nghĩa và giải thích các thuật ngữ về cơ học, vật lí phân tử và nhiệt học, điện tử học, quang học, quang phổ, vật lí nguyên tử hạt nhân, vật lí chất rắn, vô tuyến điện tử, vật lí trái đất và vật lí lý thuyết.*

2) Từ điển kỹ thuật vô tuyến điện Nga - Việt / Phạm Văn Bảy. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 1987. - 303tr. ; 26cm

Chú giải: *Khoảng 20000 thuật ngữ thông dụng thuộc các lĩnh vực cơ bản của vô tuyến điện tử được sắp xếp theo vần chữ cái tiếng Nga.*

7.3 Các sách tra cứu dạng cầm nang, sổ tay

Các sách tra cứu dạng cầm nang, sổ tay đều xử lý nội dung dạng tóm tắt mô tả

Ví dụ:

1) Trần Tế Tục. Sổ tay người trồng vườn / Trần Thế Tục. - H: Nông nghiệp, 1994. - 196tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Cung cấp những kiến thức cần thiết, kỹ thuật cụ thể giúp các chủ vườn cải tạo hợp lý, đầu tư đúng mức, khai thác tốt đất vườn đạt hiệu quả kinh tế cao như: Nhân giống cây ăn quả và các loại rau.*

2) Zombeck, Martin V. Handbook of space astronomy and astrophysics / M.V. Zombeck. - Cambridge University press, 1990. - 440tr.; 22cm

Tóm tắt: *Đại cương về thiên văn học, vật lý học, vật lý thiên văn, radio, tia cực tím, các tia (X - gamma, tia vũ trụ) ; Bầu khí quyển trái đất và môi trường trong khoa học không gian; những thông tin về vật lý nguyên tử, chiếu xạ điện từ và vật lý Plasma; Các cuộc thí nghiệm và dụng cụ dùng trong thí nghiệm để nghiên cứu các vấn đề trên.*

3) Townsend, Carl. Cẩm nang sử dụng Microsoft Windows 3 / Carl Townsend; Dương Chiêu Anh, Hồ Hồng Lĩnh dịch. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 1992. - 428tr.

Tóm tắt: *Phần mềm Microsoft Windows và những ứng dụng trong các chương trình quản lý. Những khái niệm giao diện đồ họa người sử dụng, các thuật ngữ của Windows. Tuyển tập các kỹ thuật nâng cao như điều khiển máy in, khách hàng hoá Windows... Cách cài đặt quản lý bộ nhớ xử lý, xử lý các sự cố kỹ thuật.*

7.4 Các loại từ điển bách khoa, bách khoa thư

Các từ điển bách khoa và bách khoa thư đều được xử lý nội dung dạng tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

1) Bách khoa toàn thư về thế giới / Khắc Thành, Lê Xuân, Xuân Hà... b.s. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 1994. - 203tr. ; 27cm

Tóm tắt: *Tóm tắt lịch sử thế giới từ 1945 đến nay: Tình hình và lịch sử kinh tế, các nền văn hóa, các tôn giáo trên thế giới. Vấn đề môi trường và địa lý chính trị các nước trên thế giới.*

2) Pictorial encyclopedia of Japanese culture: The soul and heritage of Japan / Nakayama Kaneyoshi. - Tokyo: Gakben, c' 1993. - 130tr. ; 25cm

Tóm tắt: *Giới thiệu tóm tắt bằng hình ảnh đặc trưng đất nước, khí hậu, truyền thống, di sản văn hoá, như kiến trúc, tôn giáo, lễ hội, sân*

khẩu, hội họa, phong tục, tập quán, cách uống trà, ăn mặc, vườn và cách cắm hoa Nhật Bản, đồ chơi, võ sĩ đạo, chính trị, ngôn ngữ và một số đặc trưng phương Tây hoá đời sống Nhật Bản.

8. NHÓM SÁCH TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

8.1 Các tiêu chuẩn đơn lẻ

Các tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn nhà nước, ISO đơn lẻ đều được xử lý nội dung dạng tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

1) 22TCN-211-93. Quy trình thiết kế áo đường mềm. - Thay thế 22TCN 202-90 ; Có hiệu lực từ 30/6/93. - H.: Giao thông vận tải, 1993. - 112tr. + 3 tờ biểu đồ. - 19cm

Tóm tắt: Cấu tạo kết cấu áo đường mềm. Tính toán cường độ và bề dày áo đường. Thiết kế tăng cường áo đường cũ và tính toán so sánh kinh tế kỹ thuật các phương án kết cấu áo đường.

2) TCVN 3235-79. Khoai tây giống cũ để giống: Yêu cầu kỹ thuật và bảo quản. - Có hiệu lực từ 1/1/1981. - H., 1982. - 12tr.

Tóm tắt: Áp dụng cho khoai tây được thu hoạch và tiến hành chọn lọc từ ruộng giống của các cơ sở quốc doanh và tập thể trồng khoai tây. Những yêu cầu kỹ thuật của ruộng khoai tây giống, cách bảo quản, phương pháp thử, đóng gói, vận chuyển khoai tây giống.

8.2 Các tập tiêu chuẩn

Các tuyển tập gồm nhiều tiêu chuẩn khác nhau được làm chú giải chỉ dẫn

Ví dụ:

1) TCVN 3636-81. Quặng thiếc: Phương pháp thử. - Có hiệu lực từ 1-7-1982. - H. ; 1982. - 42tr.

Chú giải: Gồm các tiêu chuẩn nhà nước từ số 3136-81 đến 3648-81 về các phương pháp phân tích hoá học, xác định độ ẩm, hàm lượng thiếc, nhôm ôxit, vonfram ôxit, silic dioxit, lượng asen, bitmut antimon, chì, đồng và kẽm, canxi và Magie ôxit trong quặng thiếc.

2) TCVN 2831-79. Hiệu quả kinh tế của tiêu chuẩn hoá. - Khuyến khích áp dụng. - H., 1982. - 32tr.

Chú giải: Gồm 6 tiêu chuẩn nhà nước về hiệu quả kinh tế của Tiêu chuẩn hoá. Các phương pháp xác định hiệu quả kinh tế: Xác định

chi phí xây dựng tiêu chuẩn, thu thập phân tích và xử lý số liệu, giá thành sản phẩm.

9. CÁC SÁCH DẠNG TUYỂN TẬP HOẶC SƯU TẬP

9.1 Tuyển tập các bài báo, các báo cáo khoa học

Các sách gồm nhiều tác phẩm riêng biệt, các bài báo, báo cáo khoa học, các tác phẩm in chung của nhiều tác giả đều được xử lý dạng chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

1) Tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học và kỹ thuật nông nghiệp (1981-1985): Phân chăn nuôi - Thú y / B.s: Trịnh Văn Thịnh, Trần Xuân Thọ, Phạm Ngũ, Mai Phụng. - H.: Nông nghiệp, 1985. - 207tr. ; 26cm

Chú giải: *Tuyển tập 33 bài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về chỉ số chọn lọc, chỉ tiêu cơ bản của đàn gia súc. Những công trình nghiên cứu về thức ăn gia súc, chọn lọc và lai tạo giống, phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.*

2) Các nhà văn nói về văn / Chế Lan Viên, Chu Văn, Hoàng Phủ Ngọc Tường. - H.: Tác phẩm mới, 1985. - 234tr. ; 19cm

Chú giải: *Một số bài viết, bài phát biểu của các nhà văn, nhà nghiên cứu phê bình văn học và kinh nghiệm sáng tác văn học.*

9.2 Các tuyển tập có cùng chủ đề

Các tuyển tập tác phẩm khác nhau của cùng một tác giả nếu đề cập đến một chủ đề thì làm chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

1) Hồ Chí Minh. Về xây dựng Đảng / Hồ Chí Minh. - H.: Sự thật, 1981. - 240tr. ; 19cm

Chú giải: *Tập hợp các bài viết về công tác xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cùng cố các tổ chức đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Vai trò của Đảng viên và tiêu chuẩn phấn đấu, tu dưỡng của Đảng viên.*

2) Trường Chinh. Hương hoa đất nước: Nghiên cứu - Tiểu luận. - H.: Văn học, 1979. - 307tr. ; 19cm

Chú giải: *Các bài tiểu luận về các nhà văn, nhà thơ Việt Nam như Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Đặng Thai Mai, Hồ Chí*

Minh. Truyền thống văn học của người dân Việt Nam với việc nghiên cứu sưu tầm di sản văn hoá dân tộc.

9.3 Các tuyển tập có nhiều chủ đề.

Tuyển tập các tác phẩm khác nhau của cùng một tác giả nếu đề cập đến nhiều chủ đề khác nhau thì làm chú giải chỉ dẫn.

Ví dụ:

1) Hồ Chí Minh. Toàn tập / Hồ Chí Minh. - H.: Sự thật, 198. - 662tr. ; 20cm. - T.6: 1-1951 đến 7-1954

Chú giải: Những bài viết, tác phẩm, thư từ của Hồ Chủ Tịch trong khoảng thời gian từ 1-1951 đến 7-1954. Tập trung phản ánh sự lãnh đạo của Người với Đảng đối với quá trình phát triển của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

2) Nguyễn Tuân. Tuyển tập / Nguyễn Tuân. - H.: Văn học, 1982. - 130tr. ; 19cm. - T.2

Chú giải: Những tác phẩm của Nguyễn Tuân thời kì xây dựng hoà bình và kháng chiến chống Mỹ. Tiểu luận và những chân dung văn học dưới ngòi bút của ông về Truyện Kiều, Tú Xương, Thạch Lam, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Võ Quảng, Hoàng Phủ Ngọc Tường..

10. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT, PHÁP QUY CỦA CÁC NƯỚC

10.1 Các Bộ luật

Các bộ luật được xử lý dạng chú giải chỉ dẫn nhằm mô tả cấu trúc hình thức của bộ luật và những nội dung cơ bản của nó.

Ví dụ:

1) Việt Nam (CHXHCN). Bộ luật hình sự của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam: Đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hình sự. - H.: Pháp lý, 1990. - 145tr. ; 19cm

Chú giải: Bộ luật hình sự thông qua năm 1989 gồm 12 chương 280 điều với các điều khoản cơ bản, phạm vi áp dụng, quy định về tội phạm, hình phạt, các biện pháp tư pháp, việc miễn giảm hình phạt, qui định đối với người chưa thành niên, quân nhân phạm tội của Bộ Luật hình sự. Các tội danh cụ thể và hình phạt tương ứng.

Bộ luật in chung với các bộ luật khác được xử lý như các tuyển tập (Xem phần tuyển tập).

10.2 Các pháp lệnh

Các pháp lệnh in riêng cũng như các bộ luật được xử lý bằng bài chú giải chỉ dẫn. Các sách bình luận nghiên cứu về các pháp lệnh làm bài tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

1) Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh

Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính. - H.: Chính trị Quốc gia, 1996. - 61tr. ; 19cm

Chú giải: Gồm 76 điều qui định cụ thể thẩm quyền giải quyết của toà án, người tiến hành, tham gia tố tụng, án phí, thủ tục khởi kiện, thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, phiên toà sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, điều khoản thi hành trong pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

2) Trịnh Văn Thanh. Tìm hiểu pháp lệnh thi hành án phạt tù và các văn bản pháp luật có liên quan / Trịnh Văn Thanh. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - 148tr. ; 21cm

Tóm tắt: Nhận thức chung về việc thi hành án phạt tù. Các cơ quan quản lý công tác thi hành án phạt tù. Tổ chức thi hành án và thủ tục thi hành án phạt tù. Chế độ giam giữ, giáo dục, lao động và sinh hoạt đối với người đang chấp hành hình phạt tù.

Các pháp lệnh in chung với các văn bản pháp luật khác xử lý như các tuyển tập. (Xem phần tuyển tập)

11. CÁC SÁCH VỀ ÂM NHẠC

11.1 Các tác phẩm âm nhạc

Các tác phẩm âm nhạc, ca khúc, bản nhạc dành cho các nhạc cụ riêng biệt nếu các yếu tố mô tả thư mục đã thể hiện rõ mọi chi tiết về nội dung và công dụng của tài liệu thì không làm tóm tắt, chú giải

Ví dụ:

1) Quê hương : 16 ca khúc chọn lọc / Vĩnh Tường, Trọng Liêm, Hoàng Hiệp. - An Giang: Phân hội Văn học nghệ thuật An Giang, 1987. - 37tr. ; 19cm. - Sáng tác về An Giang

2) Đặng Thế Phong. Đêm thu : Ca khúc trữ tình chọn lọc / Đặng Thế Phong. - H.: Thanh niên, 1989. - 16tr. ; 19cm

3) Bôrelô, Pie. Tổng hợp các hợp âm cho ghita : Cho phép thực hiện hơn 2000 hợp âm dùng đệm nhạc Bôrelô ; Hải Thoại dịch và giới thiệu các kiểu đệm nhạc nhẹ thịnh hành. - H.: Âm nhạc, 1990. - 28tr. ; 21cm

Nếu các yếu tố mô tả thư mục chưa thể hiện rõ hết đặc trưng của tài liệu thì làm chú giải

Ví dụ:

1) Trương Xuân Mẫn. Nhưng nốt nhạc xanh : 45 ca khúc thiếu nhi. Hoà âm cho đàn organ / Trương Xuân Mẫn. - H.: Âm nhạc, 1994. - 50tr. : ảnh ; 29cm

Chú giải: *Đôi lời nhận xét, đánh giá về âm nhạc viết cho thiếu nhi của nhạc sĩ, nhà văn và nhạc sĩ Trương Xuân Mẫn. Các tác phẩm âm nhạc viết cho thiếu nhi của ông.*

2) Hoàng Tạo. Tuyển chọn ca khúc Hoàng Tạo : Xuất bản theo đơn đặt hàng của Bộ Văn hoá - Thông tin / Hoàng Tạo. - H.: Âm nhạc, 1994. - 31tr. ; 20cm

Chú giải: *Giới thiệu đôi nét về quá trình sáng tác âm nhạc, phong cách sáng tác, đóng góp nghệ thuật của Hoàng Tạo. Tuyển chọn một số ca khúc tiêu biểu của ông.*

11.2 Các sách hướng dẫn học các nhạc cụ

Sách hướng dẫn học các nhạc cụ có cấu trúc nội dung theo chương mục rõ ràng thì làm bài tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

1) Tạ Tấn. Phương pháp học ghita / Tạ Tấn. - H.: Âm nhạc, 1994. - 116tr. ; 27cm

Tóm tắt: *Giới thiệu cây đàn ghita cổ điển, các tư thế bấm tay với các kiểu gảy đàn, gam hợp âm, các bài tập, các kiểu đệm trên các giọng. Một số tiết tấu cần biết khi đệm ghita. Ngón bấm và các hợp âm có nhiều thăng giáng.*

2) Nguyễn Thị Thanh Tâm. Sách học đàn bầu / Nguyễn Thị Thanh Tâm (ch.b), Trần Quốc Lộc. - H.: Âm nhạc ; Nhạc viện Hà Nội, 1992. - 124tr. ; 27cm

Tóm tắt: *Cấu tạo và thủ pháp diễn tấu cùng phương pháp học đàn. Các bài luyện tập, các bản nhạc cổ truyền Bắc Trung Nam và các bản nhạc chuyên soạn dành cho đàn bầu.*

11.3 Các sách nghiên cứu về âm nhạc

Các sách nghiên cứu về âm nhạc có cấu trúc chương mục rõ ràng làm bài tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

1) Phạm Thúc Minh. Tìm hiểu dân ca Việt Nam / Phạm Thúc Minh. - H.: Âm nhạc, 1994. - 328tr. ; 21cm

Tóm tắt: *Định nghĩa, nguồn gốc, các yếu tố cấu thành, nội dung và đặc điểm nghệ thuật của dân ca Việt Nam. Các loại dân ca tiêu biểu như dân ca lao động, dân ca phong tục tập quán, tín ngưỡng, lịch sử và các dân ca tiêu biểu. Một số bài hát minh họa.*

2) Thanh Hà. Âm nhạc hát văn / Thanh Hà. - H.: Âm nhạc, 1995. - 291tr. ; 21cm

Tóm tắt: *Giới thiệu khái quát những vấn đề âm nhạc trong hát văn: Hình thức các đoạn nhạc, liên khúc hát văn. Bàn về mô típ chủ đạo hát văn. Phân tích các thủ pháp truyền thống của nghệ thuật hát văn. Tìm hiểu tư tưởng và sinh hoạt văn hoá tư phủ của người Việt từ cuối thế kỷ 19 trở về trước.*

Các sách nghiên cứu dạng tuyển tập, hoặc không rõ cấu trúc chương mục, có nhiều thay đổi so với những lần xuất bản trước đều làm chú giải chỉ dẫn.

12 CÁC LOẠI SÁCH TRANH, ALBUM

12.1 Các loại tác phẩm nghệ thuật

Các tác phẩm nghệ thuật in thành sách như tập tranh, album nhiếp ảnh... được xử lý dạng bài chú giải.

Ví dụ:

1) Bùi Mai Hiên. Mai Hiên - Anh Khánh : Tranh / Bùi Mai Hiên, Đào Anh Khánh. - H.: Mỹ thuật, 1995. - 61tr.

Chú giải: *Giới thiệu sưu tập tranh sơn mài của hai vợ chồng họa sĩ trẻ Bùi Mai Hiên và Đào Anh Khánh.*

2) Dương Minh Long. Màu và đen trắng : Tập ảnh / Dương Minh Long. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1996. - 48tr. ; 25x30cm

Chú giải: *Sưu tập 96 bức ảnh màu và đen trắng nghệ thuật của tác giả chụp từ 1971-1990.*

12.2 Các sách nghiên cứu về nghệ thuật

Các sách nghiên cứu về nghệ thuật có in kèm nhiều tranh sưu tập tranh cũng xử lý dạng chú giải chỉ dẫn để bạn đọc thấy rõ được đặc điểm cấu trúc hình thức của tài liệu.

Các sách nghiên cứu nghệ thuật không kèm theo các sưu tập, tức là không có đặc điểm gì khác biệt về hình thức thì làm tóm tắt mô tả:

Ví dụ:

1) Hoàng Công Luận. Hội hoạ cổ Trung Hoa, Nhật Bản / Hoàng Công Luận, Lưu Yên. - H.: Mỹ Thuật, 1993. - 130tr. : ảnh ; 19cm

Tóm tắt: *Lịch sử hội hoạ Trung Quốc. Sự phát triển lý luận hội hoạ và "lục pháp luận". Cơ sở cho sáng tác và phê bình hội cổ Trung Quốc. Giới thiệu một số hoạ sĩ cổ đại và các tác phẩm hội hoạ của họ. Một số trào lưu trường phái hội hoạ Nhật Bản. Các danh hoạ Nhật Bản và tác phẩm tiêu biểu nhất của họ*

13 CÁC SÁCH VỀ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI, CÁC CƠ QUAN, XÍ NGHIỆP

Các tài liệu viết về lịch sử, hoạt động, cơ cấu tổ chức, các văn kiện chính thức của các cơ quan, tổ chức đó.. của các cơ quan, tổ chức in riêng rẽ được xử lý dạng bài tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khối cơ quan cấp tỉnh, khoá IV tại đại hội đại biểu lần IV (nhiệm kỳ 1996-2000) / Đảng bộ khối cơ quan cấp Tỉnh. - Minh Hải: Nxb. Mũi Cà Mau, 1996. - 32tr.

Tóm tắt: *Tình hình thực hiện nghị quyết đại hội lần 3 trên các mặt công tác: Chính trị tư tưởng, tổ chức cán bộ, công tác đảng viên, vận động quần chúng... của Đảng bộ Minh Hải. Phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu từ 1996 đến 2000.*

Tuyển tập các văn bản chính thức của các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội xem phần tuyển tập

Các sách về lịch sử hoạt động của các cơ quan tổ chức chính trị xã hội, về các vấn đề lý luận của các tổ chức đó làm tóm tắt mô tả.

Ví dụ:

Đỗ Mười. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ then chốt trong giai đoạn mới / Đỗ Mười. - Tp. Hồ Chí Minh, 1994. - 40tr. ; 19cm

Tóm tắt: *Những vấn đề lý luận của công tác xây dựng Đảng. Xây dựng Đảng trên các mặt: tư tưởng, chính trị, tổ chức. Sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với bộ máy nhà nước, đoàn thể.*

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Cơ sở dữ liệu hay thư mục có nội dung tổng hợp được xử lý theo nguyên tắc nào? Vì sao?
2. Trình bày cách xử lý đối với nhóm tài liệu pháp luật
3. Trình bày cách xử lý đối với nhóm sách giáo khoa, giáo trình
4. Trình bày cách xử lý đối với nhóm sách về âm nhạc
5. Trình bày cách xử lý đối với nhóm sách dạng tuyển tập, sưu tập
6. Trình bày cách xử lý đối với nhóm sách văn học

Chương V TỔNG QUAN

1. ĐỊNH NGHĨA

Trong "Đại từ điển tiếng Việt" do Nguyễn Như Ý chủ biên từ **tổng quan** được giải thích là từ dùng để chỉ một cái nhìn tổng quát, toàn diện đối với một đối tượng nào đó.

Hiện nay, trong công tác thông tin khoa học và nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước cách hiểu và giải thích thuật ngữ này còn thiếu sự đồng thuận. Các học giả khối Anh - Mỹ cho rằng, tổng quan là một bài đánh giá, giới thiệu sách có hai chức năng: chức năng mô tả nội dung tài liệu và chức năng đánh giá nội dung, thành tựu và ưu nhược của tài liệu đó. Ví dụ, Lester S. King cho rằng: "Trước hết nó (bài tổng quan) chỉ dẫn cho đồng đạo bạn đọc những ý tưởng chính trong nội dung của sách và nó có thể phê phán, đánh giá những thành công của cuốn sách đó. Cả hai chức năng này phân biệt với nhau khá rõ nhưng chúng cũng luôn thuộc về nhau". [9; tr.343]. Theo các tác giả này thì bài tổng quan sách chỉ có độ dài từ 250 từ đến 500 từ, và cho phép đến 1000 từ nếu tài liệu gốc lớn và có giá trị đặc biệt. Cùng với khái niệm này các nhà thư viện học Anh - Mỹ còn đưa ra một khái niệm nữa là: "bài viết dạng tổng quan" (nguyên văn: Review article) với dung lượng lớn hơn khoảng từ 1000 đến 1500 từ để chỉ một bài viết tổng quan về một nhóm tài liệu có liên quan đến cùng một đề tài.

Như vậy theo quan niệm của các nhà thư viện học Anh - Mỹ thì tổng quan là một bản tin hay một bài báo, bài viết giới thiệu những nét chính về nội dung, và đánh giá, phê bình các thành tựu một tài liệu hay của một nhóm tài liệu liên quan đến một đề tài.

Ở Việt Nam, cho tới nay, còn thiếu vắng những công trình nghiên cứu về dạng sản phẩm thông tin này. Những tài liệu viết về đề tài này

thực sự hiếm hoi. Tuy nhiên cũng có thể kể đến một vài tài liệu quan tâm đến dạng sản phẩm thông tin tổng quan. Ví dụ TCVN 4523-88 về việc phân loại ấn phẩm thông tin có đưa ra các định nghĩa về một số dạng tổng quan, tuy được gọi bằng một thuật ngữ khác là tổng luận. Trong "Tài liệu hướng dẫn biên soạn tổng luận và chỉ dẫn phân tích" của Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia thì **tổng quan** lại là thuật ngữ dùng để chỉ một dạng đặc biệt của bài tổng luận. Theo tài liệu này thì: "*Tổng quan là một tổng luận biên soạn dưới dạng báo cáo tổng kết về các thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ cụ thể*". [4; tr.5] nhằm cung cấp các dữ liệu thông tin được nghiên cứu phân tích kỹ lưỡng về các thành tựu nổi bật trong và ngoài nước và các kiến nghị phát triển chúng. Cũng trong tài liệu này, **Tổng luận** được định nghĩa "là loại hình sản phẩm thông tin phân tích dưới dạng một tài liệu trình bày có hệ thống và cô đọng kết quả xử lý phân tích - tổng hợp nhiều nguồn tin (tài liệu) khác nhau xuất hiện trong một khoảng thời gian nhất định, về một vấn đề, đề tài nhất định, tức là về hiện trạng, mức độ và xu hướng phát triển của chúng" [4; tr.4].

Theo quan niệm trên đây thì tổng quan phải là một bản tin được biên soạn từ việc phân tích tổng hợp từ nhiều tài liệu khác nhau, *không có tổng quan về một tài liệu*. Quan niệm này cũng được một số nhà thư viện học Nga chia sẻ.

Sở dĩ có sự khác biệt như vậy trong quan niệm về nội hàm của thuật ngữ "Tổng quan" là do mỗi nhóm tác giả trên đây đều xuất phát từ những mục đích riêng, từ cách tiếp cận riêng của mình. Họ đưa ra thuật ngữ để chỉ những sản phẩm thông tin mà họ biên soạn, phục vụ cho hoạt động thông tin của họ, mà không mấy quan tâm đến những lý luận chung về loại hình xử lý mô tả nội dung tài liệu này một cách hệ thống và toàn diện. Mặt khác, chính sự đa dạng và phức tạp của các bài viết, bản tin dạng tổng quan đã làm cho các tác giả này có những quan niệm khác nhau về nội hàm của thuật ngữ này.

Tuy có quan niệm khác nhau về đối tượng của bài tổng quan, nhưng các tác giả trong và ngoài nước đều thống nhất với nhau ở một điểm là bài viết dạng tổng quan là bài viết mang tính tổng hợp, khái quát, cô đọng về một đối tượng nhất định. (Đối tượng này tùy theo từng quan niệm có thể là một tài liệu hay một đề tài được phản ánh trong một nhóm tài liệu).

Qua khảo sát thực tiễn hoạt động thông tin trong và ngoài nước, xuất phát từ nội hàm của thuật ngữ đã dẫn trên đây, ta thấy rằng, *Tổng quan (từ tương ứng trong tiếng Anh là review, Tiếng Nga là obzor), theo cách hiểu chung nhất, là một bản tin, một bài nghiên cứu độc lập phân*

tích, trình bày và đánh giá đầy đủ, khái quát, toàn diện các đặc điểm hình thức, nội dung, những ưu, nhược của một đơn vị tài liệu hay của một đề tài, chủ đề được phản ánh trong một nhóm tài liệu khác nhau.

Tổng quan, nhìn chung, là một sản phẩm thông tin, là kết quả của một quá trình phân tích - tổng hợp thông tin hàm chứa trong tài liệu và tái hiện chúng theo một hệ thống mới, cô đọng và khái quát. Do đó biên soạn dạng sản phẩm thông tin này là một việc không dễ dàng, đòi hỏi phải có những kỹ năng phân tích, tổng hợp cao kết hợp với những khả năng giải mã những tài liệu chuyên ngành ở mức độ chuyên gia. Tuy nhiên tùy từng mục đích sử dụng loại sản phẩm thông tin này, mà nó có mức độ phức tạp, chuyên sâu, tính chất nghiên cứu khác nhau.

2. PHẠM VI SỬ DỤNG

Bài viết dạng tổng quan được sử dụng rất rộng rãi trong hoạt động thông tin và nghiên cứu khoa học. Nó có thể là một bài nghiên cứu, hoặc một công trình nghiên cứu mini, cũng có thể là một bản tin, một bài nhận xét, phân tích, đánh giá về một sản phẩm, một lĩnh vực hoạt động, một tài liệu. Trong hoạt động thông tin và nghiên cứu khoa học hiện nay, bài viết dạng tổng quan được sử dụng dưới các hình thức sau đây:

2.1 Xuất bản như một bản tin độc lập

Bài viết dạng tổng quan được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau. Trước hết, đó là một bản tin độc lập phục vụ các thông tin dữ kiện, thông báo về thành tựu và hạn chế trong việc nghiên cứu một đề tài ở một thời kỳ, giai đoạn nhất định dành cho các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu. Các bản tổng quan như vậy sẽ giúp cho người dùng tin có một cái nhìn tổng quát, toàn diện về vấn đề đó. Với mục đích này, tổng quan có thể được xuất bản như một tài liệu độc lập. Hiện nay ở Việt Nam, dạng bản tin này được một số Trung tâm thông tin và Viện nghiên cứu biên soạn, ví dụ, Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia, Viện khoa học Xã hội và Nhân văn...

Các bản tổng quan được công bố như một tài liệu độc lập thường có dung lượng khá lớn khoảng từ 16 đến 60 trang (tương đương với 8000-30.000 ngàn từ.) Đó thực sự là một công trình nghiên cứu, cần phải có sự đầu tư rất lớn cả về trí tuệ và tài chính.

2.2 Tổng quan được công bố dưới dạng các tạp chí

Ở các nước ngoài, Tổng quan có thể được xuất bản dưới dạng các sản phẩm thông tin định kỳ và không định kỳ, phục vụ cho mục đích giới thiệu, quảng cáo tài liệu sẽ và mới xuất bản hàng năm. Ví dụ, các tạp chí như: Library Journal, Choice của Mỹ, The Russian Review của Nga,...

đều cung cấp các bản tổng quan tài liệu để các thư viện lựa chọn, mua bổ sung vốn tài liệu cho các thư viện mình.

Các bài tổng quan phục vụ cho mục đích này, chủ yếu chỉ viết về một tài liệu đơn lẻ. Các bản tổng quan cho một nhóm tài liệu chỉ được xử lý với một bộ sách, một bộ từng thư. Chính vì vậy mà dung lượng của mỗi bài tổng quan thường chỉ khoảng 500 - 1000 từ, hiếm khi có bài dài tới 1500 từ.

2.3 Tổng quan được công bố như một bài viết, bài nghiên cứu độc lập đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Bài viết dạng tổng quan được đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học chuyên ngành khá phổ biến. Đó là những bài đánh giá, tổng kết, khảo sát tình hình nghiên cứu về một đề tài cụ thể, hoặc đánh giá, giới thiệu về sự nghiệp sáng tác của một tác giả.

Ví dụ: Bài viết: "Nhận diện một khuynh hướng nghiên cứu Văn hoá Việt Nam" của tác giả Hồ Liên, đăng trong tạp chí Văn hoá dân gian, số 1, năm 2006, tr. 52-59. Hoặc bài viết "Tổng quan về các dạng thức văn hoá ở Việt Nam" của tác giả Ngô Đức Thịnh, đăng trong tạp chí Văn hoá dân gian số 4 năm 2005, tr.9-18, là các bài nghiên cứu đánh giá tổng quát về một chủ đề cụ thể.

Bài viết: "V.Ia Propp và những công trình nghiên cứu truyện cổ tích" của tác giả Chu Xuân Diên, đăng trên tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 7, năm 2004, tr.92-98, là bài tổng quan về một tác giả với những công trình nghiên cứu của ông.

Các bài tổng quan đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học chuyên ngành còn xuất hiện dưới dạng các bài nghiên cứu, giới thiệu sách. Khác với các bài tổng quan in trong các tạp chí nhằm quảng cáo sách mới của các cơ quan thông tin và xuất bản như đã nói trên, các bài giới thiệu sách này là các bài nghiên cứu sâu sắc về một tài liệu cụ thể, đánh giá ý nghĩa, thành tựu và cả những thiếu sót của tài liệu trong nền khoa học.

Ví dụ: Bài viết "Về cuốn Văn hoá học - những lý thuyết nhân học văn hoá của A.A. Belik" của tác giả Nguyễn Quang Lê, đăng trên tạp chí Văn hoá dân gian, số 4, năm 2005, trang 46-49; hay bài "Văn hoá Việt Nam nhìn từ mẫu người văn hoá" của tác giả Hoàng Vinh giới thiệu về cuốn sách của tác giả Đỗ Lai Thúy, đăng trên tạp chí Văn hoá dân gian, số 6 năm 2005, trang 43-45 đều là các bài tổng quan thuộc dạng này.

Nhìn chung các bài tổng quan đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học có dung lượng khá khác nhau, và mức độ phân tích, nghiên cứu

nông sâu hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ, cá tính và kỹ năng của tác giả. Những bài viết này đều do các nhà nghiên cứu khoa học viết.

2.4 Tổng quan như một phần của công trình nghiên cứu khoa học

Đây là một phần không thể thiếu của các công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc. Bởi vì, bất cứ ai trước khi đi vào phần nghiên cứu về đề tài, chủ đề mình lựa chọn đều phải xem xét, nghiên cứu xem trước đó đã có những công trình nào công bố và các tác giả đi trước đã đạt được những thành tựu nào? Còn khoảng trống nào việc nghiên cứu đề tài mà họ khám phá...để khẳng định cái mới, sự không trùng lặp với các tác giả trước của công trình mà tác giả nghiên cứu. Phần tổng quan này trong các công trình nghiên cứu đều được phản ánh trong "Lịch sử vấn đề". Các tác giả không thể giải quyết tốt nhiệm vụ này nếu không trang bị cho mình kỹ năng viết tổng quan.

Phần lịch sử vấn đề này dài hay ngắn, sơ sài hay sâu sắc phụ thuộc vào khả năng phân tích, tổng hợp của tác giả công trình nghiên cứu khoa học và phụ thuộc vào số lượng công trình nghiên cứu trước đó về đề tài đang quan tâm. Có những phần lịch sử nghiên cứu vấn đề chỉ vắn vẹn 2-3 trang; nhưng cũng có những phần lịch sử nghiên cứu vấn đề dài đến 15-20 trang.

2.5 Tổng quan dưới dạng các báo cáo tổng kết

Báo cáo tổng kết là dạng ứng dụng rất phổ biến của bài tổng quan. Mỗi một cơ quan, một đơn vị, doanh nghiệp đều phải biên soạn các báo cáo tổng kết nhằm đánh giá tình hình hoạt động, nhưng ưu, nhược của đơn vị mình trong một thời kỳ nhất định: 6 tháng, 1 năm, 5 năm... Những báo cáo này thường được tổng hợp từ các báo cáo của các đơn vị trực thuộc (đối với dạng báo tổng kết 6 tháng, hay 1 năm), hoặc từ các báo cáo các năm (đối với báo cáo tổng kết 5 năm, 10 năm..vv). Thông thường, dung lượng của một báo cáo tổng kết từ 7 - 20 trang tùy vào mức độ phức tạp trong hoạt động của mỗi đơn vị đó.

2.6 Tổng quan dưới dạng báo cáo tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học

Mặc dù tên gọi của sản phẩm thông tin này là "tóm tắt", nhưng trên thực tế đây là một bài tổng quan về một tài liệu được viết theo một cấu trúc định sẵn trình bày một cách cô đọng, khái quát toàn bộ mục đích, phương pháp tiếp cận, cấu trúc, nội dung và những thành tựu, kết luận chính của công trình nghiên cứu khoa học. Có một số người cho rằng, báo cáo tổng kết các công trình khoa học không phải là bài tổng quan, chỉ là một bản tóm tắt dài vì trong đó chỉ mô tả nội dung tài liệu mà không có đánh giá về các thành tựu, ưu nhược của tài liệu đó. Thật ra,

trong báo cáo tóm tắt, chức năng đánh giá đã được hoà quyện vào chức năng mô tả. Vì khi tuyên bố đây là cái mới của công trình, không trùng lặp với những người đã đi trước cũng là một cách đánh giá với sự minh chứng bằng các kết luận cụ thể, hướng tiếp cận cụ thể trong công trình.

2.7 Tổng quan dưới dạng phản biện công trình nghiên cứu khoa học

Phản biện công trình nghiên cứu khoa học cũng là một ứng dụng của dạng tổng quan. Trong khi bản tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học là dạng tổng quan chú trọng chức năng mô tả nhiều hơn chức năng đánh giá, thì ngược lại bài phản biện lại chú trọng chức năng đánh giá nhiều hơn chức năng mô tả. Bản phản biên công trình nghiên cứu khoa học phải mô tả lại đầy đủ mục đích, cấu trúc nội dung, phương pháp tiếp cận, các ý tưởng chính của công trình nghiên cứu, đồng thời cũng đánh giá một cách toàn diện giá trị, thành tựu và nhược điểm về mặt lý luận, khả năng ứng dụng thực tế của công trình nghiên cứu đó.

Hiện nay, với mục đích nhằm thể chế hoá, thống nhất hoá các hoạt động nghiên cứu và đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học, nhiều cơ quan nghiên cứu đã đưa ra các quy định cụ thể không chỉ cho việc viết các báo cáo tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học mà còn cả cho bài phản biện công trình nghiên cứu. Thông thường các bài phản biện công trình nghiên cứu khoa học đều được thực hiện theo một cấu trúc đã vạch sẵn, yêu cầu người viết phản biện phải thể hiện quan điểm của mình về công trình nghiên cứu đó ở nhiều khía cạnh như mục đích, ý nghĩa, cái mới, ưu nhược điểm, khả năng vận dụng, ứng dụng vào thực tế... của công trình.

Nhìn chung, bài viết dạng tổng quan được ứng dụng khá rộng rãi trong hoạt động thông tin và nghiên cứu khoa học. Những bài viết dạng tổng quan đang càng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống với nhịp điệu hối hả hiện đại, khi mà lượng thông tin quá lớn mà thời gian thì eo hẹp.

3. PHÂN LOẠI BÀI TỔNG QUAN

Bài tổng quan cũng được phân loại theo hai tiêu chí: Theo đối tượng xử lý và theo đặc điểm nội dung của nó.

3.1 Phân loại theo đối tượng xử lý

Theo đối tượng xử lý ta có bài tổng quan về một tài liệu (hay một đối tượng đơn nhất) và bài tổng quan về một đề tài phản ánh trong một nhóm tài liệu.

3.1.1 Bài tổng quan về một tài liệu

Bài tổng quan dạng này sẽ mô tả, đánh giá một cách toàn diện, khái quát nhất những đặc điểm nội dung, hình thức, nghệ thuật của một đơn vị tài liệu (hay một đối tượng đơn nhất) và đánh giá nhận xét những ưu, nhược của tài liệu đó, cùng những giá trị của tài liệu đối với đời sống xã hội và đóng góp của tài liệu cho việc nghiên cứu khoa học nói chung, cho đề tài mà tài liệu đó đề cập đến nói riêng.

Bài tổng quan loại này thường được thể hiện dưới dạng bài nghiên cứu, giới thiệu tài liệu với nhiều mục đích khác nhau: từ tuyên truyền quảng cáo bán tài liệu, triển lãm trưng bày, công bố trên các tạp chí nghiên cứu khoa học như những công trình nghiên cứu mini, đến các báo cáo tóm tắt công trình nghiên cứu và các bài phản biện công trình nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy mà dung lượng của chúng cũng rất khác nhau, tùy thuộc vào từng loại, từng mục đích phục vụ. Tối thiểu thì bài tổng quan loại này có dung lượng là 500 từ, nhưng cũng có bài dài tới bài chục trang.

3.1.2 Bài tổng quan về một đề tài phản ánh trong một nhóm tài liệu

Bài tổng quan dạng này còn được gọi là bài tổng quan về một nhóm tài liệu. Nội dung của dạng tổng quan này là phân tích một cách toàn diện, hệ thống những thông tin về một đề tài (hay một sự kiện, một hoạt động) nhất định phản ánh trong nhiều nguồn tin (tài liệu) khác nhau, công bố trong một giai đoạn, một thời kỳ nhất định và tổng hợp chúng lại theo một hệ thống mới, cấu trúc mới, phản ánh toàn diện các khuynh hướng, phương pháp, thành tựu và thiếu sót của việc nghiên cứu đề tài trong giai đoạn, thời kỳ đã chọn. Giúp người dùng tin có được một cái nhìn khái quát, toàn diện và hệ thống về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài đó (hay tình hình, diễn biến của một sự kiện, một hoạt động trong giai đoạn đó).

Bài tổng quan dạng này thường phổ biến dưới dạng các bản tin độc lập, các bài nghiên cứu khoa học về một đề tài, một tác giả đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học, các báo cáo tổng kết...

Nhìn chung, dung lượng của loại tổng quan này thường lớn hơn loại tổng quan về một tài liệu, tối thiểu là 1500 từ, đa số là dài tới vài chục trang, có thể dài tới hàng trăm trang.

3.2 Phân loại theo đặc điểm nội dung của bài tổng quan

Nội dung của bài tổng quan có thể rất sâu sắc, cũng có thể đơn giản hơn tùy thuộc vào trình độ của người biên soạn, mục đích sử dụng

của bài tổng quan. Theo đặc điểm này, bài tổng quan có 3 loại: Tổng thuật, tổng quan thông thường và tổng luận.

3.2.1 Tổng thuật

Là dạng tổng quan đơn giản nhất, trong đó thuật lại một cách khách quan những ý tưởng, những nội dung thông tin rút ra từ các nguồn tin (tài liệu gốc) một cách hệ thống, cô đọng, không kèm theo những phân tích, nhận xét, đánh giá, phê phán hay kiến nghị của người biên soạn bài tổng quan. Dạng tổng thuật này có tài liệu gọi là Tổng luận tóm tắt [4; tr.4].

Bài tổng thuật không yêu cầu cao về khả năng tổng hợp thông tin của người viết như các dạng tổng quan khác. Kỹ năng quan trọng nhất của dạng tổng thuật là kỹ năng giải mã, rút các thông tin cần thiết và phân nhóm, sắp xếp các thông tin đó theo một hệ thống hợp lý, logic nhằm phản ánh được một cách khách quan nhất những nét chính, xu hướng nghiên cứu chính về đối tượng (đề tài). Việc tổng hợp, sắp xếp và tái hiện các thông tin này thành bài tổng thuật nhìn chung là đơn giản, không có sự so sánh, phân tích sâu sắc. Bài tổng thuật nhiều khi không có cấu trúc chặt chẽ, người biên soạn bài tổng thuật chỉ dùng một số lời dẫn đơn giản để kết nối các thông tin rút ra được trong quá trình phân tích thông tin thành một hệ thống. (xem phụ lục).

Trong một bài tổng thuật, dung lượng thông tin phân tích và tách ra từ tài liệu gốc chiếm đến 80-90%, chỉ còn lại từ 10-20% là những lời dẫn của người biên soạn nhằm kết nối các thông tin đó thành một hệ thống. Trình độ, cá tính, quan điểm của người biên soạn bài tổng thuật chỉ có thể thể hiện một cách gián tiếp thông qua việc chọn lựa và hệ thống hoá thông tin, vì vậy không rõ nét như các bài tổng quan dạng khác.

3.2.2 Bài tổng quan thông thường

Là một bài viết có cấu trúc chặt chẽ, phản ánh một cách toàn diện, hệ thống về những đặc điểm hình thức, nghệ thuật, nội dung của tài liệu (một tài liệu đơn nhất, hay một nhóm tài liệu), đánh giá những thành tựu, thiếu sót của chúng.

Bài tổng quan này có nội dung sâu sắc hơn, cách thể hiện thông tin gắn kết và nhuần nhuyễn hơn so với bài tổng thuật. Để tạo thành một bản tổng quan như vậy, người biên soạn bên cạnh việc trình bày những đặc điểm chính của nội dung còn giới thiệu một số đặc điểm khác như phong cách, hình thức trình bày, giá trị nội dung và nghệ thuật, thành tựu... của tài liệu dưới lăng kính của chính mình.

Bài tổng quan thông thường có cấu trúc chặt chẽ, logic như một bài nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên trong dung lượng của nó thường có 50-60% thông tin được chọn lựa, rút ra từ các tài liệu gốc dưới các dạng cô đọng và khái quát, còn 40-50% là những nhận xét, đánh giá của người biên soạn bài tổng quan. So với bài tổng thuật, bài tổng quan thông thường thể hiện rõ nét hơn tính cách, trình độ, kiến thức và kỹ năng và đặc biệt là quan điểm, cảm nhận của người biên soạn đối với các thông tin phản ánh trong tài liệu gốc. Bởi vì những đặc điểm đó không phải chỉ thể hiện gián tiếp qua cách hệ thống hoá thông tin mà còn trực tiếp qua các nhận định, đánh giá và cảm nhận của người biên soạn đối với những thông tin của tài liệu gốc.

3.2.3 Tổng luận

Tổng luận là một dạng tổng quan đặc biệt, trong đó trình bày một cách hệ thống, toàn diện, cô đọng, logic những thông tin phân tích được từ đối tượng (thường là từ nhiều tài liệu) và luận bàn, đánh giá, so sánh các thông tin đó để rút ra những kết luận, nhận định có tính định hướng, lý luận, khái quát về vấn đề được nghiên cứu, đồng thời cũng đưa ra các kiến giải, kiến nghị, khuyến nghị của người biên soạn bài tổng luận về các vấn đề được nghiên cứu.

Tổng luận là dạng tổng quan đòi hỏi cao nhất về trình độ và kỹ năng của người biên soạn. Một bài tổng luận không chỉ là một sản phẩm thông tin thông thường, nó còn là một công trình nghiên cứu mini, trong đó người biên soạn không chỉ tổng hợp các thông tin đã có về đề tài nghiên cứu, đánh giá, bình luận các thông tin đó mà còn phải đưa ra một số vấn đề, khía cạnh, cái nhìn mới đối với đề tài và có thể cả các biện pháp, quan điểm cụ thể để giải quyết các vấn đề đó theo quan điểm của tác giả biên soạn, viết tổng luận.

Bài tổng luận phải có bố cục chặt chẽ, logic, thể hiện rõ quan điểm và hướng tiếp cận của tác giả biên soạn. Trong dung lượng của bài tổng luận các thông tin được rút ra từ các tài liệu gốc chỉ chiếm 20-30% còn lại 70-80% là những đánh giá, bình luận, kiến giải, lý giải của tác giả bài tổng luận về các thông tin, các dữ liệu, các quan điểm của tài liệu gốc. Khác với hai dạng tổng quan nêu trên, bài tổng luận không chỉ thể hiện trình độ xử lý thông tin mà còn cả trình độ lý luận, khả năng quan sát tinh tế và khả năng tư duy, suy luận của tác giả tổng luận. Nhìn chung, bài tổng luận là một bài nghiên cứu khoa học thực sự, vì vậy để viết dạng tổng quan đặc biệt này phải là các chuyên gia chuyên ngành, những người am hiểu sâu sắc về lĩnh vực là đề tài của bài tổng luận.

Bảng nhận diện, so sánh dưới đây cho thấy rõ các điểm giống và khác nhau của ba loại bài tổng quan được phân loại theo đặc điểm nội dung.

NHẬN DIỆN, SO SÁNH BÀI TỔNG THUẬT, TỔNG QUAN THÔNG THƯỜNG VÀ TỔNG LUẬN

Tiêu chí so sánh	Tổng thuật	Tổng quan thông thường	Tổng luận
1. Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ gồm những thông tin phân tích ra từ tài liệu gốc và tái cấu trúc lại theo hệ thống mới mà tác giả bài tổng thuật kiến tạo ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những thông tin phân tích từ tài liệu gốc như những đặc điểm chính của nội dung, một số đặc điểm khác như phong cách, hình thức trình bày của tài liệu gốc; - So sánh các thông tin rút ra từ các tài liệu khác nhau và các tài liệu liên quan. - Những đánh giá, nhận định về giá trị nội dung và nghệ thuật, thành tựu...của tài liệu dưới lăng kính của người biên soạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những thông tin được tổng hợp từ các tài liệu gốc về đề tài nghiên cứu; - Đánh giá, bình luận các thông tin đó các thông tin từ tài liệu gốc theo một cấu trúc mới; - So sánh các thông tin rút ra từ các tài liệu khác nhau và các tài liệu liên quan. - Đưa ra một số vấn đề, khía cạnh, cái nhìn mới đối với đề tài và có thể cả các biện pháp, quan điểm cụ thể để giải quyết các vấn đề đó theo quan điểm của tác giả biên soạn, viết tổng luận.
2. Cấu trúc	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc đơn giản, thông tin trình bày không 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc logic, chặt chẽ, thông tin trình bày gắn kết nhuần nhuyễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc chặt chẽ logic. Thông tin trình bày gắn kết, nhuần

	gắn kết nhuần nhuyễn, chỉ được kết nối bằng một số lời dẫn của tác giả biên soạn.	hơn bài tổng thuật nhờ có những phần bình luận, nhận xét, đánh giá của tác giả bài tổng quan.	nhuyễn. Các thông tin rút ra từ tài liệu gốc chỉ là cơ sở để tác giả tổng luận trình bày các đánh giá, nhận xét, phân tích và kiến giải của mình.
3. Tỷ lệ dung lượng thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - 80-90% thông tin từ tài liệu gốc; - 10-20% thông tin do tác giả dùng làm lời dẫn để hệ thống các thông tin trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - 50-60% thông tin từ tài liệu gốc; - 40-50% thông tin là các nhận xét, đánh giá, nhận định, cảm nhận của tác giả bài tổng quan 	<ul style="list-style-type: none"> - 20-30% thông tin từ tài liệu gốc - 70-80% thông tin là các lời bình luận, kiến giải, lý giải vấn đề của tác giả bài tổng luận và các đề xuất mới liên quan đến đề tài nghiên cứu.
4. Yêu cầu đối với người biên soạn	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành phù hợp với đề tài biên soạn; - Khả năng phân tích, tổng hợp thông tin. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành phù hợp với đề tài biên soạn; - Khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp thông tin; - Khả năng đánh giá thông tin và rút ra những nhận định của tác giả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành phù hợp với đề tài biên soạn; - Khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp thông tin; - Khả năng đánh giá thông tin và rút ra những nhận định của tác giả; - Khả năng tư duy sáng tạo để đề xuất các kiến giải, lý giải mới cho đề tài nghiên cứu.

Những số liệu về tỷ lệ dung lượng thông tin trên đây, thực ra chỉ là tương đối, được rút ra trong quá trình khảo sát thực tế các bài viết thuộc các thể loại nêu trên. Tỷ lệ này có thể luôn luôn dao động.

4. QUY TRÌNH BIÊN SOẠN BÀI TỔNG QUAN

Quy trình biên soạn bài tổng quan nói chung gồm các bước sau đây:

1. Lựa chọn đối tượng;
2. Suu tầm và phân loại tài liệu

3. Xây dựng đề cương;
4. Biên soạn bài tổng quan
 - 4.1 Nghiên cứu tài liệu gốc
 - 4.2 Phân tích, rút thông tin cần thiết
 - 4.3 Trình bày các thông tin theo hệ thống đã được thiết lập trong đề cương;
 - 4.4 Lập các phụ lục, bảng tra, tài liệu tham khảo.
5. Biên tập bài tổng quan
6. Xuất bản, công bố bài tổng quan.

Tuy nhiên đối với mỗi loại bài tổng quan cụ thể lại thực hiện các bước nêu trên với các đặc thù riêng.

4.1 Lựa chọn đối tượng cho bài tổng quan

Đối tượng biên soạn bài tổng quan có thể là một tài liệu trọn vẹn, hoặc một đề tài được phản ánh trong một nhóm tài liệu. Tùy theo yêu cầu, mục đích cụ thể mà ta lựa chọn đối tượng nào cụ thể. Việc lựa chọn đối tượng phải tuân theo một số quy định sau đây:

- Đối tượng được lựa chọn phải phù hợp với mục đích của bài tổng quan, ví dụ, nếu ta biên soạn bài tổng quan nhằm giới thiệu quảng cáo sách mới thì đối tượng được chọn lựa phải là các tài liệu mới xuất bản; nếu ta biên soạn bài tổng quan phục vụ cho mục đích giúp lãnh đạo đưa ra quyết định về một vấn đề nào đó trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì đề tài được chọn lựa phải phù hợp với lĩnh vực mà lãnh đạo đang quan tâm; vv.

- Đối tượng chọn lựa phải có tính khả thi, nghĩa là, phải phù hợp với trình độ và khả năng của người biên soạn bài tổng quan. Ví dụ, người biên soạn bài tổng quan được đào tạo theo các ngành khoa học xã hội thì không thể chọn lựa các tài liệu, hay các đề tài liên quan đến khoa học kỹ thuật hoặc khoa học tự nhiên; Trong trường hợp theo yêu cầu bắt buộc phải lựa chọn các đề tài không phù hợp với khả năng như vậy, người làm công tác thông tin phải phối hợp với các chuyên gia chuyên ngành để cùng họ biên soạn bài tổng quan.

- Đối tượng lựa chọn để biên soạn bài tổng quan, ngoài việc phải phù hợp với mục đích, với khả năng của người biên soạn còn phải có ý nghĩa thực tiễn và khoa học. Có thể lựa chọn biên soạn bài tổng quan cho một đề tài rất mới, chưa phục vụ gì cho thực tiễn, những có ý nghĩa về

mặt khoa học, nhưng không thể biên soạn bài tổng quan cho một đề đã quá cũ, thậm chí không còn được ai quan tâm.

4.2 Xây dựng đề cương cho bài tổng quan

4.2.1 Đặt nhan đề (tên) cho bài tổng quan

Nhan đề (tên gọi) của bài tổng quan rất quan trọng, vì nó thể hiện rõ những ý tưởng, mục đích, nội dung chính của bài tổng quan, giúp người dùng tin có cơ sở để quyết định có đọc bài tổng quan này hay không. Do đó, đặt tên cho bài tổng quan là cả một nghệ thuật. Thông thường có hai cách để chọn nhan đề cho bài tổng quan.

a. Cách chọn nhan đề trực tiếp theo chủ đề nội dung

Nhan đề của bài tổng quan đặt theo cách này phải phản ánh ngắn gọn, khái quát nhất nội dung của bài tổng quan, phạm vi nghiên cứu, bao quát của nó.

Ví dụ:

1. *Tổng quan về tình hình kinh tế xã hội Hà Nội năm 2009;*
2. *Giới thiệu cuốn: "Thi nhân Việt Nam" của Tác giả Hoài Thanh, Hoài Chân;*
3. *Văn học Việt Nam 1930-1945: Thể loại và trường phái;*
4. *Báo cáo tổng kết 5 năm 2001-2006 về tình hình giải phóng mặt bằng của Hà Nội;*
5. *Phân tích tình hình giá cả thị trường 6 tháng đầu năm 2009.*

Khi đặt nhan đề theo cách phản ánh trực tiếp nội dung của bài tổng quan cần phải lưu ý những điều sau đây:

- Khi đặt nhan đề cho bài tổng quan cần phải tuân thủ triệt để nguyên tắc phản ánh đặc trưng. Không nên chọn nhan đề quá rộng hay quá hẹp so với nội dung nghiên cứu của bài tổng quan. Ví dụ, Không nên đặt tên cho bài tổng quan của ví dụ số 3 trên đây là: *Văn học Việt Nam 1930-1945*; cũng không nên đặt tên là: *Thể loại và trường phái văn học Việt Nam*. Cả hai cách đặt tên như vậy đều quá rộng so với việc triển khai nội dung của đề tài. Hoặc cũng từ ví dụ này nếu ta đặt tên là: *Thể loại mới trong văn học Việt Nam 1930-1945* thì lại quá hẹp, không phản ánh đầy đủ nội dung của nó, vì trong đó nó còn phản ánh cả các trường phái văn học của giai đoạn này.

- Khi đặt nhan đề cho bài tổng quan phải ngắn gọn, cô đọng, không nên đặt nhan đề quá dài, quá phức tạp vì sẽ gây khó khăn cho người dùng tin. Ví dụ, Không nên đặt nhan đề cho ví dụ 1 trên đây của chúng ta như

sau: *Tình hình kinh tế, xã hội, Hà Nội năm 2009 : những số liệu, thành tựu, hạn chế cơ bản phản ánh trong các báo, tạp chí, sách xuất bản trong năm 2009*. Mặc dù cách đặt tên này phản ánh được cụ thể hơn đề tài và phạm vi nghiên cứu của bài tổng quan, nhưng nó không cô đọng, ngắn gọn; mặt khác sự cụ thể, chi tiết quá đôi khi cũng dẫn đến việc làm hẹp nội dung của bài tổng quan.

- Đặc biệt tránh đặt nhan đề cho bài tổng quan mà lại không phản ánh đúng nội dung của nó. Ví dụ, không thể đặt tên cho bài tổng quan ở ví dụ số 5 nêu trên như sau: *Phân tích tình hình kinh tế năm 2009*. Mặc dù giá cả thị trường là một lĩnh vực hoạt động kinh tế, nhưng cách chọn tên như vậy, không chỉ là quá rộng mà còn không hề phản ánh đúng nội dung của bài tổng quan. Phân tích tình hình kinh tế là một nội dung hoàn toàn khác với phân tích giá cả thị trường.

Cách đặt nhan đề trực tiếp cho bài tổng quan thường phổ biến hơn và đặc biệt thích hợp với những bài tổng quan về các đề tài chính trị, xã hội, kinh tế, khoa học, kỹ thuật.

b. Cách đặt nhan đề gián tiếp theo chủ đề nội dung

Là cách đặt nhan đề mà một số tác giả biên soạn chọn lựa đề để có thể tạo ra sự bất ngờ, tạo ra ấn tượng với người dùng tin nhằm thu hút, lôi cuốn họ đến với bài tổng quan. Cách đặt tên này không trực tiếp phản ánh nội dung triển khai trong bài tổng quan mà gián tiếp phản ánh nó thông qua một lối ẩn dụ, gợi dẫn khéo léo. Tên của bài tổng quan dạng này thường gợi sự tò mò, sự hiếu kỳ của người dùng tin.

Ví dụ, Những bài tổng quan đã dẫn trên đây có thể đặt tên gián tiếp phản ánh nội dung của chúng như sau:

1. *Rực sáng Thủ đô năm 2009;*
2. *Dấu ấn văn chương không phai mờ;*
3. *Một số nét mới trong văn học 1930-1945;*
4. *Diện mạo mới của thủ đô;*
5. *Sôi động thị trường năm 2009.*

Nhìn chung cách chọn nhan đề của bài tổng quan theo cách phản ánh gián tiếp này thường mang nhiều cảm xúc, nhằm gợi mở cảm xúc của người dùng tin. Cách lựa chọn tên theo lối nói gián tiếp, giàu cảm xúc này phù hợp nhất với các đề tài về văn học, nghệ thuật. Cách chọn nhan đề như vậy cũng rất được ưa chuộng khi các bài tổng quan được viết với mục đích đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học. ví dụ, tác giả Đỗ Lai Thúy, khi viết một bài tổng quan đánh giá về quan điểm văn

học của hai tác giả nước ngoài, một phương đông, một phương tây đăng trên tạp chí Văn hoá Nghệ Thuật, đã chọn nhan đề cho bài tổng quan như sau: "*Cuộc đối thoại cách không*" [18; tr.12-18]

Nhìn chung, với cả hai cách đặt tên nêu trên thì với mục đích cô đọng hoá các nhan đề của bài tổng quan người ta thường dùng các **phụ đề** để giải thích rõ thêm nội dung của bài viết. Đặc biệt là đối với các bài tổng quan về chủ đề khoa học, chính trị, kinh tế, xã hội..khi đặt nhan đề theo cách phản ánh gián tiếp. Phụ đề có vai trò quan trọng trong việc định vị, chi tiết hoá và cụ thể hoá nội dung của bài tổng quan, xác định đối tượng sử dụng của bài tổng quan đó. Phụ đề đặc biệt quan trọng khi ta chọn cách đặt tên gián tiếp nhằm gây ấn tượng.

Ví dụ: Khi chọn tên cho bài tổng quan theo cách gián tiếp ở các ví dụ nêu trên ta có thể chọn các phụ đề như sau:

1. *Rực sáng Thủ đô năm 2009 : Tổng quan kinh tế xã hội;*
- 2: *Dấu ấn văn chương không phai mờ : giới thiệu cuốn Thi nhân Việt Nam;*
3. *Nét mới trong văn học 1930-1945 : Thể loại và trường phái;*
4. *Diện mạo mới của Thủ đô : Tình hình giải phóng mặt bằng năm 2001-2006.*
5. *Sôi động thị trường 2009 : Phân tích giá cả thị trường.*

4.2.2 *Sưu tầm và phân loại tài liệu*

Sưu tầm tài liệu là một bước chiếm khá nhiều thời gian trong quy trình biên soạn bài tổng quan. Ngay cả khi biên soạn bài tổng quan về một tài liệu thì ngoài việc sưu tầm chính tài liệu đó để nghiên cứu ra, còn phải sưu tầm các tài liệu có liên quan, bao gồm:

- Các tài liệu khác của chính tác giả đó viết;
- Các tài liệu của những tác giả khác viết về cùng đề tài;
- Các tài liệu phê bình, đánh giá tài liệu đó hay tác giả đó.

Đối với bài tổng quan về một đề tài thì việc sưu tầm tài liệu còn phức tạp hơn. Trước hết ta căn cứ vào mục đích và chủ đề chính của bài tổng quan để sưu tầm tài liệu. Có hai cách sưu tầm tài liệu phổ biến:

Cách 1: Sưu tầm một số tài liệu hạt nhân, tức là các tài liệu trực tiếp liên quan đến đề tài, sau đó, nghiên cứu danh mục tài liệu mà tác giả của các tài liệu đã tham khảo để tiếp tục mở rộng phạm vi sưu tầm tài liệu. Rồi lại mở rộng phạm vi sưu tầm bằng cách tham khảo các Danh mục tài liệu trong các tài liệu đó...Cách sưu tầm này có ưu điểm là

không hay bị nhiễu thông tin, nghĩa là không bị sưu tầm nhằm các tác liệu không mấy liên quan đến đề tài. Nhưng lại có nhược điểm là có thể bị sót tin.

Cách 2: Sử dụng bộ máy tra cứu của các cơ quan Thông tin - Thư viện sưu tầm toàn bộ các tài liệu có liên quan đến đề tài, sau đó mới chọn lựa các tài liệu nào phù hợp thông qua việc nghiên cứu sơ bộ. Cách này thường chọn được nhiều tài liệu hơn, ít khi bị sót tin, nhưng lại hay bị nhiễu tin.

Thông thường, nếu các cơ quan thông tin thư viện, nơi cung cấp các nguồn tin chính sử dụng bộ máy tra cứu thủ công, ta chọn cách sưu tầm tài liệu thứ nhất, còn nếu họ sử dụng bộ máy tra cứu điện tử thì dùng cách sưu tầm thứ hai.

Sau khi đã sưu tầm tài liệu, ta phải tiến hành phân nhóm các tài liệu đó. Ta sẽ căn cứ vào chủ đề nội dung của chúng để phân ra từng nhóm một. Ví dụ, khi triển khai nghiên cứu đề tài: *Phân tích giá cả thị trường 6 tháng năm 2009*, ta sẽ phân các tài liệu sưu tầm được theo các nhóm:

- Giá cả, thị trường hàng vật liệu, vật tư sản xuất;
- Giá cả thị trường hàng dân dụng;
- Giá cả, thị trường hàng công nghiệp;
- Giá cả thị trường vàng, ngoại tệ.

V.v..

Hoặc đối với đề tài: Báo cáo tổng kết về tình hình giải phóng mặt bằng (GPMB) của Hà Nội năm 2001-2006 ta có thể phân nhóm tài liệu như sau:

- Đầu tiên ta phân theo từng năm: 2001. 2002, 2003, 2004, 2005, 2006;
- Trong mỗi năm ta lại phân theo từng chủ đề cụ thể:
- Tài liệu về các dự án liên quan đến GPMB;
- Tài liệu về cơ chế chính sách liên quan đến GPMB;
- Tài liệu về tình hình tái định cư;
- Tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu tố liên quan đến GPMB;
- Tài liệu liên quan đến chính sách hậu GPMB;

Hoặc ngược lại, đầu tiên ta phân nhóm theo chủ đề cụ thể, sau đó trong mỗi chủ đề cụ thể ta lại phân nhóm theo năm.

Việc phân nhóm tài liệu rất quan trọng, nó tạo điều kiện để xác định cấu trúc bài tổng quan mà ta sẽ viết. Bởi vì không thể viết nếu không có các dữ liệu cụ thể trong các nguồn tin. Phân loại tài liệu theo nhóm sẽ giúp ta có ngay cái nhìn chung nhất về đề tài mà ta sắp triển khai.

4.2.3 Viết đề cương chi tiết

Sau khi sưu tầm, phân loại tài liệu và chọn được nhan đề cho bài tổng quan ta sẽ xây dựng đề cương chi tiết cho bài tổng quan. Thực ra, chọn nhan đề cũng có thể làm sau cùng khi đã viết xong bài tổng quan. Tuy nhiên nếu đặt tên trước thì sẽ có định hướng tốt hơn cho việc triển khai nội dung của bài tổng quan. Toàn bộ các bước triển khai để có bài tổng quan đúng mục đích, có chất lượng phải được thể hiện trong đề cương. Đề cương gồm 3 phần:

- Phần mở đầu;
- Phần thân bài;
- Phần kết luận.

a. Phần mở đầu.

Trong phần mở đầu đề cương cần thể hiện rõ các thông tin sau đây:

- Lý do chọn đối tượng, hay tính cấp thiết của đề tài: Phải giải thích rõ vì sao tài liệu này hay đề tài này lại được lựa chọn thông qua việc nêu rõ tính cấp thiết, vai trò quan trọng của đề tài mà tài liệu hay nhóm tài liệu phản ánh;

- Mục đích biên soạn bài tổng quan;
- Đối tượng sử dụng bài tổng quan;

- Phạm vi sử dụng nguồn tin cho bài tổng quan: Căn cứ vào tình hình sưu tầm tài liệu cụ thể nêu rõ phạm vi sử dụng các nguồn tin (tài liệu) để biên soạn bài tổng quan. Nêu rõ giới hạn về không gian, thời gian, loại hình của tài liệu gốc mà ta tham khảo để biên soạn bài tổng quan.

Ví dụ:

1 Bài tổng quan của chúng tôi chỉ tham khảo các bài viết đăng trên tạp chí Văn học từ năm 2000-2009;

2. Bài tổng quan của chúng tôi chỉ tham khảo các nguồn tin điện tử;

3. Bài tổng quan được xây dựng trên cơ sở tham khảo toàn bộ các sách, báo, tạp chí, nguồn tin điện tử năm 2009;

4. Báo cáo tổng kết này được xây dựng chủ yếu dựa trên các báo cáo tổng kết hàng năm từ 2001 đến 2006 của Ban giải phóng mặt bằng thành phố Hà Nội, có tham khảo thêm những bài viết trên báo, tạp chí thời kỳ này.

Đối với bài tổng quan về một tài liệu phải giới thiệu rõ đặc điểm hình thức của tài liệu đó, như tác giả, nhan đề tài liệu, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản, số trang, cách trình bày...

- Cấu trúc của bài tổng quan: Đề cương phải xác định rõ cấu trúc của bài tổng quan tương lai gồm mấy phần, mấy chương, cụ thể là các phần, chương nào. Việc xác định cấu trúc chương mục này chủ yếu dựa trên tình hình phân loại tài liệu sơ bộ ở bước 2.

b. Phần thân bài

Trong phần thân bài phải thể hiện rõ cấu trúc nội dung triển khai chính theo chương mục của bài tổng quan. Cấu trúc này nêu xác định được càng chi tiết càng tốt. Việc có xác định được chi tiết cấu trúc nội dung của thân bài hay không phụ thuộc vào việc ta nghiên cứu kỹ lưỡng các nguồn tin sưu tầm được đến mức nào. Việc phân loại tài liệu ở bước hai càng chi tiết cụ thể thì càng dễ dàng cho việc xác định cấu trúc của bài tổng quan.

Trong phần này cũng xác định rõ cách tiếp cận, xử lý đối với nguồn tin. Thông thường có mấy cách tiếp cận sau đây:

b.1 Đối với bài tổng quan về một tài liệu.

Đối với bài tổng quan về một tài liệu có ba cách tiếp cận, cụ thể:

1- Tiếp cận theo cấu trúc của tài liệu gốc: ta sẽ xây dựng cấu trúc thân bài theo cấu trúc của tài liệu mà ta nghiên cứu và viết bài tổng quan, nghĩa là ta lần lượt nghiên cứu, xem xét, phân tích đánh giá từng chương, mục của tài liệu đó; Ví dụ: Cuốn sách: "Văn hoá H'mông" gồm có 3 chương: chương I: người H'mông ở Hà Giang; Chương II: người H'mông ở Tây Bắc; Chương III: Người H'mông ở Tây Nguyên. Nếu chọn cách tiếp cận này ta sẽ có những đánh giá xem xét về nội dung từng chương như trên;

2- Tiếp cận theo các đề tài, mà tài liệu gốc đề cập đến: Cách này sẽ tái cấu trúc lại nội dung của tài liệu gốc theo một cấu trúc mới theo chủ

quan của người biên soạn bài tổng quan và minh chứng chúng bằng các dữ liệu rút ra từ chính văn tài liệu gốc. Ví dụ: Cũng là cuốn "Văn hoá H'mông" nêu trên, nếu tiếp cận theo đề tài ta sẽ có:

- Văn hoá vật chất của người H'mông: (bao gồm nhà cửa, kinh tế, trang phục, ẩm thực)

- Văn hoá nghệ thuật của người H'mông;

- Văn hoá tâm linh của người H'mông.

Rồi trong mỗi đề tài lại phân tích, đánh giá theo từng địa phương: Hà Giang, Tây Bắc, Tây Nguyên.

3- Tiếp cận theo ấn tượng, cảm nhận của người biên soạn bài tổng quan đối với tác giả tài liệu gốc: Theo cách này thì người biên soạn bài tổng quan sẽ trình bày các ấn tượng, cảm nhận của mình, đánh giá của mình về tài liệu gốc và minh chứng bằng các dữ liệu chọn lọc từ chính văn tài liệu gốc.

Với cách tiếp cận này thì tác giả biên soạn thường trình bày những đánh giá (thông thường là đánh giá những ưu điểm) của tài liệu, những ấn tượng mạnh mẽ nhất mà tài liệu tạo nên kể cả về nội dung thông tin, cách tiếp cận, kỹ năng xử lý tư liệu, nghệ thuật thể hiện v.v.

Dù tiếp cận bằng cách nào, thì trong bài tổng quan về một tài liệu vẫn nên giới thiệu khái quát về cấu trúc của tài liệu đó.

b.2 Đối với bài tổng quan về một đề tài liên quan đến một nhóm tài liệu

Bài tổng quan về một đề tài liên quan đến một nhóm tài liệu thì có rất nhiều phương án tiếp cận, xử lý thông tin. Thông thường có các phương án tiếp cận sau đây:

- Tiếp cận theo thời gian: Nghiên cứu, đánh giá thông tin theo thời gian chúng xuất hiện; Tiếp cận theo cách này, ta sẽ phân nhóm tài liệu theo từng giai đoạn, từng thời kỳ. Việc phân theo giai đoạn và thời kỳ cần phải đảm bảo việc nghiên cứu các đặc trưng riêng của từng thời kỳ, chứ không phải chỉ chia mang tính cơ học, đặc biệt là khi biên soạn bài tổng luận. Việc phân kỳ cho các thông tin đối với các đề tài mang tính lịch sử cũng không được máy móc áp theo phân kỳ lịch sử thông thường. Mặc dù có thể nhiều đề tài được phân kỳ theo các mốc phân kỳ lịch sử này là phù hợp. Đây là một lỗi rất dễ mắc nếu ta không nghiên cứu kỹ nội dung của tài liệu gốc. Phân kỳ theo mốc lịch sử chủ yếu sẽ phù hợp với các đề tài nghiên cứu rộng, gắn liền và chịu tác động mạnh mẽ của lịch sử dân tộc. Ví dụ, khi biên soạn bài tổng quan: "*Một thế kỷ sưu tầm,*

ngiên cứu văn hoá, văn nghệ dân gian" của tác giả Nguyễn Xuân Kính, đăng trên tạp chí: Văn hoá dân gian, số 2, năm 1994, trang 3-14, tác giả đã phân kỳ theo mốc lịch sử của dân tộc, cụ thể: I. Trước cách mạng Tháng tám, II. Sau cách mạng Tháng tám; Trong thời kỳ II: Sau cách mạng Tháng tám lại chia nhỏ ra thành ba giai đoạn: 1945-1954; 1954-1975 và 1975-nay.

Với đề tài rộng và chịu tác động của các biến cố lịch sử như vậy, việc phân kỳ theo mốc phân kỳ lịch sử dân tộc là phù hợp. Nhưng sẽ không phù hợp nếu phân kỳ như vậy cho một đề tài hẹp, ít chịu tác động của các biến cố lịch sử của dân tộc. Ví dụ, *Sự nghiệp văn chương của nhà văn Xuân Diệu*. Với đề tài này việc phân kỳ máy móc như trên chắc sẽ không phù hợp, mặc dù sự nghiệp văn chương của nhà thơ kiệt xuất này cũng kéo dài gần một thế kỷ.

- Tiếp cận theo chủ đề: nghiên cứu, đánh giá thông tin lần lượt theo chủ đề mà tài liệu phản ánh; Tiếp cận theo phương án này ta phải phân loại tài liệu theo từng chủ đề, khía cạnh phản ánh của chúng. Cũng có thể một tài liệu phản ánh nhiều hơn một chủ đề và vì vậy chúng có thể thuộc về nhiều hơn một nhóm. Ví dụ, Khi nghiên cứu viết bài *tổng quan "Báo cáo tổng kết tình hình giải phóng mặt bằng của Hà Nội năm 2001-2006"* Ta có thể phân tài liệu ra theo các nhóm đề tài như ở **mục 4.2.2 *Sưu tầm và phân loại tài liệu***, sau đó lần lượt nghiên cứu các tài liệu đó theo từng chủ đề.

Cách tiếp cận này thường phù hợp với những đề tài liên quan đến nhiều tài liệu, có những tài liệu trùng lặp về chủ đề hay quan điểm với các tài liệu khác để có thể tạo thành những nhóm thể hiện rõ nét các chủ đề khác nhau liên quan đến đề tài của bài tổng quan.

- Tiếp cận theo tác giả tài liệu, theo từng tài liệu: nghiên cứu đánh giá lần lượt từng tài liệu hay từng tác giả liên quan đến đề tài đang nghiên cứu; các tiếp cận này thường phù hợp với bài tổng quan có đề tài liên quan đến một số lượng ít tác giả, hay tài liệu (thường dưới 5). Đây là cách tiếp cận đơn giản và hiệu quả, nếu mỗi tài liệu hoặc mỗi tác giả lại có đóng góp riêng, đặc trưng và không trùng lặp với các tác giả khác hay tài liệu khác.

- Tiếp cận theo hướng nghiên cứu: nghiên cứu đánh giá các thông tin theo từng góc độ, khía cạnh tiếp cận với đề tài. Cách tiếp cận này thực chất cũng giống cách tiếp cận theo chủ đề. Tuy nhiên, tiếp cận theo hướng nghiên cứu thể hiện góc độ nghiên cứu khác nhau đối với đề tài của bài tổng quan, còn tiếp cận theo chủ đề thường thể hiện cấu trúc nội tại của đề tài đó. Vì thế tiếp cận theo chủ đề phù hợp với các đề tài rộng

có nhiều thành phần trong cấu trúc; còn tiếp cận theo hướng nghiên cứu phù hợp với các đề tài hẹp được nghiên cứu theo nhiều góc độ, phương diện khác nhau.

Ví dụ, với đề tài: *Văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945* sẽ phù hợp với cách tiếp cận theo chủ đề, vì đề tài có thể hợp thành từ nhiều bộ phận, giả sử xét theo thể loại: *Tiểu thuyết, thơ, phóng sự, truyện ngắn*; Trong khi một đề tài khác như: *Thơ Hồ Xuân Hương* Thì lại phù hợp với cách tiếp cận theo hướng nghiên cứu, vì người ta có thể tiếp cận với thơ của bà từ khía cạnh *xã hội học, văn bản học, phân tâm học...*

Thông thường khi xây dựng đề cương cho phần thân bài, tùy vào tình hình cụ thể là ta sưu tầm được để chọn cách triển khai chính và sau đó là cách triển khai phụ. Ta sẽ phối hợp các cách tiếp cận trên đây sao cho phù hợp và hiệu quả nhất.

Ví dụ: Với đề tài: *Báo cáo tổng kết công tác GPMB của Hà Nội năm 2001- 2006*, ta lựa chọn cấu trúc thân bài sau đây:

1. Đánh giá chung
2. Vai trò lãnh đạo của Thành uỷ trong công tác GPMB;
3. Các thành tựu và tồn tại trong công tác GPMB;

3.1 Các thành tựu:

* Về số lượng dự án liên quan đến GPMB:

- Năm 2001

- Năm 2002

.....

- Năm 2006.

* Về thực hiện tiến độ GPMB:

* Về cơ chế chính sách

- Tình hình bổ sung, điều chỉnh, ban hành các cơ chế chính sách mới;

- Tình hình tuyên truyền, phổ biến và thực hiện các cơ chế chính sách.

* Về bố trí tái định cư

- Năm 2001

.....

- Năm 2006.

* Về giải quyết khiếu kiện

* Về chính sách hậu GPMB.

- Chính sách đào tạo, dạy nghề cho người bị thu hồi đất;

- Chính sách về môi trường sinh thái

3.2 Những tồn tại

(Cũng có thể trình bày theo cấu trúc của mục 3.1 Các thành tựu).

3.3. Nguyên nhân của thành công và tồn tại

* Nguyên nhân của thành công

* Nguyên nhân của tồn tại.

Với cấu trúc được xác định trên đây ta thấy có sự kết hợp giữa các chủ đề nội dung với thời gian. Trong đó, cấu trúc chính được xác định theo chủ đề.

Việc phối hợp các cách tiếp cận để xây dựng cấu trúc thân bài tổng quan phải tùy thuộc vào tình hình tư liệu cụ thể; Những phần nào có thông tin chi tiết từ tài liệu ta có thể triển khai chi tiết đến các tiểu phân mục nhỏ; ngược lại nếu không có thông tin chi tiết ta chỉ triển khai chung đến các phân mục lớn. Ví dụ trên đây cho thấy: mục 3. *Thành tựu và tồn tại* được triển khai chi tiết hơn các mục 1,2; Trong đó các tiểu mục 3.1 *Thành tựu* và 3.2 *Tồn tại* được triển khai chi tiết hơn các mục 3.3 *Nguyên nhân thành công và tồn tại*; Trong mục 3.1 có các tiểu phân mục như : *Số lượng dự án, cơ chế chính sách, tình hình tái định cư và chính sách hậu GPMB* triển khai chi tiết hơn các tiểu phân mục còn lại.

c. Phần kết luận

Phần kết luận trong đề cương phải xác định rõ theo các nội dung chủ yếu sau:

- Khái quát các thành tựu cơ bản của việc nghiên cứu đề tài đã được trình bày ở thân bài một cách ngắn gọn và cô đọng nhất;

- Các khuyến nghị, kiến nghị của tác giả bài tổng quan đối với việc ứng dụng, áp dụng các thành tựu nghiên cứu đánh giá trong bài tổng quan vào thực tế; hoặc triển khai tiếp tục;

- Đề xuất các biện pháp, giải pháp cần áp dụng;

- Phát hiện các khoảng trống của đề tài để tiếp tục nghiên cứu trong tương lai;

- Khẳng định lại vai trò, ý nghĩa và đối tượng sử dụng bài tổng quan.

4.3 Biên soạn bài tổng quan

Đây là bước quan trọng nhất trong quy trình biên soạn bài tổng quan. Bước này chỉ được phép tiến hành sau khi đã hoàn tất các bước **4.2.1, 4.2.2, 4.2.3** nêu trên. Trong bước này cũng chia thành nhiều thao tác nhỏ, các thao tác này có thể làm lần lượt, cũng có thể làm xen kẽ, phối hợp với nhau. Cụ thể là:

- Nghiên cứu tài liệu gốc một cách cẩn thận, tỉ mỉ và kỹ càng;
- Rút, phân tích những thông tin cần thiết cho từng mục, tiểu mục, tiểu phân mục chi tiết theo đề cương;
- Trình bày cụ thể các thông tin rút được ở hai thao tác trên theo đề cương.

4.3.1 Nghiên cứu tài liệu gốc và rút các thông tin cần thiết

Khác với phần nghiên cứu sơ bộ để phân nhóm tài liệu ở mục 4.2.2, ở đây việc nghiên cứu tài liệu cần được tiến hành cụ thể, chi tiết hơn rất nhiều. Đối với từng dạng tổng quan cần có cách nghiên cứu khác nhau.

a. Đối với bài tổng quan về một tài liệu.

a.1. Nếu đề cương xác định cách tiếp cận và triển khai theo cấu trúc của tài liệu gốc thì ta sẽ nghiên cứu kỹ và lần lượt từng phần của tài liệu như: Mở đầu, các chương, mục, kết luận. Khi nghiên cứu từng phần của chính văn tài liệu gốc, ta cũng đồng thời nghiên cứu các tài liệu phụ trợ để có những thông tin đánh giá, so sánh phù hợp. Đó là các tài liệu của các tác giả khác có cùng đề tài nghiên cứu với tài liệu gốc, các tài liệu khác của tác giả tài liệu gốc, đặc biệt là các tài liệu phê bình, nghiên cứu về tài liệu gốc hay tác giả của tài liệu gốc đã công bố trước đó. Khi nghiên cứu kỹ lưỡng các nguồn tin này, ta sẽ rút ra những thông tin cần thiết để biên soạn bài tổng quan, bao gồm:

- 1- Các thông tin dữ liệu cụ thể phân tích và rút ra từ tài liệu gốc;
- 2- Những đoạn văn, câu văn quan trọng, tiêu biểu đáng chú ý có thể dùng làm lời trích dẫn;
- 3- Những phân tích, so sánh với các tài liệu phụ trợ khác;
- 4- Những nhận định đánh giá của tác giả biên soạn bài tổng quan thông qua nghiên cứu các nguồn tin.

Đối với bài tổng thuật thì chỉ cần các thông tin ở mục 1, 2; không cần các thông tin ở mục 3,4.

a.2. Nếu đề cương chọn cách tiếp cận tài liệu gốc theo chủ đề, đề tài thì việc nghiên cứu tài liệu gốc sẽ tiến hành một cách tổng thể trên cả tài liệu. Tuy nhiên, khi nghiên cứu chủ đề nào ta sẽ đọc kỹ các phần có liên quan đến chủ đề đó trong tài liệu gốc. Cũng như khi tiếp cận theo cấu trúc của tài liệu gốc, ta cũng đồng thời tham khảo các tài liệu phụ trợ để tìm các thông tin thích hợp cho từng chủ đề. Cần lần lượt nghiên cứu các nhóm tài liệu phục vụ cho từng mục và phân mục theo đề cương. So sánh phân tích các thông tin từ các tài liệu khác nhau; Và cũng phải rút các thông tin cần thiết cho bài tổng quan như ở phần tiếp cận theo cấu trúc của tài liệu gốc nêu trên.

a.3. Nếu đề cương chọn cách tiếp cận theo ấn tượng, cảm nhận của người biên soạn bài tổng quan, ta sẽ nghiên cứu kỹ lưỡng và tổng thể tài liệu, chọn lựa những ấn tượng mạnh mẽ nhất, những cảm nhận sâu sắc nhất, những thành tựu quan trọng nhất của tài liệu gốc rồi chọn các dữ kiện, dữ liệu từ chính tài liệu gốc và từ các tài liệu phụ trợ để viện dẫn, minh chứng cho nhận định và đánh giá đó của mình. Đây là cách tiếp cận phù hợp với các tác phẩm văn học nghệ thuật, các công trình nghiên cứu dạng kinh điển, các tài liệu không có cấu trúc chương mục rõ ràng như các tuyển tập, vịnh tập v.v.

Nhìn chung, người ta vẫn có thể phối hợp nhiều cách tiếp cận khác nhau trong một bài tổng quan nhằm thể hiện hiệu quả nhất, hợp lý nhất những thông tin và nhận định, đánh giá của tác giả bài tổng quan đối với tài liệu gốc.

b. Đối với bài tổng quan về một đề tài liên quan đến một nhóm tài liệu.

Việc phân tích tài liệu và rút thông tin cần thiết cho một đề tài có liên quan đến một nhóm tài liệu cũng được tiến hành theo đề cương.

b.1. Nếu đề cương chọn cách tiếp cận theo từng thời kỳ, ta sẽ lần lượt nghiên cứu các tài liệu trong mỗi thời kỳ. Các nghiên cứu thường thực hiện từ chung đến riêng, từ khái quát đến cụ thể. Nghĩa là trong mỗi thời kỳ ta lại tiếp tục phân nhóm theo các tiêu chí phù hợp: theo hướng tiếp cận, theo chủ đề, theo tác giả..vv.Khi nghiên cứu mỗi thời kỳ ta sẽ rút ra các thông tin cần thiết sau:

1- Các thông tin đặc trưng cho nội dung nghiên cứu trong từng thời kỳ;

2- Các thông tin quan trọng cần trích dẫn;

3- Các đánh giá, so sánh, phân tích những thông tin của các tài liệu khác nhau trong cùng một thời kỳ, và về cùng một chủ đề để tìm ra các

nét giống và khác của các tài liệu đó khi giải quyết vấn đề, lý giải nguyên nhân của sự khác biệt và tương đồng đó;

4- Những thành tựu và hạn chế quan trọng nhất của thời kỳ đó trong việc nghiên cứu đề tài quan tâm.

Bài tổng thuật không cần có thông tin ở mục số 3,4

Sau khi lần lượt nghiên cứu và rút các thông tin cần thiết cho từng thời kỳ, cần phải có sự so sánh, đánh giá về những đặc trưng, thành tựu và hạn chế của các thời kỳ đó với nhau để thấy rõ được những bước thăng trầm trong toàn bộ lịch sử nghiên cứu đề tài.

b.2. Nếu đề cương chọn cách tiếp cận theo chủ đề ta sẽ nghiên cứu lần lượt các nguồn tin liên quan đến từng chủ đề trong đối tượng của bài tổng quan. Đối với mỗi chủ đề ta lại có thể nghiên cứu các thông tin đặc trưng theo từng thời kỳ, hoặc từng giác độ tiếp cận (nếu có). Khi nghiên cứu ta cần phải so sánh, phân tích những thông tin về khía cạnh, phương diện tiếp cận khác nhau, hoặc từng thời kỳ khác nhau hoặc cả hai (nếu có) đối với chủ đề đó, đồng thời cũng luôn phân tích, so sánh giữa các nguồn tin khác nhau cùng liên quan đến một chủ đề cụ thể của đề tài để thấy rõ được những thành tựu, những đóng góp và hạn chế của từng nguồn tin tức từng tài liệu gốc đối với việc nghiên cứu đề tài nói chung và chủ đề trực thuộc đề tài đó nói riêng. Sau đó ta rút các thông tin cần thiết để viết bài tổng quan, cụ thể:

1- Các thông tin đặc trưng cho nội dung nghiên cứu cho từng chủ đề trong cấu trúc của đối tượng bài tổng quan;

2- Các thông tin quan trọng cần trích dẫn;

3- Các đánh giá, so sánh, phân tích những thông tin của các tài liệu khác nhau về cùng một chủ đề để tìm ra các nét tương đồng và khác biệt của các tài liệu đó đối với chủ đề cụ thể, lý giải sự khác biệt và tương đồng đó;

4- Những thành tựu và hạn chế quan trọng nhất của trong việc nghiên cứu chủ đề cụ thể nói riêng và đề tài quan tâm nói chung.

Cũng như cách tiếp cận theo thời kỳ trên đây khi biên soạn bài tổng thuật không cần các thông tin từ mục 3,4.

b.3. Nếu đề cương của ta chọn cách tiếp cận theo các phương diện nghiên cứu, ta cũng tiến hành tương tự như cách tiếp cận theo chủ đề, chỉ khác là đầu tiên ta nghiên cứu, phân tích từng nhóm tài liệu liên quan đến từng góc độ nghiên cứu của đề tài, sau đó trong mỗi nhóm ta lại có thể

nghiên cứu, so sánh lần lượt từng thời kỳ, từng tài liệu khác để rút ra các thông tin cần thiết.

b.4. Nếu đề cương chọn cách tiếp cận theo tác giả, thì ta sẽ nghiên cứu từng nhóm tài liệu mà mỗi tác giả đó viết có liên quan đến đề tài. Trong đó ta lại có thể tiếp tục phân nhóm nhỏ theo từng thời kỳ, theo từng góc độ tiếp cận nếu có để lần lượt đánh giá từng đặc trưng, thành tựu, hạn chế, những biến chuyển trong nhận thức của tác giả đối với đề tài quan tâm. Và luôn so sánh giữa các tác giả khác nhau. Sau đó rút các thông tin cần thiết, cụ thể:

1- Các thông tin đặc trưng cho nội dung nghiên cứu trong từng thời kỳ, từng tác phẩm, từng góc độ nghiên cứu của một tác giả cụ thể;

2- Các thông tin quan trọng cần trích dẫn;

3- Các đánh giá, so sánh, phân tích những thông tin của các tác giả khác nhau, tìm ra những đồng nhất và khác biệt của mỗi tác giả và giải thích sự tương đồng và khác biệt đó;

4- Những thành tựu và hạn chế quan trọng nhất của từng tác giả đó trong việc nghiên cứu đề tài quan tâm.

Nếu số lượng tài liệu gốc không nhiều ta có thể chọn cách tiếp cận từng tài liệu một. Các này cũng giống như cách tiếp cận đối với từng tác giả, tuy có đơn giản hơn.

4.3.2 Trình bày những thông tin đã rút ra được thành bài tổng quan

Sau khi đã rút được những thông tin cần thiết ta sẽ viết bài tổng quan theo đề cương. Ta lần lượt viết phần mở đầu, thân bài và kết luận. Khi viết cũng có thể thay đổi một vài cấu trúc, bố cục nhỏ của bài tổng quan so với đề cương tùy thuộc vào nguồn tin mà ta có. Nhưng nhìn chung không nên đảo lại cấu trúc của đề cương mà ta đã xây dựng vì như vậy sẽ gây nhiều khó khăn và có thể dẫn đến sự thiếu logic, chặt chẽ và làm bài tổng quan có thể chưa phản ánh được toàn diện và đầy đủ những thông tin cần thiết. Khi viết bài tổng quan cần lưu ý một số điều sau đây:

- Những phân tích, đánh giá phải được thực hiện theo một trình tự logic, hợp lý, các luận điểm trước phải phục vụ cho các luận điểm sau, tạo điều kiện để triển khai các luận điểm sau, mà không theo trình tự ngược lại;

- Những luận điểm có liên quan đến nhau phải được xác định rõ mối liên hệ giữa chúng;

- Có thể triển khai từ khái quát đến cụ thể hoặc ngược lại sao cho việc phản ánh thông tin và thể hiện các nhận định, đánh giá có được hiệu quả cần thiết;

- Các số liệu, dữ kiện dùng để minh chứng phải xác đáng, ngắn gọn và chính xác, hợp lý;

- Các nhận định đánh giá phải khách quan và xuất phát từ những phân tích, tổng hợp từ các tài liệu gốc là nguồn tin chính và các nguồn tin phụ trợ;

- Việc so sánh phải hợp lý, tránh so sánh khắp khiêng, không cùng một tiêu chí;

- Những suy luận, đề xuất, kiến nghị, kiến giải mới phải logic, chặt chẽ và hợp lý.

4.3.4 Xây dựng các phụ lục, tài liệu tham khảo

a. Xây dựng các phụ lục

Để bài tổng quan được ngắn gọn mà vẫn chứa nhiều thông tin cần thiết ta có thể xây dựng thêm phần phụ lục, đặc biệt là đối với các bài tổng luận hoặc tổng quan được in riêng như một sản phẩm thông tin độc lập. Phụ lục có thể là các thông tin mà khi nghiên cứu đề tài ta thấy chúng có ích cho người dùng tin, giúp cho người dùng tin có được cái nhìn sâu sắc hơn, hoặc cụ thể hơn về một khía cạnh nào đó của đề tài, nhưng nếu trích dẫn vào bài tổng quan sẽ làm lệch lạc cấu trúc, hoặc làm nhạt đi mục đích chính của bài tổng quan. Phụ lục cũng bao gồm các thông tin phụ trợ để người ta nghiên cứu, sử dụng bài tổng quan một cách dễ dàng hơn. Các phụ lục thường bao gồm:

- Danh mục từ viết tắt dùng trong bài tổng quan;

- Danh mục các thuật ngữ được sử dụng nhiều trong bài tổng quan, kèm theo các phần chú thích, giải thích các thuật ngữ đó;

- Các bảng, biểu với những số liệu cụ thể; Các biểu đồ, sơ đồ;

- Các đoạn trích, hoặc toàn bộ một tài liệu nào đó (có dung lượng không lớn);

Ví dụ, khi ta viết bài tổng quan về đề tài: "Báo cáo tổng kết tình hình giải phóng mặt bằng của Hà Nội 2001-2006", ta sẽ có các phụ lục sau đây:

- Trích đoạn luật đất đai;

- Quyết định mới nhất của thành phố về cơ chế đền bù trong giải phóng mặt bằng;

- Bảng thống kê diện tích giải phóng mặt bằng của từng huyện, quận trong từng năm 2001-2006;

- Bảng thống kê số liệu về tình hình tái định cư cho người bị thu hồi đất trong các năm 2001-2006;

- Bảng thống kê tình hình giải quyết đơn thư tố cáo liên quan đến GPMB trong các năm 2001-2006;

v.v...

Nhìn chung, phụ lục rất hữu ích và cần thiết, nhưng cũng không nên lạm dụng quá mà cần phải cân nhắc cẩn thận, chỉ đưa vào các phụ lục thật cần thiết, hiệu quả.

b. Lập danh mục tài liệu tham khảo.

Danh mục tài liệu tham khảo là phần không thể thiếu khi biên soạn bài tổng quan. Danh mục này phải được trình bày, sắp xếp theo một trật tự quy định. Hiện nay có một số quy định cho việc xây dựng danh mục tài liệu tham khảo, cụ thể là:

- Quy định mô tả và sắp xếp tài liệu theo quy tắc mô tả quốc tế (ISBD).

Theo quy định này các tài liệu sẽ được sắp xếp theo vần chữ cái của tên tác giả, sau đó đến nhan đề tài liệu. Tên tác giả Việt Nam xếp theo thứ tự Họ - Đệm - Tên; các tác giả phương Tây theo thứ tự: Họ - Tên - Đệm. Sơ đồ mô tả một tài liệu được quy định như sau:

Đối với sách có từ 3 tác giả trở xuống:

Tên tác giả chính. Nhan đề tài liệu : Phụ đề / Các tác giả. - Lần xb. - Nơi xb. : Nhà xb, Năm xb.

Đối với sách có từ 3 tác giả trở lên:

Nhan đề tài liệu : Phụ đề / Các tác giả. - Lần xb. - Nơi xb. : Nhà xb, Năm xb.

Đối với bài báo, tạp chí:

Tên tác giả. Nhan đề bài báo : phụ đề / Tác giả // Tên báo, tạp chí có chứa bài viết. - Năm, số. - trang đầu - trang cuối.

Đối với bài đăng trong tuyển tập:

Tên tác giả. Nhan đề bài báo : phụ đề / Tác giả // Tên tuyển tập có chứa bài viết. - lần xuất bản. - Nơi xb : Nhà xb., Năm xb. - trang đầu - trang cuối.

Ta cũng có thể ứng dụng “Quy định và sắp xếp tài liệu” của Bộ Giáo dục dành cho các luận án, luận văn, như sau:

1- Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật...(đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ ít người biết đến có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

2- Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ, tên tác giả luận án theo thông lệ của từng nước.

- Tác giả là người nước ngoài: Xếp theo thứ tự ABC

- Tác giả là người Việt Nam: Xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của Tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.

- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu lên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ; Tổng cục thống kê xếp vào phần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào phần B, v.v...

+Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)

+ (Năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ Tên sách, luận án hoặc báo cáo, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)

+ Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)

+ Nơi xuất bản, (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... ghi đầy đủ các thông tin sau:

+ Tên các tác giả (không có dấu ngăn cách)

+ Năm công bố, (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn).

+ "Tên bài báo", (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên).

+ Tên tạp chí hoặc tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên).

+ Tập (không có dấu ngăn cách)

+ (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ Các số trang, (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc).

Dưới đây là một ví dụ về cách sắp xếp tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của bộ Giáo dục và Đào tạo

Quy định này có khác với quy tắc ISBD là khi mô tả, năm xb được đưa lên trên nhan đề tài liệu, sau tên tác giả; Các tác giả Việt Nam lại sắp xếp theo Tên-Họ-Đệm.

Sơ đồ mô tả một tài liệu được quy định như sau:

Tác giả. (năm xb). Nhan đề tài liệu : Phụ đề / Các tác giả. - Lần xb. - Nơi xb.

5. BIÊN TẬP BÀI TỔNG QUAN

Sau khi biên soạn (viết) xong bài tổng quan cần phải có bước biên tập lại để tránh những lỗi có thể có trước khi công bố bài tổng quan. Để đảm bảo tính khách quan, người biên tập thường không phải là người viết bài tổng quan đó.

Khi biên tập bài tổng quan, người biên tập có quyền phát hiện và sửa chữa những lỗi sau đây:

- Lỗi chính tả;

- Lỗi văn phong (dùng thuật ngữ không hiện đại, không phổ thông, câu văn quá dài, khó hiểu, các dấu chấm câu không rõ ràng), thuật ngữ quá rộng hay quá hẹp so với ngữ cảnh của bài viết...

- Các nhầm lẫn về số liệu, dữ kiện cụ thể mà có thể kiểm tra được trong các tài liệu gốc.

Đối với các lỗi sau đây thì người biên tập chỉ phát hiện và chỉ sửa chữa sau khi đã trao đổi thống nhất ý kiến với người biên soạn và được người biên soạn cho phép:

- Sửa chữa lại cấu trúc của bài tổng quan: Chuyển vị trí một số mục cho logic hơn, thêm hoặc bớt một số mục khi cần thiết để bài tổng quan đầy đủ nhưng ngắn gọn và cô đọng hơn;

- Thay đổi một số nhận định, đánh giá cho khách quan, chính xác hơn;

- Thay đổi một số đề xuất, kiến nghị, kiến giải cho hợp lý, hiệu quả hơn.

Nhìn chung, người được mời biên tập bài tổng quan cũng phải có đủ những kiến thức, kỹ năng về phân tích, tổng hợp, tư duy logic chặt chẽ như người biên soạn bài tổng quan.

6. CÔNG BỐ, XUẤT BẢN BÀI TỔNG QUAN

Như trên đã nói, bài tổng quan được biên soạn với nhiều mục đích khác nhau, do đó việc công bố hay xuất bản chúng cũng tùy thuộc vào

từng mục đích cụ thể. Trong phần này chỉ đề cập đến việc công bố, xuất bản bài tổng quan dưới dạng một sản phẩm thông tin độc lập.

Bài tổng quan được xuất bản dưới dạng sản phẩm thông tin độc lập thường có độ dài không dưới 16 trang (khoảng 32.000 chữ), chúng phải được trình bày như một ấn phẩm thông thường dạng chuyên khảo. Chính văn phải được đánh máy, phải được đóng thành quyển và có bìa. Bìa nên làm bằng giấy cứng. Trên bìa cần ghi rõ các thông tin cụ thể sau đây:

- Nhan đề của bài tổng quan bằng chữ cỡ to;
- Phụ đề của nó (nếu có)
- Các thông tin về xuất bản (nếu có);

Sau trang bìa có một trang tên tài liệu, trên đó trình bày các thông tin cụ thể sau:

- Tên cơ quan, tổ chức biên soạn bài tổng quan;
- Tên tác giả biên soạn;
- Nhan đề của bài tổng quan bằng loại chữ lớn;
- Phụ đề của bài tổng quan;
- Các thông tin xuất bản (nơi, nhà xuất bản nếu có)
- Năm xuất bản.

Ngoài phần chính văn, phụ lục, tài liệu tham khảo cần phải có mục lục (nội dung) để người dùng tin dễ dàng sử dụng. Cũng nên viết một bài giới thiệu ngắn gọn về bài tổng quan này. Bài giới thiệu thường bao gồm các thông tin ngắn gọn về mục đích và công dụng của bài tổng quan.

Nếu bài tổng quan được xuất bản như một sản phẩm thông tin độc lập dưới dạng một tạp chí thì nó được trình bày theo yêu cầu của tạp chí.

7. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI TỔNG QUAN

7.1 Yêu cầu về nội dung

Một bài tổng quan đạt chất lượng về cơ bản phải đáp ứng được các yêu cầu sau về nội dung:

- Bố cục của bài tổng quan phải logic, chặt chẽ, hợp lý. Mối liên kết giữa các phần phải có tính kế tiếp, liên tục. Nội dung phải phản ánh toàn diện, đầy đủ, hệ thống và khách quan các thông tin có trong các tài liệu gốc. Bao gồm: Bao quát hết thông tin trong tất cả các nguồn tài liệu

tham khảo; Bao quát đầy đủ các quan điểm, phương pháp nghiên cứu, hướng tiếp cận.. của đề tài được nghiên cứu;

- Các nhận định đánh giá đều phải có cơ sở khoa học, các tiểu kết, kết luận phải được rút ra trên cơ sở phân tích và tổng hợp các thông tin có trong tài liệu gốc. Không được thổi phồng hay bỏ qua những thành tựu, đóng góp, hạn chế của các tài liệu gốc trong nghiên cứu đề tài;

- Kiến giải, kiến nghị, đề xuất (nếu có), phải khoa học, chính xác, hợp lý và khả thi.

- Nhan đề của bài tổng quan phải phù hợp với nội dung của chúng;

- Có đầy đủ các phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo theo quy định.

7.2 Yêu cầu về văn phong

Văn phong của bài tổng quan phải là dạng văn phong khoa học, ngắn gọn, mạch lạc, sáng sủa và cô đọng. Các câu văn phải ngắn gọn, đủ ý. Không nên lạm dụng các thuật ngữ chuyên môn, nên dùng các thuật ngữ mang tính phổ thông để người dùng tin dễ tiếp cận và sử dụng thông tin của bài tổng quan.

Khi trích dẫn ý tưởng, nguyên văn từ tài liệu gốc phải có chú thích rõ ràng theo quy định. Giải thích rõ các từ viết tắt không thông dụng, các đơn vị đo lường không thuộc hệ đo lường của Việt Nam.

Câu hỏi ôn tập chương III

1. Phân tích sự khác và giống nhau giữa ba loại tổng quan: Tổng thuật, tổng quan thông thường, tổng luận.

2. Trình bày các bước chính trong quy trình biên soạn bài tổng quan.

3. Trình bày phương pháp xây dựng đề cương chi tiết cho bài tổng quan về một tài liệu.

4. Trình bày phương pháp xây dựng đề cương chi tiết cho bài tổng quan về một đề tài liên quan đến một nhóm tài liệu.

5. Người biên tập bài tổng quan có những quyền hạn gì?

6. Một bài tổng quan đạt chất lượng phải đáp ứng các yêu cầu nào?

Phụ lục I

TÓM TẮT TÀI LIỆU

BẰNG MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ

Tự động hoá đang là xu hướng nổi bật, thu hút được sự chú ý, nghiên cứu, đầu tư và phát triển của các cơ quan thông tin thư viện hiện nay. Tự động hoá hoạt động thông tin thư viện đồng nghĩa với việc thay thế các công đoạn thủ công của quy trình hoạt động thông tin tư liệu bằng sự trợ giúp của máy tính điện tử. Hiện nay, những khái niệm như đánh chỉ số tự động, làm tóm tắt tự động, lưu trữ và tìm kiếm thông tin tự động v.v không còn mới mẻ nữa.

Trong lĩnh vực làm tóm tắt tài liệu, ý đồ nghiên cứu để cho ra những bài tóm tắt bằng máy tính điện tử đã được thay thế từ những năm 60 của thế kỷ này. Bản chất của tự động hoá việc làm tóm tắt là ứng dụng các thuật toán thông qua các chương trình máy tính. Cơ sở của thuật toán này chủ yếu sử dụng phương pháp trích đoạn thông tin, nghĩa là trích nguyên vẹn các tài liệu gốc để ghép lại thành bài tóm tắt. Như vậy bài tóm tắt tự động rõ ràng là dài hơn và chắc chắn chất lượng kém hơn bài tóm tắt bằng tay. Tuy nhiên trong điều kiện "bùng nổ" thông tin như hiện nay, khối lượng tài liệu cập nhật trong các cơ quan thông tin thư viện rất lớn. Nếu không tự động hoá các công đoạn xử lý tài liệu thì không một khối lượng nhân lực nào có thể đáp ứng được. Ưu thế của làm tóm tắt tự động hoá là linh hoạt, rẻ tiền, đồng nhất kết quả thu được. Đó chính là lý do giải thích vì sao các nước phát triển như Mỹ, Pháp.. lại chú ý nghiên cứu các phương pháp tự động hoá quy trình xử lý thông tin, trong đó có các công đoạn làm tóm tắt. Các nguyên lý và phương pháp này rất đa dạng nhưng cơ bản là dựa trên việc phân tích các dấu hiệu hình thức của nội dung tài liệu gốc, bao gồm các tiêu chuẩn về tần xuất và cú pháp. Các phương pháp thông dụng nhất trong việc làm tóm tắt tự động là *phương pháp thống kê*, *phương pháp logic* và *phương pháp ngôn ngữ - ngữ nghĩa*.

1. PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ

Phương pháp thống kê trong làm tóm tắt do một người Mỹ là G.P.Lhun đề xuất vào khoảng năm 1858. Phương pháp này căn cứ vào các cơ sở sau:

- Tần xuất lặp lại của các từ trong một câu. Một từ nào đó được lặp lại càng nhiều lần thì ý nghĩa của nó càng lớn;

- Vị trí của các từ có ý nghĩa trong câu. Những từ được lặp lại nhiều lần mà thường xuyên ở cạnh nhau thì lượng thông tin của nó càng lớn.

Việc lựa chọn câu này hoặc câu khác để đưa vào bài tóm tắt căn cứ vào "trọng lượng nghĩa" của câu, được xác định theo công thức:

(ti)²

Si =-----

Qi

ở đây , Si là "trọng lượng nghĩa" của câu;

Ti là số lượng các từ lặp đi lặp lại cao nhất trong câu;

Qi là số lượng các từ được lặp lại thấp nhất trong câu.

Những câu có "trọng lượng nghĩa" lớn sẽ được máy tính lựa chọn để dựng thành bài tóm tắt. Bài tóm tắt này thuộc dạng trích đoạn thông tin, tức bào gồm các câu nguyên bản từ tài liệu gốc, được máy tính xác định là có "trọng lượng nghĩa" lớn

Ưu điểm của phương pháp thống kê trong làm tóm tắt tự động là tính đơn giản trong phân tích nội dung tài liệu gốc và tính thống nhất của bài tóm tắt do máy tính thực hiện. tuy nhiên nhược điểm lớn nhất của phương pháp này là chỉ căn cứ vào tiêu chuẩn, tần xuất lặp lại của các từ mà không xét đến mối quan hệ ngữ nghĩa giữa chúng. Do đó có thể có những câu, có thể mang thông tin quan trọng của tài liệu gốc lại không được chọn để đưa vào bài tóm tắt.

2. PHƯƠNG PHÁP TOÁN LOGIC

Mục tiêu của phương pháp toán logic là khắc phục những nhược điểm của phương pháp thống kê bằng cách áp dụng một công nghệ tương đối phức tạp, dựa trên sự kết hợp của bốn bước sau:

a. Bước sơ thảo (ST)

Nội dung của bước sơ thảo là sự kết hợp giữa máy tính và con người trong việc thực hiện sơ bộ việc tách các từ có trọng lượng nghĩa theo ba cấp: dương, không và âm (+, 0, -) những từ trọng lượng nghĩa âm sẽ bị loại bỏ ngay.

b. Định từ khoá (TK)

Bước định từ khoá dựa trên nguyên tắc của phương pháp thống kê, nghĩa là lựa chọn các từ có tần xuất lặp đi, lặp lại nhiều lần trong nội dung tài liệu.

c. Phân tích nhan đề (ND)

Nội dung của bước phân tích nhan đề là xác định các từ có trọng lượng nghĩa cao nhất không chỉ ở nhan đề tài liệu mà còn ở các đề mục. Những từ đã được chọn ở hai bước trước đó, nếu trùng với các từ đã chọn nhan đề và đề mục, sẽ được xếp thứ tự ưu tiên.

d. Phân tích định vị.

Nội dung của bước này là dựa trên cơ sở cho rằng những thông tin quan trọng nhất của tài liệu thường được tập trung ở một số phần (hoặc đoạn) tùy theo từng loại tài liệu khoa học kỹ thuật. Ví dụ, phần kết luận, đoạn có dấu hiệu nhấn mạnh (in nghiêng, in đậm, gạch chân...) đối với các bài báo khoa học. Còn đối với các báo cáo kết quả nghiên cứu, thông tin quan trọng thường tập trung ở phần nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu v.v..Do đó người ta tập trung phân tích kỹ các phần này để tìm những từ có trọng lượng nghĩa cao nhất.

Cuối cùng, câu được chọn từ nội dung tài liệu gốc để đưa vào bài tóm tắt sẽ là những câu có chứa những từ trọng lượng nghĩa thỏa mãn biểu thức kết hợp sau đây:

$$C_i = a_i \text{ ST} * a_i \text{ TK} * a_i \text{ ND} * a_i \text{ DV}$$

Trong đó:

C_i là câu được chọn để đưa vào tóm tắt;

$a_i \text{ ST}$: số từ có trọng lượng nghĩa được chọn ở bước sơ thảo;

$a_i \text{ TK}$: số từ khoá được chọn ở bước định từ khoá

$a_i \text{ ND}$: số từ có trọng lượng nghĩa được chọn ở bước phân tích nhan đề;

$a_i \text{ DV}$: số từ có trọng lượng nghĩa được chọn ở bước phân tích định vị.

* : Toán tử giao nhóm của đại số Bool (toán tử AND).

3. PHƯƠNG PHÁP NGÔN NGỮ - NGỮ NGHĨA

Phương pháp ngôn ngữ - ngữ nghĩa là sự phát triển tiếp tục của phương pháp logic. Nội dung phương pháp này là tách chọn từ bản văn tài liệu gốc ra nhưng câu chứa các thông tin quan trọng trên cơ sở phân tích mối tương quan giữa cấu trúc cú pháp và nội dung của tài liệu gốc.

Việc phân tích cú pháp có thể tiến hành đối với toàn bộ hoặc một số đoạn của bản văn tài liệu gốc, trừ các thành phần phi văn bản như sơ đồ, biểu bảng, hình vẽ... Mục tiêu của việc phân tích cú pháp là chọn ra những câu trọng lượng nghĩa cao. Tiêu chuẩn câu có trọng lượng nghĩa cao tùy thuộc vào từng nội dung tài liệu cụ thể.

Ngoài trọng lượng nghĩa, người ta còn quy định giá trị cú pháp của một số yếu tố trong câu. Chẳng hạn, nếu danh từ là chủ ngữ thì có giá trị cao hơn khi chính danh từ đó đứng ở vị trí khác trong câu.

Một từ điển các câu và thuật ngữ cũng được xây dựng và đưa vào máy tính điện tử. Các yếu tố của từ điển được sắp xếp theo một quy ước nhất định (có thể là theo vần chữ cái), cạnh đó là các mã chỉ rõ quan hệ giữa trọng lượng nghĩa và cú pháp ngữ nghĩa của chúng. Tài liệu gốc sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được đưa vào máy và người ta sẽ thu được bài tóm tắt.

Tự động hoá làm tóm tắt tài liệu khoa học kỹ thuật không còn là công việc thử nghiệm mà đã trở thành công việc thường xuyên trong quy trình xử lý thông tin của các cơ quan thông tin thư viện ở các nước có nền khoa học phát triển. Tuy nhiên việc làm tóm tắt tự động cũng chỉ là giải pháp khắc phục hiện tượng "bùng nổ thông tin", nhằm xử lý kịp thời khối lượng tài liệu khoa học lớn mà không thể còn về khối lượng, một bài tóm tắt bằng máy thường chiếm dung lượng bằng 1/3 khối lượng văn bản nội dung tài liệu gốc. Về cấu trúc, người ta cho rằng, bài tóm tắt giống với bài lược thuật nhiều hơn bài tóm tắt, bởi vì thông tin trình bày trong bài tóm tắt bằng máy luôn theo đúng thứ tự trình bày của chúng trong tài liệu gốc. Như vậy, rõ ràng rằng, bài tóm tắt tự động thua kém bài tóm tắt thủ công cả về chất lượng và số lượng và thường khó thỏa mãn yêu cầu về giới hạn khối lượng bài tóm tắt trong các cơ sở dữ liệu tư liệu. Do đó có người cho rằng, có lẽ máy tính điện tử thích hợp hơn cho việc làm bài lược thuật hơn làm bài tóm tắt. Tuy nhiên với trình độ phát triển của công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghệ phần mềm, việc khắc phục những nhược điểm nói trên để sử dụng có hiệu quả máy tính điện tử biên soạn các bài tóm tắt trong các cơ quan thông tin thư viện là điều có thể hy vọng.

Nguyên trích: *Phan Huy Quế. Biên soạn bài chú giải và tóm tắt tài liệu : Giáo trình. - H. : Trung tâm Thông tin tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 1998. - Lưu hành nội bộ. - tr.108-115.*

Phụ lục II

BÀI TỔNG THUẬT

NGUỒN GỐC VÀ LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO CỔ, TÔN GIÁO NGUYÊN THỦY TRONG CÁC LỄ HỘI CHĂM

Văn hoá Chăm trong những năm gần đây được các nhà nghiên cứu hết sức quan tâm. Do đó nhiều công trình khoa học về Người Chăm và văn hoá Chăm đã ra đời. Nhưng đến nay giữa tôn giáo và tín ngưỡng người Chăm vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra : Bàlamôn và Hồi giáo có phải là tôn giáo chính thống của người Chăm hay không? Họ tiếp nhận và cải biến hai loại hình tôn giáo này như thế nào? Tín ngưỡng bản địa của họ ra sao? Đây là vấn đề đang được các nhà nghiên cứu, các chức sắc người Chăm, các nhà quản lý tôn giáo... hết sức quan tâm.

Như chúng ta đã biết, đồng bào Chăm ở nước ta có ba nhóm tín ngưỡng chính là: Chăm Bàlamôn, Chăm Bàni, và Chăm Islam. Tuy nhiên cũng có một bộ phận nhỏ người Chăm không theo tôn giáo nào.

Nguồn gốc và loại hình tín ngưỡng cổ xưa nhất của cộng đồng Chăm ở Việt Nam (chủ yếu là cộng đồng Chăm Bàlamôn) là hình thái gắn liền với xã hội mẫu hệ. Theo nhiều sử liệu cho thấy, ngay từ khi lập quốc, nước Chăm-pa xưa đã phải chịu ảnh hưởng lớn của nền văn minh Ấn độ với tín ngưỡng Bàlamôn giáo. Nhưng lại có sử liệu cho rằng: "Trước khi chịu ảnh hưởng của nền văn minh Ấn độ với tín ngưỡng Bàlamôn giáo, khu vực Đông Nam Á đã có một nền văn hoá Nam Á" [1; tr.11] phát triển và có sự lan toả ra các nước trong khu vực. một số đặc thù của nền văn hoá Nam Á lúc bấy giờ là:

- Văn hoá lúa nước;
- Thuần dưỡng trâu bò;
- Làm nghề khai thác biển;
- Tín ngưỡng vật linh và thờ cúng tổ tiên;
- Thuyết nhị nguyên về vũ trụ.

Có thể nói tín ngưỡng dân gian của đồng bào Chăm là tín ngưỡng đa thần. Hơn nữa đồng bào Chăm coi cuộc sống bên kia sau cái chết là nơi linh hồn con người tồn tại mãi mãi. Vì vậy trong cuộc sống họ luôn luôn tôn thờ "Đấng tạo ra vũ trụ" Đấng ấy người Chăm gọi là "Ông Trời" (Pô Langhit), ngoài Polangit người Chăm còn có phong tục tôn thờ hệ thống các Pô Yang (các thần linh) và những lễ hội truyền thống khác.

1. Sự tôn thờ các Pô Yang.

Xuất phát từ quan niệm coi thiên nhiên và vạn vật xung quanh đều có linh hồn, nên từ lâu đồng bào Chăm đã theo tín ngưỡng đa thần: Đứng đầu là Po Langit, dưới là một hệ thống các Pô yang như Thần Núi (Pô Yang Chót), Thần Nước (Pô yang Sri), Thần Chuột (Pô Yang Takuh)...

Cùng với việc tôn thờ các thần linh, người Chăm còn có tục thờ chung hoặc riêng ba vị thần có nguồn gốc từ Ấn Độ đó là:

- Thần Brahma, vị chúa tể vạn vật;
- Thần Vishnu, thần bảo tồn;
- Thần Shiva, thần phá hoại và tạo tác.

2. Loại hình tôn giáo, tín ngưỡng nguyên thủy trong lễ hội Chăm.

Như ta đã biết lễ hội Chăm là nơi hội tụ di sản văn hoá, là tấm gương phản chiếu sinh hoạt của cộng đồng. Lễ hội còn là nơi người Chăm thoả mãn nhu cầu về tâm linh. Do đó, lễ hội từ lâu đã trở thành một sinh hoạt quan trọng trong các hoạt động tín ngưỡng - tôn giáo Chăm. Qua lễ hội chúng ta sẽ thấy được người Chăm đến với lễ hội là để cầu cúng những vị thần nào và hình thức ra sao, họ theo tôn giáo nào?

Trước hết, trong lễ hội Chăm ta thấy có các tục thờ cúng theo các loại hình tôn giáo tín ngưỡng nguyên thủy, Bàlamôn giáo và Hồi giáo.

a. Tục thờ đá, thờ cây ngoài trời

Người Chăm đa số có tục thờ thần bằng đá thô sơ ngoài trời. Họ thường thờ thần đá ở núi cao, mô đất nhô cao, gốc cây, đồng ruộng, bờ sông, bãi biển. Tục này chúng ta thấy hầu hết trong lễ hội tại các di tích như: đền thờ Po Inur Nugar Bình Nghĩa; Tục thờ ngẫu tượng Linga ở núi Chà bang, thần Chăn tinh ở núi Đá Trắng...Tục thờ phiến đá của người Chăm là phổ biến nhất trong các dịp lễ hội.

Ngoài tục thờ đá, người Chăm còn có tục thờ cây. Người Chăm quan niệm: Cây cao bóng cả là nơi trú ngụ của thần linh. Vì vậy, cây cao không được trồng trong nhà, trong làng mà chỉ trồng ở những nơi thờ tự ngoài làng. Người Chăm có tục cúng tế các vị thần đất, thần sông, thần mây mưa, sấm chớp...sau khi dự hội.

b. Tục thờ con vật

Lễ hội Chăm còn lưu lại nhiều dấu vết thờ tục thờ con vật như trâu, ngựa, hổ, cá, ốc biển...Tục thờ này không những là dấu vết của loại hình

tôn giáo nguyên thủy có từ lâu đời mà còn cho ta thấy cư dân Chăm vừa làm nông, vừa làm nghề biển...

c. Loại hình Saman giáo

Đây là yếu tố quan trọng trong lễ hội Chăm. Người Chăm đem lễ vật dâng cúng thần nhằm mục đích để tưởng nhớ các vị thần, cầu mong các vị thần phù hộ.

Yếu tố Saman giáo trong lễ hội Chăm được tập trung chủ yếu nhân vật chính: *bà bóng*(Pajau) và *thầy bóng*(Kain), và một số thành viên của dân làng, khi dự lễ cũng thỉnh thoảng có lên đồng, nhập bóng. Đó là những con người có sự đồng cảm với các thần linh. Lên đồng, nhập bóng là trách nhiệm, vinh dự của họ đối với cộng đồng.

Cùng với lên đồng, nhập bóng, yếu tố nghi lễ: tục cúng, lên đồng, nhập bóng, điệu múa... là những yếu tố tổng hoà tạo nên hiện tượng hoá thân của bóng đồng (Samanit) trong tín ngưỡng, lễ hội của người Chăm.

d. Tục thờ các vị anh hùng lịch sử, anh hùng văn hoá và thần nghề nghiệp

Trong hệ thống thần linh được thờ cúng theo tín ngưỡng, lễ hội Chăm có các vị thần là anh hùng văn hoá, anh hùng dân tộc, thần nghề nghiệp mà người Chăm suy tôn như Nữ thần Pô Inur Nugar, thần Pô Rame...

Tục thờ anh hùng trong lễ hội Chăm không chỉ thể hiện qua lời ca, tục cúng tế mà còn lưu giữ “công cụ” của nghề trong lễ mang tính trình nghề. Công cụ trình nghề liên quan đến nghề truyền thống như *cây chèo thuyền* (tanien), *cây Kìu* (gar quang) trong hội múa Rija. Ngoài ra, dân tộc Chăm còn có tục thờ thần mẹ Pô Inur Nư, thần Nông, thờ gạo (brah khan) dâng gạo lễ (tuh brah); tục dâng cúng các loại gôm Chăm ở các đề tháp, tục làm nghề đánh lưới chài cá (Sah Jal) trong hát lễ múa lớn Rija Praung...

Có thể nói, tục thờ cúng thần nghề là một nét tín ngưỡng cơ bản góp phần làm phong phú thêm tín ngưỡng thờ thần, vị anh hùng văn hoá, lịch sử dân tộc trong lễ hội Chăm. Ngoài ra, họ còn thờ các vị thần mây, mưa, sấm, chớp, thờ thần sông, thần lúa...

Tóm lại, thông qua lễ hội, chúng ta có thể lấy ngay từ khởi thủy người Chăm đã có tín ngưỡng bản địa của riêng mình.

Có thể nói, lễ hội Chăm phản ánh rõ nét tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm. Đó là trước và sau khi tiếp nhận Balamôn giáo và Hồi giáo. Từ tín ngưỡng ấy, người Chăm luôn mang theo tâm thức sung mãn cho

con người và vạn vật; mang theo thể lưỡng phân, lưỡng hợp về sự tách ra để trưởng thành và gắn lại để trưởng tồn. Tất cả niềm tin thành kính ấy, qua các thời kỳ lịch sử đã được chất lọc, khái quát hoá thành tín ngưỡng cơ bản trong lễ nghi, hội hè của người Chăm.

Cao Ánh Dung tổng thuật.

Nguồn trích: *Thông tin Văn hoá Nghệ thuật / Thư viện Quốc gia Việt Nam. – năm 2004. – Số 2-. – tr. 11-14*

Phụ lục III

KỊCH BẢN GIỚI THIỆU SÁCH – MỘT HÌNH THỨC ỨNG DỤNG CÁCH VIẾT TỔNG QUAN THÔNG THƯỜNG

KỊCH BẢN GIỚI THIỆU CUỐN “THI NHÂN VIỆT NAM”

Sân khấu trang trí như quang cảnh ngày tết. Một ông đồ và một thư đồng đang ngồi giảng giải cho nhau các chữ Nôm và chữ Hán bên cạnh nghiên, bút và giấy đỏ.

Bài hát: Tết tết tết đến rồi.

MC:

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua

Ông đồ là những sĩ tử thành danh hay chưa thành danh, song nếu như không sinh nhằm thế kỷ hoạn lộ hẳn còn đó chờ đợi một sự đổi đời. Ông đồ cũng có thể là những người mỗi một chôn quan trường tự nguyện lui về sử dụng bút nghiên như một phương tiện truyền đời, tải đạo.

Ông đồ thời triều Nguyễn cận kim còn là chứng nhân của một thế hệ những con người đang rơi dần vào sự bế tắc của đất nước. Hoàn cảnh ấy đã dẫn ông mưu sinh bằng cách bán chữ giữa màn trời chiếu đất. Thay vì đã đến cận kề với vai trò cầm cân nảy mực, họ bị hất bắn ra khỏi giấc mộng Nam Kha, đối đầu với một thực tế: Kẻ sĩ sống không vì cơm áo, nhưng cơm áo vốn cần thiết để tồn tại.

Ông đồ dầu muốn, dầu không, đành xuống núi.

Dạy học ư? Giữa buổi giao thời tìm đâu ra môn đệ,

Quảng bút lông đi giặt chì ư? Sĩ khí nhà Nho không cho phép.

Chỉ còn lại một cánh cửa hẹp để ông tiếp tục tiếp xúc với bút nghiên và giảng giải chữ thánh hiền: Viết câu đối đỏ. Những câu đối đỏ thể hiện bằng chữ hán hay chữ nôm sử dụng ngọn bút lông, mực tàu, giấy đỏ và nghiên nước mà bấy lâu nay, trong văn hoá dân tộc vẫn trân trọng gọi là: “**Văn phòng tứ bảo**”

Đây không phải là sự lựa chọn tối ưu, nhưng đó là cánh khả dĩ chấp nhận được để biện minh cho sự tồn tại đáng thương của ông đồ. Sự tồn tại của nhưng giá trị được xem là tinh túy Đông phương trước sức tấn công ồ ạt của chủ nghĩa phương Tây thực dụng.

Có chăng tấm lòng trung trinh vị quốc của một thế hệ kẻ sĩ mà ông đồ là hiện thân mỉa mai và đau đớn:

Có phải tiếc xuân mà đứng gọi

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ

May mắn sao vẫn còn những kẻ chưa vội quen thú vui xuân thời thượng qua câu đối. Một thiếu số thị dân kia vô tình nuôi sống ông đồ. Không chỉ bằng tiền thuê viết, mà vượt lên trên tất cả là những giá trị tinh thần mà họ mang lại cho ông đồ qua những mối quan tâm đến ý nghĩa sâu xa của chữ thành hiền. Ai đã từng mục kích hình ảnh những nhà nho xưa kia khi họ trầm ngâm bên trang giấy đỏ và nghiên bút mực tàu ắt sẽ khó quên sự khác biệt dị thường trong lối cầm bút cùng nét chữ tượng hình, đậm nhạt chấm phá - viết cứ như vẽ, tựa hồ tranh.

Ông đồ làm hành động giải thích chữ TA

MC:

Đây là chữ TA

Một chữ ta được cách điệu như một cây xương rồng trên sa mạc hoang vắng. Nó cho ta cảm giác ta - con người thật đơn côi giữa vũ trụ bao la. Tuy nhiên hình ảnh cây xương rồng giữa sa mạc còn làm cho ta thấy con người tuy đơn côi nhưng thật là cứng cỏi, thật là bản lĩnh. Nhìn gần thêm, chữ ta không chỉ là một cây xương rồng mà là một cụm có hai nhánh, một thấp, một cao. Đã có hai thì không chỉ là ta mà có thể là chúng ta - một nữ một nam, một âm một dương. Đã có nam có nữ, đã có âm có dương hài hoà thì con người đã có thể tạo ra cả một thế giới riêng. Thế giới đó là VĂN HOÁ.

Ông đồ làm hành động giải thích chữ Thông

MC:

Còn đây là chữ Thông. Thông viết bằng chữ NÔM được cách điệu hết như một cây Thông, Nét bút khoáng đạt và khoẻ khoắn tạo cho cây thông một sức sống vươn lên mãnh liệt, ngang tàng. Thêm một vòng tròn đỏ, tạo ra một mặt trời. Bức tranh chữ này bỗng gợi nhớ đến câu thơ của cụ Nguyễn Công Trứ:

“Kiếp sau xin chớ làm người

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo”

Và đặc biệt qua những lời tán thưởng hào phóng:

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài

Hoa tay thảo những nét

Như phương múa, rồng bay.

Nhưng cuộc sống vốn không dễ gì cho phép ai ngâm mình quá lâu trong nỗi buồn hay niềm vui vĩnh cửu. Huống chi ông ông đồ vốn dĩ là **“chứng tích của một thời đã lụi tàn”** sao ông có thể giữ được những gì ông muốn giữ.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sâu

Từ một hoạt cảnh lạc quan chợt dung vẫn sân khấu ấy và vở diễn ấy nhưng người nghệ sĩ già đã mất đi công chúng, ánh đèn chợt dọi xuống sân hoa trở màu và số phận nhân vật chuyển sang một tình huống mới, quanh quẽ và hắt hiu:

Ông đồ vẫn còn đấy

Qua đường không ai hay

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài đường mưa bụi bay

Màu sắc tàn úa của những chiếc lá vàng hiem hoi còn sót lại từ mùa thu cũ hay nỗi niềm ảm đáu của một con người thất thời lỡ vận? Ông đồ vẫn ngồi đấy nhẩm đếm từng nhịp chân qua từng nhịp thời gian trong nỗi

lạnh lùng và tuyệt vọng. Trên con phố cũ, mạch đời vẫn tuôn chảy nhưng dòng người do đâu mà đứng đưng hoá đá?

Nhà thơ Vũ Đình Liên đã nhiệt tình quá chăng khi trao gửi cho con người lạc điệu và khiêm tốn nhường ấy sứ mệnh của một Cao Chu Thần tài hoa, khí phách, hay vốn nặng lòng tiếc thương và trân trọng, vô tình nhà thơ đã phủ trùm “cái tôi” chủ quan và hiện đại lên pho tượng cổ vô giá nhưng đã phủ xanh rêu:

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Hai MC nam và nữ ra sân khấu.

MC Nữ:

Kính thưa ban giám khảo

Thưa các vị đại biểu, các thầy cô giáo và các bạn

Hình ảnh một ông đồ và nỗi nhớ ông đồ trong bức tranh xuân, bức tranh văn hoá của dân tộc đã khắc sâu vào tâm khảm chúng ta vừa được tái hiện lại trong tiểu phẩm vừa rồi dựa trên tác phẩm “ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên, một nhà thơ thuộc dòng thơ mới, dòng thơ xuất hiện trên văn đàn Việt Nam dưới tác động của mối giao lưu văn hoá Việt – Pháp trong một khoảng thời gian thật ngắn ngủi: 1930-1945 nhưng đã để lại những dấu son rực rỡ, làm đắm say biết bao thế hệ bạn đọc. Để hiểu thêm dòng thơ độc đáo này trong bức tranh văn hoá dân tộc, nhóm “Hai sắc hoa Tigôn” chúng em lựa chọn và trân trọng giới thiệu với quý vị cuốn “**Thi nhân Việt Nam**” của hai tác giả, hai cây đại thụ trong làng phê bình văn học Việt Nam Hoài Thanh – Hoài Chân.

MC Nam:

Thơ mới đã từng khiến nhiều nhà phê bình văn học tốn nhiều giấy bút để bình luận, tranh luận và say mê. Các thi sĩ thuở ấy đã đem lại cho bạn đọc một tiếng nói mới, phản ánh trung thực tâm trạng của một lớp thanh niên tiểu tư sản tràn đầy tính lãng mạn, tình yêu tổ quốc và dân tộc nhưng cũng đầy trăn trở và bế tắc trước nỗi nhục mất nước. Với sự đổi mới mạnh mẽ của hình thức nghệ thuật, thơ mới đã thực sự thu hút được sự chú ý của đông đảo bạn đọc yêu thơ và góp một phần quan trọng trong sự phát triển của thể loại và chứng minh khả năng biểu đạt phong phú của Tiếng Việt.

MC Nữ:

Ngay từ năm 1942, Hoài Thanh và Hoài Chân đã kịp thời sưu tầm và giới thiệu, bình luận những tác phẩm và tác giả của dòng thơ độc đáo này, và kết quả của cố gắng đó chính là sự ra đời của “Thi nhân Việt Nam”

Đã gần 70 năm trôi qua, thời gian đã bào mòn và thay đổi vạn vật nhưng “Thi nhân Việt Nam” vẫn là cuốn sách được gói đầu giường của bao thế hệ yêu thơ. Những đánh giá của Hoài Thanh – Hoài Chân vẫn là những đánh giá trân trọng nhất, hay nhất dành cho thơ mới. Xin các quý vị hãy dành chút thời gian để lắng nghe thời gian lắng đọng trong tâm hồn mình để nhìn lại một chặng đường của con thuyền “Thơ mới”.

MC nam:

Cuốn “Thi nhân Việt Nam” mà nhóm chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc hôm nay là ấn bản lần thứ 21, do nhà xuất bản Văn học ấn hành. Sách dày 407 trang, trình bày đẹp, khoa học, có ảnh chân dung của tác giả và được chia làm 5 phần:

MC nữ:

Phần 1: Tiểu sử tác giả Hoài Thanh – Hoài Chân. Phần này chứa những thông tin sơ lược về tác giả của cuốn sách HOÀI THANH-HOÀI CHÂN, những cống hiến của họ cho phong trào thơ mới và cho cách mạng.

MC Nam:

Phần 2: Thi sĩ Tản Đà - người khai bút cho thơ mới: Phần này là sự ghi nhận công lao to lớn của Tản Đà với thơ ca đương đại. Ông là cây cầu nối giữa thơ mới và thơ ca truyền thống, là cây đại thụ giữa hai thế kỷ, hai thời đại thơ ca.

MC Nữ:

Phần 3: Một thời đại thi ca: Đánh giá những nét đặc sắc nhất của nghệ thuật thơ mới với những đóng góp của thể loại thơ tự do và khả năng biểu đạt mới của Tiếng Việt

MC Nam:

Phần 4: Bốn mươi sáu đại biểu của phong trào thơ mới: Sự xuất hiện của 46 nhà thơ với 170 tác phẩm của họ chiếm một phần lớn dung lượng của cuốn sách. Đây là phần chính yếu mà Hoài Thanh – Hoài Chân dồn tâm huyết và tài năng của mình để tuyển chọn, đánh giá, phê bình các tác phẩm thơ mới.

MC Nữ:

Phần 5: Nhỏ to: Là những điều tâm sự đầy tâm huyết của các tác giả “Thi nhân Việt Nam” cùng bạn đọc, chắt chứa những cảm nhận sâu sắc cùng những nỗi băn khoăn về Thơ Mới và những thi nhân tạo dựng lên thành tri Thơ mới. Đồng thời, đây cũng là lời cảm ơn chân thành của các tác giả đối với những người có đóng góp để hoàn thành cuốn sách.

MC Nam:

Vâng để cảm nhận và có được hình dung trọn vẹn về tác phẩm, cũng như để tam hồn chúng ta thăng hoa cùng các vần thơ tuyệt tác, mời các quý vị cùng chúng tôi bước vào thế giới của Thơ mới. Bên cạnh tác phẩm bất hủ “Ông đồ” mà chúng ta vừa làm quen qua tiểu phẩm vừa rồi, xin hãy dừng ở những lời bình sâu sắc về một nhà thơ mà chúng tôi vô cùng yêu mến, nhà thơ Hàn Mặc Tử, một thi sĩ với nỗi đau quặn thắt của một cái tôi giằng xé, điên loạn trong một thế giới kỳ lạ và những tâm tình mộc mạc và chân thành.

*“Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...”*

MC Nữ:

“Thi nhân Việt Nam” cũng dành một dung lượng lớn cho sự thăng hoa của Thơ Xuân Diệu. Xuân Diệu đã gửi thơ của người lữ hương xưa của đất nước, bao nỗi niềm riêng của thanh niên lúc bấy giờ. Xuân Diệu được coi là mới nhất trong các nhà thơ mới. Ông cũng đã từng được mệnh danh là ông hoàng của tình yêu. Những câu thơ tình của ông nồng nàn và da diết biết bao:

*“Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm
Anh nhớ em, em hỡi anh nhớ em
Không gì buồn bằng những chiều êm
Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rới
Đêm băng khuâng đôi miếng lẩn trong cành”*

MC nam:

Nếu như bạn muốn một lần thưởng thức lại một bài thơ đã từng được coi là bài thơ tình hay nhất: bài thơ “Hai sắc hoa tingôn”, xin mời bạn hãy lật những trang cuối của cuốn Thi nhân Việt Nam. Tại đây chúng ta sẽ thấy tuyệt tác thơ tình này với bút danh đã từng gây nhiều thắc mắc của bạn yêu thơ: TTKH, một thi sĩ bỗng dưng loé sáng trên thi đàn với những tác phẩm làm ngơ ngẩn lòng người rồi lặng lẽ biến mất trong sự bàng hoàng, sửng sốt của người yêu thơ:

MC nữ:

*Tôi sợ chiều thu nhạt nắng mờ
Chiều thu hoa đỏ rụng. Chiều thu
Gió về lạnh lẽo chân mây trắng
Người ấy sang sông đứng ngó chờ*

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng
Trời ơi! người ấy có buồn không?
Có thăm nghĩ đến loài hoa vỹ
Tự trái tim phai, tựa máu hồng*

MC nam:

“Thi nhân Việt Nam” là sự khám phá và đánh giá hệ thống đầu tiên đối với Thơ mới. Việc chọn lựa và đánh giá các tác phẩm đương thời bao giờ cũng khó khăn, nhất là những người mới xuất hiện trên văn đàn. Những với sự cảm thụ sâu sắc và với cái nhìn tinh tế các tác giả đã chọn lựa một chùm hoa giàu hương sắc trong vườn Thơ mới để gửi tặng những người yêu thơ. Chính vì vậy mà “Thi nhân Việt Nam” đã được nhiều thế hệ bạn đọc trong cả nước đón nhận và tán thưởng.

MC nữ:

Chắc rằng không thể tránh được những hạn chế và thiếu sót, nhưng Thi Nhân Việt Nam vẫn là tư liệu quý giá để chúng ta tham khảo, xem xét, đánh giá và cảm nhận Thơ mới.

MC nam:

Khi chọn giới thiệu cuốn sách này, Nhóm “Hai sắc hoa tingôn” chúng tôi hy vọng rằng sẽ khơi lại nguồn mạch của những say mê vô tận của bạn đọc yêu thơ nói chung và yêu phong trào thơ mới nói riêng. Xin các quý vị hãy đến với **Thi nhân Việt Nam**, hãy nghe nhưng đánh giá và cảm nhận của các tác giả, hãy tìm sự đồng điệu của tâm hồn và sự cảm

thông với các thi sỹ trong phong trào Thơ mới. Hãy thả hồn mình trong những vần thơ trữ tình, sâu lắng ấy, nó sẽ giúp tâm hồn quý vị thư thái, thăng hoa. Hy vọng rằng cuốn sách này sẽ giúp các bạn yêu thơ hơn và tìm thấy niềm vui trong thơ ca.

MC nữ:

Cuối cùng xin kính chúc khoẻ Ban giám khảo, quý vị đại biểu, các thầy cô giáo và các bạn. Chúc buổi giao lưu thành công rực rỡ.

Nguyên trích: *Kịch bản cuộc thi giới thiệu sách nhân ngày hội "Thế giới đọc sách" tổ chức tại Thư viện quốc gia năm 2007. Phần thi đạt giải nhất cuộc thi*

Phụ lục IV MỘT SỐ BÀI TÓM TẮT

1. Gió ngược chiều trong thương mại dưới thời Obama

Greg Rushford, Far Eastern Economic Review, tháng 1-2/2009, 4 trang

Nếu những diễn thuyết theo chủ nghĩa bảo hộ mà Tổng thống Barack Obama đã phát biểu trong chiến dịch vận động năm 2008 đã gây bối rối và làm cho châu Á lo ngại, thì những bổ nhiệm sớm của Tổng thống Mỹ cho các chức vụ trong chính quyền chỉ tái đảm bảo rằng ông muốn điều hành từ trung tâm, Rushford khảo sát xem chính sách thương mại của Mỹ đối với châu Á sẽ như thế nào dưới sự lãnh đạo mới theo đường lối thương mại tự do của Obama.

2. Kiểm duyệt mềm: Các chính phủ trên khắp thế giới sử dụng tiền như thế nào để tác động đến phương tiện truyền thông?

Don Podesta, Báo cáo gửi Trung tâm Hỗ trợ truyền thông quốc tế, 9/1/2009, 32 trang.

Tại nhiều nước ngày nay, việc kiểm duyệt các phương tiện truyền thông mới đã tự thể hiện ở những phương pháp tinh vi hơn nhiều, hiện tượng này đôi khi được gọi chung là “kiểm duyệt mềm”. Báo cáo này khảo sát sự lan truyền của các phương pháp kiểm duyệt gián tiếp, cụ thể là ở các nước mà tại đó các nền dân chủ còn yếu ớt và không có truyền thông về phương tiện truyền thông mạnh và độc lập. Tác giả cũng nghiên cứu các biện pháp có thể áp dụng để chống kiểm duyệt.

Nguồn trích: Reference Update / IRRC. – 2009. – Tháng 2.

3. Tai biến động đất và sóng thần / Cao Đình Triều. – H. : KHKT, 2008. – 156 tr.

Hơn 255.000 người chết trong trận động đất ở Đường Sơn, Trung Quốc năm 1976, khoảng 10.000 chết ở thủ đô Mehico năm 1985, gần 289.000 người chết và mất tích trong trận động đất gây sóng thần ngày 26 tháng 12 năm 2004 tại Sumatra... Động đất và động đất gây sóng thần là nỗi kinh hoàng và khiếp sợ của toàn nhân loại. Cuốn sách mô tả một số trận động đất, đưa ra nguyên nhân và biện pháp giảm nhẹ những ảnh hưởng của tai biến động đất ở Việt Nam.

4. Sắc thái kinh tế 2007 lạc quan cho năm 2008 / Hương Giang // Tạp chí Tài chính doanh nghiệp, 2008. – số 1, 2. – tr.54-55.

Năm 2007, một năm tăng trưởng khá không có nhiều biến động lớn: Giá dầu lửa tăng 100 USD/thùng, giá vàng tăng, giá USD giảm, khủng hoảng thị trường bất động sản Mỹ.. Theo đánh giá, nhận định của các chuyên gia kinh tế năm 2008 kinh tế sẽ tăng trưởng chậm, đối mặt với nhiều khó khăn: THị trường bất động sản giảm sút, kinh tế Mỹ suy thoái; giá dầu mỏ, hàng hoá tăng mạnh;... Nhìn chung triển vọng kinh tế toàn cầu năm nay vẫn tương đối sáng sủa.

Nguồn trích: Bản tin điện tử / Trung tâm thông tin thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội. – 2008.- số 10

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abstracting and Indexing / Lancaster ed. – London, 1998.
2. Almanach những nền văn minh thế giới. - H. Văn hoá thông tin, 1996.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ. Trung tâm Thông tin tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia. Tổng quan Công nghệ cao . - 2003 - số 1.
4. Biên soạn tổng luận và chỉ dẫn phân tích : tài liệu hướng dẫn / Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia. - H., 1993.
5. Bùi Xuân Mỹ. Từ điển lễ tục / Bùi Xuân Mỹ, Phạm Minh Thảo b.s. - H. : Văn hoá Thông tin, 2009.
6. Giuk, I.P. Annotasia v kataloge massovoj bibliteki. - M., 1929.
7. Introduction to the Techniques of Information and Documentation. - Paris : UNESCO, 1983.
8. ISO 5122-1979. Documentation. Abstracts for Publication and Documentation.
9. King, Lester S. The book review. - Jama, Vol 205. - 1968.
10. Lê Văn Việt. Cẩm nang nghề thư viện. - H. : Văn hoá Thông tin, 2000.
11. Manten, A.A. Book review in primary journal' // Journal of technical writing and communication. - vol.5. - 1975.
12. Nguyễn Hữu Viêm. Những căn cứ khi tóm tắt văn bản sách, bài báo - tạp chí // Tạp chí Thư viện Việt Nam. - 2007. - số 3, 4.
13. Nguyễn Như Ý. Đại từ điển tiếng Việt. - H. : Khoa học xã hội, 2003.
14. Nguyễn Thị Kim Loan. Quy tắc mô tả nội dung tài liệu bằng bài chú giải, tóm tắt / Nguyễn Thị Kim Loan. - H. : Thư viện Quốc gia, 1998. - Lưu hành nội bộ.
15. Phan Huy Quế. Biên soạn bài chú giải và bài tóm tắt tài liệu : Giáo trình. - H. : Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 1998. - Lưu hành nội bộ.
16. Review and Reviewing : A guide / Ed. By A.J.Walford. - Phoenix : The Oryx Press. - 1986
17. Sumarin. Metodika sostavlenja annotasii. - M., 1997.

18. Tạp chí Thông tin tư liệu / Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và công nghệ quốc gia. – 2004. – số 4
19. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật. - năm 2004. - số 7
20. TCVN 4523-88. Ấn phẩm thông tin : Phân loại, cấu trúc, trình bày. - Có hiệu lực từ 01-01-1988.
21. TCVN 4524-88. Xử lý thông tin : Bài tóm tắt và bài chú giải. - có hiệu lực từ 01-01-1989.
22. Thông tin văn hoá nghệ thuật / Thư viện Quốc gia Việt Nam. – 2004 . – số 2.
23. Trần Thanh Hà. Tam diện tùy bút. - H., 2008
24. Văn hoá dân gian : Tạp chí nghiên cứu chuyên ngành / Viện nghiên cứu văn hoá. - 2006. - số 1
25. Văn hoá dân gian : Tạp chí nghiên cứu chuyên ngành / Viện nghiên cứu văn hoá. - 2005. - số 4
26. Văn hoá dân gian : Tạp chí nghiên cứu chuyên ngành / Viện nghiên cứu văn hoá. - 2005. - số 6